



SONG HONG
CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÔNG HỒNG



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022



Danh mục các khái niệm và chữ viết tắt

Công ty/ MSH	Công ty Cổ phần May Sông Hồng
UBCKNN	Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
HOSE/HSX	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
CTCP	Công ty cổ phần
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
CTHĐQT	Chủ tịch Hội đồng quản trị
UBKT	Ủy ban Kiểm toán
BTGD	Ban Tổng giám đốc
TGD	Tổng Giám đốc
PTGD	Phó Tổng Giám đốc
GSO	Tổng cục thống kê Việt Nam
VITAS	Hiệp hội dệt may Việt Nam
CUSTOM	Tổng cục hải quan
IMF	Quỹ tiền tệ quốc tế
EVFTA	Hiệp định thương mại tự do Liên minh châu Âu - Việt Nam
CPTPP	Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương
UKVFTA	Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Vương quốc Anh

MỤC LỤC

Phần I

Phần mở đầu

[8-13]

- Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị [8-9]
- Tóm tắt thông tin tài chính giai đoạn 2018 – 2022 [10-11]
- Tầm nhìn và Sứ mệnh [13]

Phần II

Giới thiệu công ty

[16-41]

- Thông tin chung về doanh nghiệp [16-21]
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh [22-26]
- Mô hình quản trị và bộ máy quản lý [27-33]
- Định hướng phát triển [34-36]
- Rủi ro [37-41]

Phần III

Tình hình hoạt động trong năm

[44-63]

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh [44-46]
- Tình hình đầu tư và thực hiện dự án đầu tư [47-49]
- Tình hình tài chính [50-53]
- Tổ chức và nhân sự [54-59]
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu [60-63]

Phần IV

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

[66-81]

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 [66-67]
- Tình hình tài chính [68-72]
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý [73-75]
- Phương hướng phát triển năm 2023 [76-78]
- Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) ... [79]
- Đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội [80-81]

Phần V

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của công ty

[84-89]

- Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty [84-86]
- Hoạt động của Hội đồng quản trị [87-88]
- Kế hoạch, định hướng của HĐQT [89]

Phần VI

Quản trị công ty

[92-101]

- Hội đồng quản trị [92-95]
- Ủy ban kiểm toán [96-97]
- Giao dịch và thù lao của HĐQT, BTGD [98-99]
- Tăng cường quản trị công ty [100-101]

Phần VII

Quản trị rủi ro

[104-107]

- Cơ cấu quản trị rủi ro [104]
- Quy trình quản trị rủi ro [105-106]
- Đánh giá hoạt động quản trị rủi ro 2022 [107]

Phần VIII

Báo cáo phát triển bền vững

[110-121]

- Giới thiệu báo cáo [110]
- Mục tiêu phát triển bền vững .. [111]
- Đánh giá của Ban Tổng giám đốc [112-114]
- Các chỉ tiêu phát triển bền vững [115-121]

Phần IX

Báo cáo tài chính

PHẦN MỞ ĐẦU

**Thông điệp của Chủ tịch
Hội đồng quản trị**
[8-9]

Tầm nhìn và Sứ mệnh
[13]

**Tóm tắt thông tin tài chính
giai đoạn 2018 – 2022**
[10-11]



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý cổ đông, Quý khách hàng, Quý đối tác và Toàn thể Cán bộ nhân viên Công ty Cổ phần May Sông Hồng!

Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty, tôi xin được gửi lời chúc tốt đẹp nhất đến Quý vị - những người đã dành nhiều tình cảm, lòng tin và tâm huyết đồng hành cùng Công ty Cổ phần May Sông Hồng trong suốt thời gian vừa qua.

Năm 2022 đi qua đã khép lại một chặng đường với những cung bậc cảm xúc trái ngược của ngành dệt may thế giới và trong nước.

Trên thế giới, tình hình kinh tế toàn cầu tiếp tục gặp nhiều khó khăn và biến động do các yếu tố vĩ mô chuyển biến xấu. Trong những tháng đầu năm, nhu cầu tiêu thụ tăng trưởng mạnh tại các thị trường nhập khẩu hàng may mặc chính của thế giới đã thúc đẩy hoạt động xuất khẩu cùng lượng đơn hàng trong nước dồi dào trở lại. Tuy nhiên, tiến đến những tháng cuối năm, đặc biệt là trong Quý IV/2022, tình trạng đơn hàng nhanh chóng suy yếu trước những diễn biến bất lợi của thị trường tiêu thụ toàn cầu trong bối cảnh các nền kinh tế phát triển đang phải chịu đựng mức lạm phát rất cao. Trong đó, các cường quốc như Mỹ, Liên minh châu Âu (EU) và Trung Quốc đều chứng kiến mức tăng trưởng giảm nhiều nhất thế giới. Các thách thức tiếp tục được đặt ra với nền kinh tế trong năm 2022 có thể kể đến là lạm phát, ảnh hưởng của biến động mạnh trong tỷ giá, khủng hoảng năng lượng và các yếu tố bất ngờ trong thay đổi chính sách và quan hệ chính trị giữa các

quốc gia đứng đầu.

Trong nước, tình hình kinh tế - xã hội có phần khả quan hơn. Theo số liệu của Tổng cục thống kê, ước tính GDP năm 2022 tăng 8,02% so với năm 2021, mức tăng cao nhất kể từ năm 2011, nhờ các hoạt động giao thương được khôi phục. Trong đó, Quý I, Quý II, Quý III và Quý IV lần lượt tăng 5,05%; tăng 7,83%; tăng 13,71%; tăng 5,92% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, tốc độ tăng trưởng CPI đạt 3,15% so với năm 2021, nhìn chung mặt bằng giá cơ bản được kiểm soát và đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Dù chịu nhiều ảnh hưởng bất lợi từ biến động kinh tế thế giới, các quyết sách tích cực của Chính phủ Việt Nam đã giúp giảm áp lực đáng kể lên mặt bằng giá, góp phần giúp các doanh nghiệp dệt may Việt Nam ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kính thưa quý cổ đông,

Hiểu rõ những thuận lợi và khó khăn chung, Ban lãnh đạo và tập thể Cán bộ công nhân viên Công ty đã nỗ lực đưa ra nhiều giải pháp kịp thời ứng phó với biến động thị trường, quyết tâm thực hiện ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong năm, Công ty Cổ phần May Sông Hồng đã hoàn thành vượt 12,7% kế hoạch doanh thu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đề ra và hoàn thành 87,8% kế hoạch lợi nhuận trước thuế. Xét trong bối cảnh thị trường gặp nhiều yếu tố bất lợi, dù chưa thể hoàn thành hết các chỉ tiêu, thành quả này có được là nhờ sự chỉ đạo tích cực của Ban TGD, nhờ đội ngũ kinh doanh đã rất linh hoạt chủ

động trong việc khai thác các khách hàng và đơn hàng mới để bảo đảm nguồn hàng ổn định cho tất cả các khu vực sản xuất, nhờ sự chia sẻ khó khăn và hợp sức của tất cả CBCNV toàn Công ty. Nhìn lại những năm đã qua, chúng ta cần thực lòng ghi nhận nỗ lực vượt bậc, tinh thần đoàn kết sẻ chia của toàn thể đội ngũ CBCNV May Sông Hồng và vững bước tiến về tương lai để đưa Công ty vượt qua sóng gió.

Bước sang năm 2023, thị trường dệt may được dự đoán sẽ tiếp tục đối mặt với nhiều trở ngại khi tình trạng lạm phát tăng cao sẽ kìm hãm khả năng chi tiêu tại các thị trường xuất khẩu. Bên cạnh đó, nhiều quốc gia có xu hướng điều chỉnh chính sách tài khóa, tiền tệ theo hướng thắt chặt để kiềm chế lạm phát có thể có những tác động mạnh mẽ tới khả năng phục hồi và tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công có xu hướng tăng lên trong những năm gần đây cũng sẽ tạo gánh nặng lên các doanh nghiệp trong ngành. Bất chấp những khó khăn kể trên, Công ty quyết tâm theo đuổi mục tiêu tăng trưởng quy mô bền vững trong lĩnh vực dệt may thông qua các kế hoạch mở rộng và gia tăng năng lực sản xuất, tích cực đầu tư cho bộ phận Nghiên cứu và phát triển sản phẩm (R&D), duy trì và tạo dựng mối quan hệ chiến lược với các đối tác, khách hàng, nhà cung cấp, cải thiện mức phúc lợi, an sinh xã hội cho người lao động và luôn làm tròn trách nhiệm

với cổ đông, với cộng đồng. Chúng tôi hoàn toàn tin tưởng rằng, với sự đồng lòng của toàn thể đội ngũ nhân viên, sự quyết tâm của Ban Lãnh đạo và sự tin tưởng của Quý vị, Công ty sẽ có thêm sức mạnh và động lực để đương đầu với mọi khó khăn thách thức, phát triển mạnh mẽ và tạo ra những giá trị bền vững cho xã hội.

Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần May Sông Hồng, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý khách hàng, Quý cổ đông đã tích cực đóng góp, ủng hộ và tin tưởng Công ty trong năm 2022 đầy biến động vừa qua. Công ty hy vọng tiếp tục nhận được những đóng góp, hỗ trợ từ Quý vị không chỉ trong năm 2023 mà còn là sự đồng hành lâu dài trong suốt hành trình phát triển bền vững của công ty.

**Trân trọng,
Chủ tịch Hội đồng quản trị**

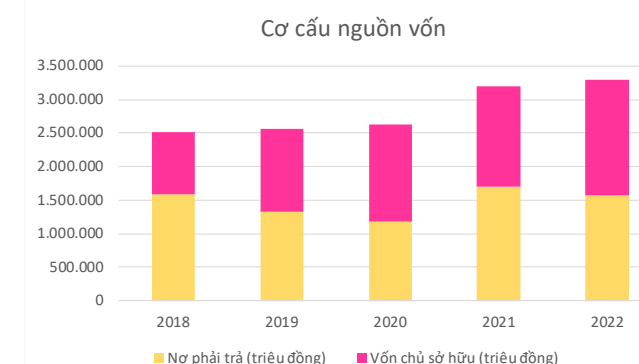
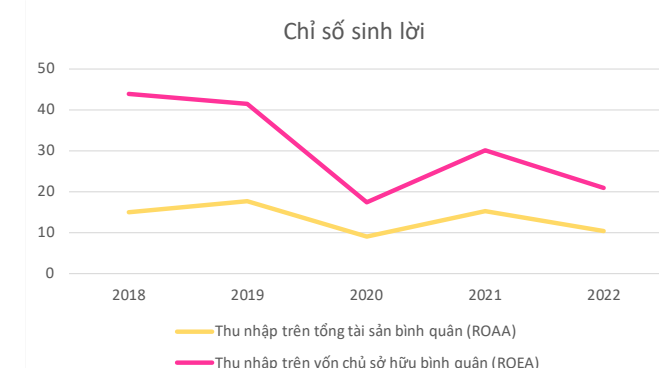
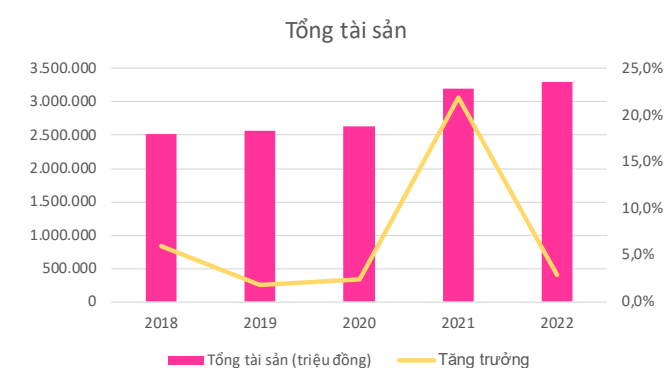
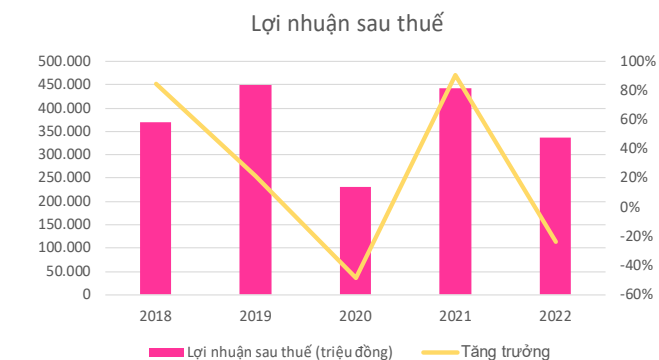
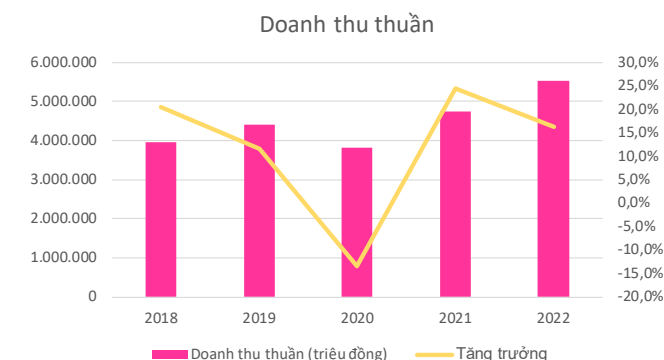


Bùi Đức Thịnh



TÓM TẮT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIAI ĐOẠN 2018 – 2022

Chỉ tiêu	2022	2021	2020	2019	2018
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
Doanh thu thuần (triệu đồng)	5.520.958	4.747.623	3.813.409	4.411.253	3.950.827
Lợi nhuận gộp (triệu đồng)	828.667	930.585	751.044	928.438	793.482
Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	439.053	542.658	283.283	546.535	449.902
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	337.685	442.366	231.795	449.846	369.826
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	4.998	5.897	4.635	9.113	10.232
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN					
Tổng tài sản (triệu đồng)	3.294.196	3.202.637	2.627.755	2.566.212	2.520.977
Nợ phải trả (triệu đồng)	1.575.145	1.707.236	1.185.555	1.330.468	1.587.254
Vốn chủ sở hữu (triệu đồng)	1.719.051	1.495.401	1.442.200	1.235.743	933.723
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU					
Tỷ suất sinh lợi trên doanh thu thuần (%)	6,12	9,32	6,08	10,20	9,36
Thu nhập trên tổng tài sản bình quân (ROAA) (%)	10,40	15,17	8,93	17,69	15,09
Thu nhập trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROEA) (%)	21,01	30,12	17,31	41,47	43,79



Điểm nhấn năm 2022



5.522,9 tỷ VNĐ

TỔNG DOANH THU (HỢP NHẤT)

439,1 tỷ VNĐ

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (HỢP NHẤT)



3.294,2 tỷ VNĐ

TỔNG TÀI SẢN

(tại ngày 31/12/2022)

337,7 tỷ VNĐ

LỢI NHUẬN SAU THUẾ (HỢP NHẤT)



750,1 tỷ VNĐ

VỐN ĐIỀU LỆ (tại ngày 31/12/2022)



12.033 nhân viên

(tại ngày 31/12/2022)

26 xưởng sản xuất

192 đại lý

55 nhà phân phối

TẦM NHÌN VÀ SỨ MỆNH



Tầm nhìn

Sông Hồng mong muốn luôn là đối tác kinh doanh xuất sắc hàng đầu.



Sứ mệnh

Sông Hồng không ngừng tìm tòi định hướng phát triển chiến lược để trở nên ưu việt, linh hoạt, luôn quan tâm đến chất lượng đời sống CBCNV và chất lượng sản phẩm.

GIỚI THIỆU CÔNG TY

**Thông tin chung
về doanh nghiệp**
[16-21]

**Mô hình quản trị
và bộ máy quản lý**
[27-33]

Rủi ro
[37-41]

**Ngành nghề và
địa bàn kinh doanh**
[22-26]

Định hướng phát triển
[34-36]

"Công Ty Cổ phần May Sông Hồng là một trong những nhà máy sản xuất hàng may mặc xuất khẩu và chăn ga gối đệm lớn hàng đầu Việt Nam.

Với 26 xưởng sản xuất được xây dựng và quản lý tập trung trong phạm vi tỉnh Nam Định, có lợi thế về vị trí địa lý gần sân bay, cảng biển, nguồn nhân lực được đào tạo có chất lượng, bộ máy quản lý am hiểu nghề, kết hợp với việc hợp tác với các chuyên viên nước ngoài có kinh nghiệm, công ty đã và đang trở thành đối tác tin cậy của rất nhiều thương hiệu thời trang nổi tiếng trên thế giới."



THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

Thông tin khái quát

Tên Tiếng Việt	Công ty Cổ phần May Sông Hồng		
Tên Tiếng Anh	Song Hong Garment Joint Stock Company		
Tên viết tắt	SH. GARNY		
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	<ul style="list-style-type: none"> Mã số doanh nghiệp: 0600333307 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0703000386 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 03/06/2004, cấp thay đổi lần thứ 19 ngày 23/06/2022 		
Vốn điều lệ	750.141.000.000 đồng	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	750.141.000.000 đồng

Địa chỉ trụ sở chính	Số 105 đường Nguyễn Đức Thuận, Phường Thống Nhất, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam		
Điện thoại	+84 2283 649365	Fax	+84 2283 646737
Mã cổ phiếu	MSH	Website	https://www.songhong.vn/

Logo



Chặng đường hình thành và phát triển



1988

Công ty được thành lập với tên gọi Xí nghiệp May 1/7.

1993

Xí nghiệp May 1/7 được đổi tên thành Công ty May Sông Hồng.

1997

Xí nghiệp Bông tái sinh được sáp nhập vào Công ty May Sông Hồng và trở thành khu vực Sông Hồng 2.

2001

Công ty chuyển trụ sở về địa chỉ 105 Nguyễn Đức Thuận, Tp. Nam Định. Cũng trong năm 2001, thương hiệu Chăn Ga Gối Đệm mang tên Sông Hồng ra đời.

2004

Công ty được cổ phần hóa, chính thức trở thành Công ty Cổ phần May Sông Hồng với số vốn điều lệ 12.000.000.000 đồng. Công ty đầu tư phát triển khu vực Sông Hồng 3 tại Quốc lộ 10, Tp. Nam Định.

2007

Công ty phát triển thêm khu vực Sông Hồng 4 tại tỉnh Nam Định với quy mô 4 xưởng may.

2012

Công ty tiếp tục triển khai dự án xây dựng khu vực Sông Hồng 7 tại huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định với quy mô 4 xưởng may và khu vực Sông Hồng 8 tại Khu công nghiệp Mỹ Trung để di chuyển khu vực sản xuất chăn ga gối ra khỏi nội thành.



2023

Khu vực sản xuất Sông Hồng - Nghĩa Hưng 2 (Nhà máy Sông Hồng 10) chính thức đi vào hoạt động. Tổng diện tích 7.5 ha với quy mô 3000 lao động và công suất 40 chuyên may xuất khẩu cả Dệt kim và Dệt thoi với đa dạng các chủng loại từ quần, áo, váy, jacket...và nhiều sản phẩm may mặc khác.

2021

Khởi công xây dựng nhà máy Sông Hồng 10 tại xã Nghĩa Phong, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định vào đầu năm 2021. Nhà máy Sông Hồng 10 hoàn thành vào cuối tháng 12/2021.

2018

Kỷ niệm 30 năm thành lập Công ty. Công ty thực hiện niêm yết cổ phiếu trên sàn chứng khoán HOSE vào ngày 28/11 với tổng vốn điều lệ lên tới 476.280.000.000 đồng.

2016

Khu vực sản xuất Nghĩa Hưng đi vào hoạt động. Công ty mở thêm 4 xưởng may tại huyện Nghĩa Hưng, nâng tổng số CBCNV lên gần 11.000 người với 18 xưởng may. Nhân dịp kỷ niệm 15 năm ra mắt với thương hiệu chăn ga gối đệm Sông Hồng, Công ty đã thực hiện ra mắt dòng sản phẩm đệm bông tinh khiết thế hệ 2.

2015

Công ty khởi công dự án nhà máy tại Nghĩa Hưng.

2013

Kỷ niệm 25 năm thành lập Công ty. Công ty thành lập Xưởng may 14 tại Hải Hậu và di chuyển khu vực sản xuất chăn ga gối sang KCN Mỹ Trung – Nam Định.

Sự kiện năm 2022

01

Nhà máy May Sông Hồng 10 chính thức đi vào hoạt động từ đầu năm 2022

Ngày 18/03/2021, Công ty Cổ phần May Sông Hồng tổ chức lễ khởi công xây dựng Khu sản xuất may xuất khẩu Sông Hồng – Nghĩa Hưng (Sông Hồng 10) tại huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định. Đến cuối tháng 12/2021, dự án đã chính thức được hoàn thành và sau đó chính thức đi vào hoạt động kể từ đầu năm 2022. Đây là nhà máy có diện tích và mức đầu tư lớn nhất từ trước đến nay, được đánh giá là khu vực sản xuất đẹp nổi tiếng và mẫu mực bậc nhất Việt Nam, với tổng diện tích lên đến 7.5 ha, quy mô 3000 lao động và công suất 40 chuyên may xuất khẩu, bao gồm cả Dệt kim và Dệt thoi với đa dạng các chủng loại từ quần, áo, váy, jacket...và nhiều sản phẩm may mặc khác. Sông Hồng 10 đi vào hoạt động đã nâng tổng số CBCNV toàn công ty lên hơn 12.000 người.

03

MSH đạt top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất nhóm vốn hóa vừa do Sở Giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh bình chọn

Ngày 02/12/2022, tại Lễ trao giải Cuộc bình chọn doanh nghiệp niêm yết (VLCA) lần thứ 15 - năm 2022 do Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng Khoán Hà nội và Báo Đầu tư Chứng khoán phối hợp tổ chức, MSH tự hào được vinh danh là 1 trong 10 doanh nghiệp thuộc nhóm vốn hóa vừa có báo cáo thường niên tốt nhất.

02

Tham dự Hội nghị “Thúc đẩy Bình đẳng giới vì một ngành may phát triển bền vững” do Better Work Việt Nam chủ trì và được tổ chức tại Công ty Cổ phần may Sông Hồng

Ngày 23/11/2022, tại nhà máy Sông Hồng - Nghĩa Hưng 1 (Nhà máy Sông Hồng 9), Chương trình Better Work Toàn cầu và Better Work Việt Nam đã tổ chức hoạt động tham quan và chia sẻ thực hành tốt tại doanh nghiệp theo hình thức tổ chức trực tiếp kết hợp trực tuyến. Các đại biểu gồm các nhà tài trợ; các cơ quan tư vấn, hợp tác, đối tác của Better work (đại diện Đại sứ quán một số nước, Bộ LĐTBXH, Tổng LĐLĐVN, ILO, VCCI...) và đại diện một số doanh nghiệp tham gia Better Work đã tham quan nhà máy và chia sẻ kinh nghiệm thực hành tốt. Tại chương trình, các đại biểu đã tham gia tọa đàm với nội dung “Thúc đẩy bình đẳng giới vì một ngành may phát triển bền vững”.



04

MSH đạt danh hiệu “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín” năm 2021 do Bộ Công Thương phê duyệt và công bố ngày 02/12/2022

Ngày 02/12/2022, Bộ Công thương đã ban hành Quyết định số 2615/QĐ-BCT về việc phê duyệt và công bố danh sách “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín” năm 2021 với 281 doanh nghiệp (tương đương với 289 lượt doanh nghiệp theo 27 ngành hàng) được xét chọn. Công ty Cổ phần May Sông Hồng tự hào đứng ở vị trí thứ 4 về kim ngạch xuất khẩu trong 32 doanh nghiệp dệt may có tên trong danh sách này.

05

Xếp hạng trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2022

Ngày 15/11/2022, Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) phối hợp cùng Báo VietnamNet đã công bố Bảng xếp hạng VNR500 - Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2022. Trong đó, Công ty Cổ phần May Sông Hồng xếp thứ 163 trong bảng xếp hạng Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam năm 2022 và xếp thứ 282 trong Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2022.



06

Xếp hạng trong top 500 doanh nghiệp lợi nhuận cao nhất Việt Nam 2022

Ngày 15/09/2022, Công ty cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) phối hợp cùng Báo điện tử VietNamNet đã công bố Bảng xếp hạng PROFIT500 – Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam. Trong đó, Công ty Cổ phần May Sông Hồng xếp thứ 116 trong bảng xếp hạng Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2022 và xếp thứ 211 trong Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2022.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực chính: Trong năm 2022, hoạt động kinh doanh chính của công ty là sản xuất, kinh doanh hàng may mặc, các loại vật tư, thiết bị hàng hoá phục vụ cho sản xuất công nghiệp dệt may và kinh doanh các sản phẩm công nghiệp phục vụ dân sinh, tập trung vào 2 lĩnh vực: may xuất khẩu và nội địa.

Các sản phẩm, dịch vụ kinh doanh chính

May xuất khẩu

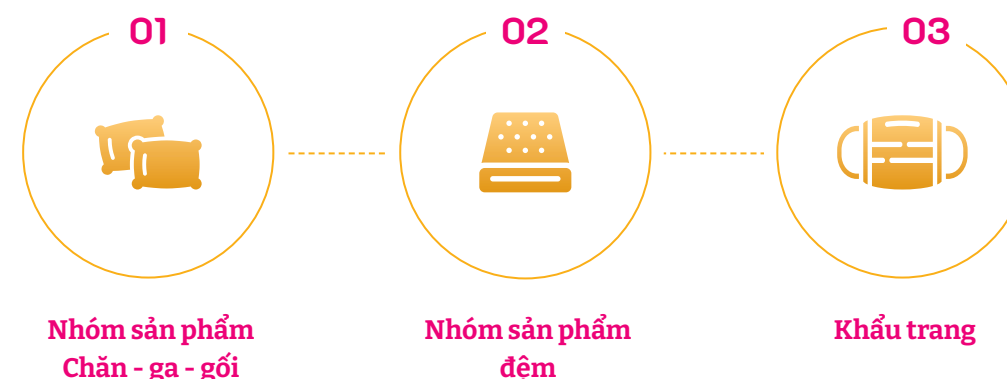
May Sông Hồng là Doanh nghiệp chuyên sản xuất hàng may mặc với hoạt động chính là xuất khẩu cho các thương hiệu may mặc lớn trên thế giới. Hai phương thức xuất khẩu chính Công ty đang thực hiện là CM (hàng gia công) và FOB (hàng xuất khẩu theo phương thức giao hàng lên tàu). Trong đó phân khúc FOB hiện đang chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu doanh thu, lợi nhuận của Công ty.

Với hơn 30 năm xây dựng và phát triển, May Sông Hồng có kinh nghiệm sản xuất nhiều chủng loại sản phẩm đa dạng khác nhau từ dệt kim đến dệt thoi, hàng thể thao, thời trang cho nam, nữ và trẻ em - với những chủng loại phong phú như: váy, quần, áo jacket, T shirt, Blue suit, quần áo thể thao, hàng nỉ, v.v. Công ty hiện là đối tác sản xuất của các nhãn hiệu thời trang, nhà sản xuất và chuỗi bán lẻ lớn như Columbia Sportswear, Haddad Brands (với các thương hiệu Nike, Converse, Levi's), GIII (với các thương hiệu Calvin Klein, Tommy Hilfiger, DKNY), Walmart, Bugatti, Sae-A Trading, Target, Express.



Nội địa

Mặt hàng chủ lực của khu vực nội địa là nhóm sản phẩm chăn - ga - gối và đệm do Công ty dày công nghiên cứu, phát triển và được phân phối chủ yếu trên thị trường trong nước.



01

Nhóm sản phẩm Chăn - ga - gối

Dòng sản phẩm cao cấp sử dụng chất liệu vải nhập khẩu 100% cotton 250T với xu hướng màu hiện đại kết hợp những họa tiết và thiết kế tươi sáng, trẻ trung, phù hợp với cuộc sống đô thị và các gia đình trẻ.

Dòng sản phẩm truyền thống sử dụng chất liệu vải đa dạng như 100% Cotton 200T và TC 170T,

mang nhiều ưu điểm về tính kinh tế, tiện dụng, mềm mại, bền chắc.

Dòng sản phẩm trẻ em là dòng sản phẩm chăn - ga - gối được thiết kế từ hình ảnh bản quyền Doraeomon và Hello Kitty đáng yêu, rất êm ái và an toàn dành riêng cho trẻ em Việt Nam. Ruột bông của các sản phẩm chứa hạt nano bạc để diệt khuẩn, đảm bảo sự an toàn cho làn da nhạy cảm của các bé.



02

Nhóm sản phẩm Đệm

Đệm bông tinh khiết Sông Hồng thế hệ 1 là dòng đệm 3 mảnh ghép truyền thống của May Sông Hồng với độ dày từ 5 đến 9 cm. Lõi đệm sử dụng Bông xơ tinh khiết được sản xuất trên công nghệ Nhật Bản, không sử dụng keo và hóa chất tạo nên lõi đệm như các chủng loại đệm thông thường trên thị trường. Vỏ đệm được sử dụng trên 2 chất liệu TC và gấm với nhiều mẫu mã đa dạng. Đây là dòng đệm hướng đến phân khúc khách hàng có thu nhập trung bình và có mức giá bán hợp lý.

Đệm bông tinh khiết Sông Hồng thế hệ thứ 3 có độ dày từ 15 đến 25 cm. Vỏ bọc đệm được sử dụng chất liệu sợi vải Viscose êm ái, thông thoáng tăng khả năng hút ẩm, họa tiết đẹp, sang trọng. Lõi đệm dựa trên nền tảng chính là bông tinh khiết kháng khuẩn đã được khẳng định về chất lượng và độ an toàn khi sử dụng trên thị trường trong nhiều năm qua, kết hợp với lớp Foam cao cấp, cấu tạo nên sản phẩm đệm không thể hoàn hảo hơn, với độ đàn hồi cao, gọn nhẹ, không biến dạng qua các thử nghiệm đa chiều về không gian và thời gian, không gây tổn hại môi trường và tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu thức về y tế, hỗ trợ tốt cho người bị thoát vị đĩa đệm và vôi gai cột sống.

Đệm bông tinh khiết Sông Hồng Back Essential là ý tưởng đột phá đến từ mong muốn bảo vệ tốt nhất cho cột sống và vai gáy của người sử dụng. Bề mặt đệm được thiết kế chân hiện đại tạo điểm nhấn về thẩm mỹ. Vỏ bọc được sử dụng chất liệu vải co giãn 4 chiều, mềm mại, thông thoáng, thấm hút mồ hôi, đảm bảo vệ sinh. Lõi đệm là sự kết hợp hoàn hảo của lớp bông tinh khiết và Memory foam, tạo độ đàn hồi cao, nâng đỡ chính xác mọi vị trí, làm giảm sức ép cơ thể và độc lập chuyển động, có thể thoải mái xoay trở mình mà không ảnh hưởng đến giấc ngủ của người nằm cạnh. Với độ dày lên đến 32 cm và đã được kiểm định đạt chuẩn chất lượng xuất khẩu bởi tổ chức Underwriter Laboratory (UL) Hoa Kỳ, dòng đệm Sông Hồng Back Essential hoàn toàn có thể cung ứng cho các Resort, khách sạn, biệt thự và các Căn hộ cao cấp.

03

Khẩu trang

Sông Hồng đang sản xuất 2 dòng khẩu trang chính:

Khẩu trang Y tế KF94: dòng khẩu trang thế hệ mới được phát triển dựa trên công nghệ hiện đại của Hàn Quốc, được làm từ chất liệu sợi giấy hoạt tính cao cấp không dệt, có màng vi lọc kết hợp với thiết kế 4 lớp lọc linh hoạt giúp tăng cường chất lượng lọc lên đến 95% bụi mịn có kích thước siêu nhỏ đến 0.3µm, có thể sử dụng 60 giờ liên tục (tương đương 7 ngày). Sản phẩm đạt tiêu chuẩn N95 của Cục quản lý thực phẩm và dược phẩm Hoa Kỳ.

Khẩu trang vải: chất liệu 100% cotton, không gây dị ứng da, ôm khít gương mặt người đeo, không tạo khe hở ngăn ngừa lây nhiễm. Được chứng nhận bởi Viện Nghiên cứu Dệt may Việt Nam về tính kháng khuẩn và duy trì khả năng kháng khuẩn qua 30 lần giặt.

Địa bàn hoạt động**Địa bàn sản xuất****Khu vực sản xuất Sông Hồng 1**

- Địa chỉ: Số 105 đường Nguyễn Đức Thuận, Phường Thống Nhất, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Khu vực sản xuất Sông Hồng 8

- Địa chỉ: Lô E6 - E7 khu công nghiệp Mỹ Trung, Phường Lộc Hạ, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Khu vực sản xuất Sông Hồng 3

- Địa chỉ: Quốc lộ 10, Phường Lộc Hạ, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Khu vực sản xuất Sông Hồng 9

- Địa chỉ: Điểm công nghiệp, Xã Nghĩa Thái, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Khu vực sản xuất Sông Hồng 4

- Địa chỉ: Cụm công nghiệp, Thị Trấn Xuân Trường, Huyện Xuân Trường, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Khu vực sản xuất Sông Hồng 10

- Địa chỉ: Đội 12, Xã Nghĩa Phong, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định, Việt Nam
- CTCP May Sông Hồng – Nghĩa Hưng (Công ty con của MSH) là đơn vị quản lý.

Khu vực sản xuất Sông Hồng 7

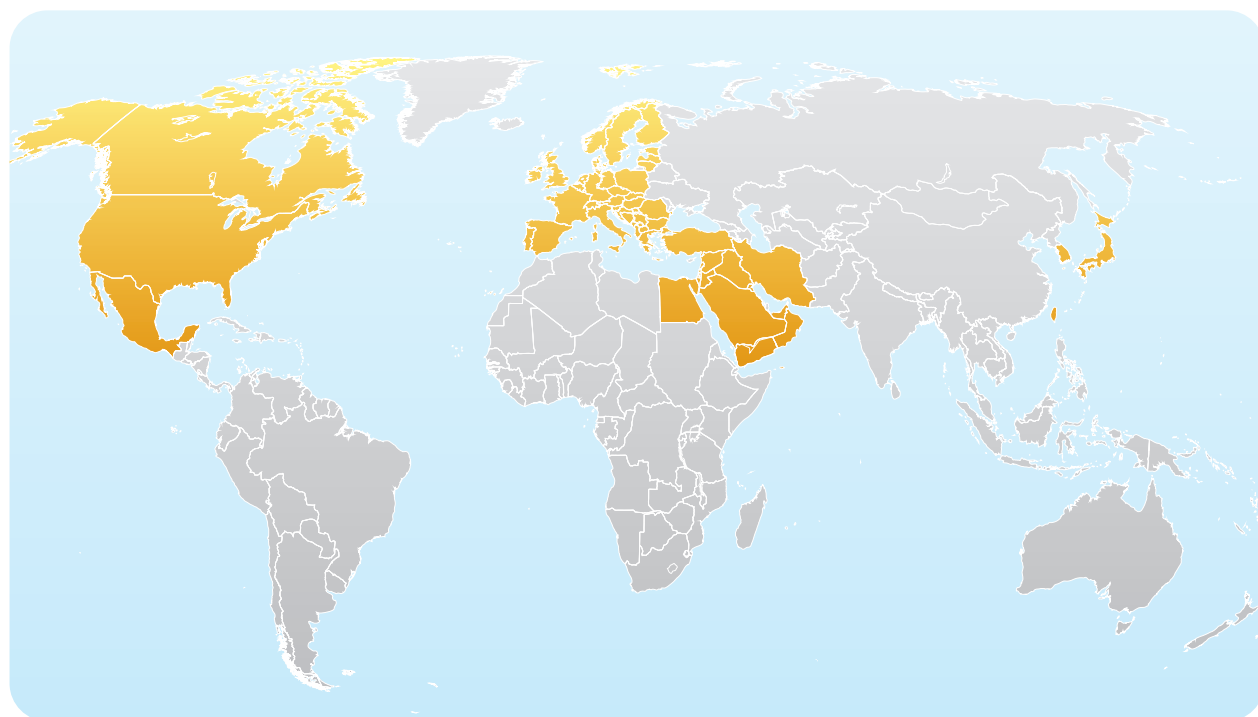
- Địa chỉ: Cụm công nghiệp, Xã Hải Phương, Huyện Hải Hậu, Tỉnh Nam Định, Việt Nam



Địa bàn kinh doanh

Sản phẩm may mặc

Thị trường sản phẩm may mặc của Công ty bao gồm cả thị trường trong nước và quốc tế. Công ty chủ yếu xuất khẩu sang thị trường Mỹ, và một số thị trường khác như Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông, Canada, Mexico và các nước Trung Đông. Đến nay, Sông Hồng đã trở thành nhà sản xuất uy tín của các hãng thời trang nổi tiếng nhờ năng lực sản xuất vượt trội.



Sản phẩm nội địa

Sản phẩm Chăn Ga Gối Đệm của Công ty hiện tại được phân phối trên toàn quốc thông qua hệ thống kênh phân phối là các Showroom và Đại lý với thương hiệu "Sông Hồng". Hiện nay Công ty có 55 nhà phân phối và 192 đại lý phủ sóng khắp 49/63 tỉnh thành Việt Nam. Đặc biệt, từ năm 2016 ngoài cung cấp cho thị trường nội địa, sản phẩm chăn ga gối của Công ty đã đủ tiêu chuẩn xuất khẩu vào 2 thị trường khó tính là Nhật Bản và Hàn Quốc.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình hoạt động



(*) Mô hình hoạt động tại thời điểm 31/12/2022

- Các chi nhánh, đơn vị hạch toán phụ thuộc:** 06 chi nhánh là đơn vị hạch toán phụ thuộc của CTCP May Sông Hồng. Trong đó:
 - Các chi nhánh Sông Hồng 3, Sông Hồng 4, Sông Hồng 7 và Sông Hồng 9 hoạt động chính trong lĩnh vực may mặc xuất khẩu, nằm trên địa bàn Tỉnh Nam Định.
 - Chi nhánh Sông Hồng 8 sản xuất các sản phẩm phục vụ thị trường nội địa (Chăn – Ga – Gối – Đệm, Bông) và các hoạt động phụ trợ cho khu vực may mặc xuất khẩu, nằm trên địa bàn Tỉnh Nam Định.
 - Chi nhánh Hồ Chí Minh: Triển khai hoạt động kinh doanh hàng nội địa khu vực Miền Nam. Bằng Nghị quyết Hội đồng quản trị số 65/2022/NQ/HĐQT/MSH ngày 08/08/2022, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua việc chấm dứt hoạt động kinh doanh của chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh do chi nhánh hoạt động không còn hiệu quả.
- Công ty con:**
 - Công ty cổ phần May Sông Hồng – Nghĩa Hưng có hoạt động chính trong lĩnh vực may mặc xuất khẩu, tập trung sản xuất các đơn hàng FOB cho các đối tác lớn, có yêu cầu kỹ thuật cao với biên lợi nhuận hấp dẫn.
 - Công ty cổ phần May Sông Hồng – Xuân Trường (đang trong quá trình xây dựng nhà máy).
- Số công ty liên kết:** Không có

Mô hình quản trị và Cơ cấu tổ chức

Mô hình quản trị

Hiện nay, MSH đang áp dụng mô hình quản trị theo điểm b, khoản 1, điều 137 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Trong đó có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc. Trường hợp này ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.

Cơ cấu bộ máy quản lý

- **Hội đồng quản trị** gồm có 08 thành viên, với 05 thành viên không điều hành. Trong số các thành viên HĐQT không điều hành có 01 Chủ tịch HĐQT và 02 thành viên khác đồng thời là thành viên HĐQT độc lập.
- **Ủy ban kiểm toán** gồm 03 thành viên, gồm 01 Chủ tịch UBKT, 02 thành viên UBKT đồng thời là thành viên HĐQT độc lập/ không điều hành.
- **Ban Tổng giám đốc** gồm có 01 TGD và 02 Phó TGD.
- **Giám đốc tài chính:** 01 người
- **Kế toán trưởng:** 01 người

Sơ đồ tổ chức

Xem trang bên



Thông tin các khu vực sản xuất trực thuộc MSH

Sông Hồng 1 (xưởng may 1-2)

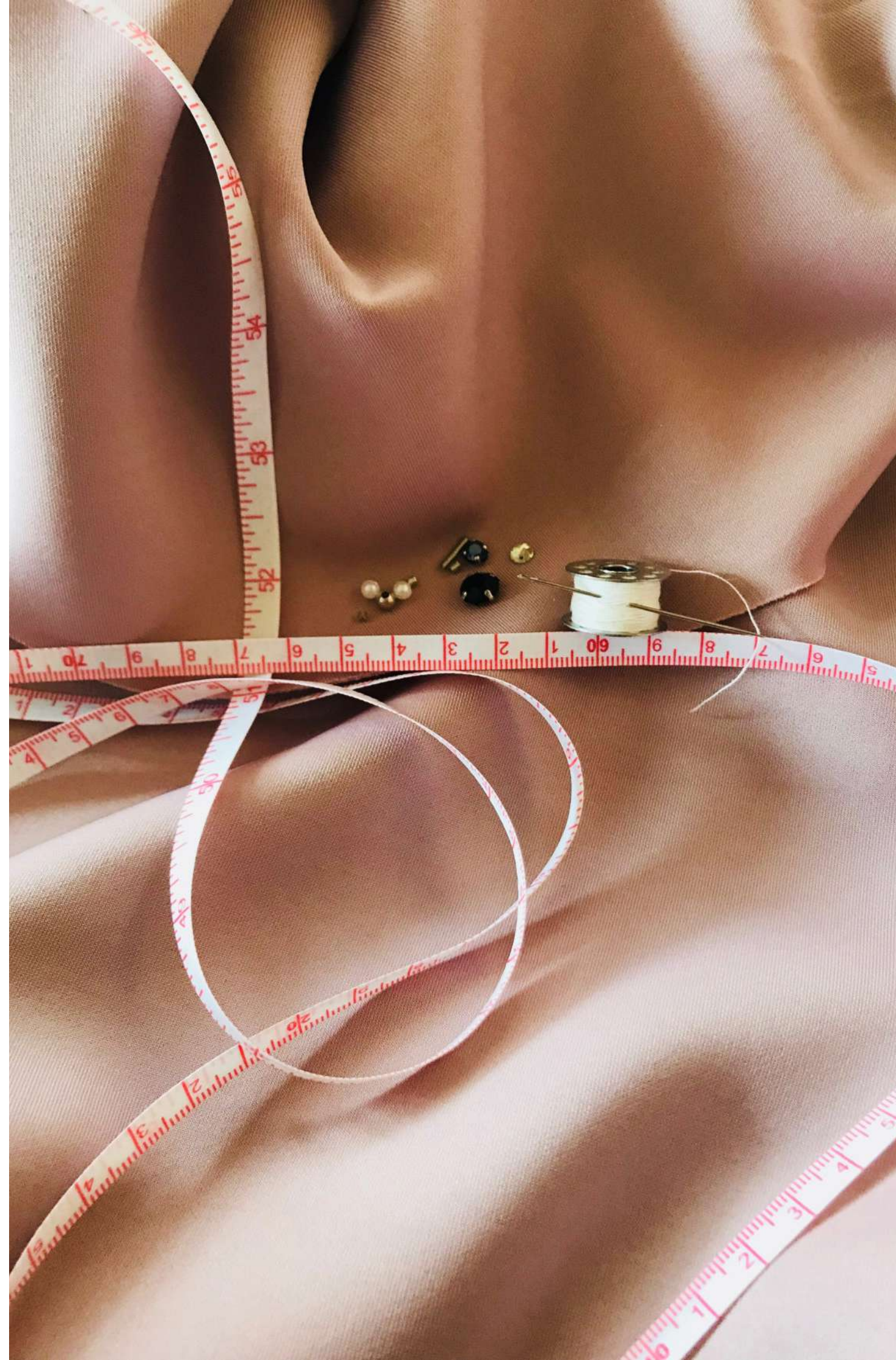
- ▶ **Địa chỉ:** Số 105 đường Nguyễn Đức Thuận, Phường Thống Nhất, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam
- ▶ **Số lượng xưởng may:** 1
- ▶ **Số lượng xưởng cắt:** 1
- ▶ **Sản phẩm chính:** Váy, Áo sơ mi thể thao, áo sơ mi kiểu, quần dài, quần shorts

Sông Hồng 3 (Xưởng may 3-6)

- ▶ **Địa chỉ:** Quốc lộ 10, Phường Lộc Hạ, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam
- ▶ **Số lượng xưởng may:** 3
- ▶ **Số lượng xưởng cắt:** 1
- ▶ **Sản phẩm chính:** Áo jacket bông nhồi, bông tằm, dán sym, lông vũ, quần dài, quần shorts

Sông Hồng 4 (xưởng may 7-10, xưởng giặt)

- ▶ **Địa chỉ:** Cụm công nghiệp, Thị Trấn Xuân Trường, Huyện Xuân Trường, Tỉnh Nam Định, Việt Nam
- ▶ **Số lượng xưởng may:** 3
- ▶ **Số lượng xưởng cắt:** 1
- ▶ **Sản phẩm chính:** Áo jacket bông nhồi, bông tằm, dán sym, váy, quần dài, quần shorts



Sông Hồng 7 (xưởng may 11-14)

- ▶ **Địa chỉ:** Cụm công nghiệp, Xã Hải Phương, Huyện Hải Hậu, Tỉnh Nam Định, Việt Nam
- ▶ **Số lượng xưởng may:** 3
- ▶ **Số lượng xưởng cắt:** 1
- ▶ **Sản phẩm chính:** Áo jacket bông nhồi, bông tằm, quần dài, quần shorts, đồ thể thao dệt kim

Sông Hồng 8 (Xưởng thêu, chần, Xưởng chần, bông, đệm, Xưởng may chần xuất khẩu, Xưởng in)

- ▶ **Địa chỉ:** Lô E6 - E7 khu công nghiệp Mỹ Trung, Phường Lộc Hạ, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam
- ▶ **Số lượng phân xưởng:** 2 xưởng may chần, 1 xưởng bông/đệm, 1 xưởng thêu, 1 xưởng chần, 1 xưởng in
- ▶ **Sản phẩm chính:** Sản xuất và kinh doanh chần ga gối đệm; Sản xuất bông tằm, bông nhồi, in thêu & chần, phục vụ bán thành phẩm cho khu vực may mặc.

Sông Hồng 9 (xưởng may 15-18)

- ▶ **Địa chỉ:** Điểm công nghiệp, Xã Nghĩa Thái, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định, Việt Nam
- ▶ **Số lượng xưởng may:** 3
- ▶ **Số lượng xưởng cắt:** 1
- ▶ **Sản phẩm chính:** Áo jacket bông nhồi, bông tằm, quần dài, quần shorts, đồ thể thao dệt kim

Sông Hồng 10

- ▶ **Địa chỉ:** Đội 12, xã Nghĩa Phong huyện Nghĩa Hưng tỉnh Nam Định
- ▶ **Số lượng xưởng may:** 2
- ▶ **Số lượng xưởng cắt:** 1
- ▶ **Sản phẩm chính:** Áo jacket bông nhồi, bông tằm, sơ mi, váy, quần dài, quần shorts

Thông tin các công ty con, công ty liên kết

Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty Cổ phần May Sông Hồng có 02 công ty con và không có công ty liên kết.

Tên Tiếng Việt	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÔNG HỒNG - NGHĨA HƯNG		
Tên Tiếng Anh	SONG HONG - NGHIA HUNG GARMENT JOINT STOCK COMPANY		
Tên viết tắt	SH-NH.JSC		
Địa chỉ trụ sở chính	Đội 12, Xã Nghĩa Phong, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định, Việt Nam		
Mã số doanh nghiệp	0601175406		
Người đại diện theo pháp luật	Bùi Đức Thịnh	Lĩnh vực kinh doanh chính	Sản xuất hàng may mặc
Vốn điều lệ	150.000.000.000 đồng	Vốn điều lệ MSH thực góp	76.500.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu của MSH	51%	Ngày bắt đầu thành lập	01/02/2019
Thông tin nhà máy	<p>Công ty cổ phần May Sông Hồng – Nghĩa Hưng hiện đang là đơn vị quản lý của Nhà máy May Sông Hồng 10 với những thông tin cơ bản sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▶ Công suất: 40 chuyền may ▶ Tổng mức đầu tư: ~500 tỷ đồng ▶ Công ty con bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh từ đầu năm 2022 ▶ Lao động: 2.700 – 3.000 người 		

Tên Tiếng Việt	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÔNG HỒNG – XUÂN TRƯỜNG		
Tên Tiếng Anh	SONG HONG - XUAN TRUONG GARMENT JOINT STOCK COMPANY		
Tên viết tắt	SH - XT.JSC		
Địa chỉ trụ sở chính	Thôn 17, Xã Xuân Hòa, Huyện Xuân Trường, Tỉnh Nam Định, Việt Nam		
Mã số doanh nghiệp	0601230777		
Người đại diện theo pháp luật	Bùi Đức Thịnh	Lĩnh vực kinh doanh chính	Sản xuất hàng may mặc
Vốn điều lệ	150.000.000.000 đồng	Vốn điều lệ MSH thực góp	76.500.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu của MSH	51%	Ngày bắt đầu thành lập	22/01/2022
Thông tin nhà máy	<p>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, công ty con đang trong giai đoạn chuẩn bị xây dựng nhà máy.</p>		

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Mục tiêu phát triển

Xây dựng Công ty cổ phần May Sông Hồng ngày càng vững mạnh hơn, hiệu quả hơn, và trở thành một nhà cung cấp sản phẩm dệt may thời trang lớn và có uy tín trong chuỗi cung ứng hàng dệt may trên toàn cầu, tiếp tục đứng trong TOP đầu các doanh nghiệp dệt may có tổng kim ngạch xuất khẩu lớn nhất Việt Nam.

Định hướng phát triển trung và dài hạn

Căn cứ vào tình hình nội tại của Công ty, các định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và nhằm nâng cao vị thế của May Sông Hồng, Ban lãnh đạo định hướng phát triển như sau:

- 01 Xác định nhóm sản phẩm may mặc giữ vai trò chủ đạo, đồng thời tiếp tục đẩy mạnh các mảng phụ trợ như giặt, in, thêu – chần. Trong đó, xác định thị trường xuất khẩu là động lực tăng trưởng chính, chú trọng phát triển và gia tăng tỷ trọng năng lực nhóm sản phẩm may mặc xuất khẩu theo phương thức FOB trong cơ cấu doanh thu của doanh nghiệp
- 02 Đẩy mạnh công tác đầu tư, nâng cao năng lực sản xuất theo cả chiều rộng và chiều sâu. Trong trung hạn ưu tiên tập trung nguồn lực cho mảng may mặc xuất khẩu nhằm củng cố năng lực cạnh tranh, nắm bắt cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do như CPTPP và EVFTA. Bên cạnh đó, tiếp tục đầu tư, phát huy tối đa công suất khu vực hàng nội địa nhằm đẩy mạnh phục vụ thị trường trong nước với hơn 90 triệu dân.
- 03 Đầu tư cho công tác nghiên cứu và phát triển (R&D) nhằm tạo ra giá trị gia tăng cho sản phẩm. Đối với mảng may mặc, nghiên cứu cải tiến kỹ thuật để đáp ứng các đơn hàng FOB khó, từng bước tham gia vào các phương thức sản xuất bậc cao hơn trong chuỗi giá trị ngành may (ODM, OBM). Đối với khu vực nội địa, tiếp tục cải tiến chất lượng và công năng, đa dạng hóa danh mục sản phẩm trên cơ sở phù hợp với nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng.
- 04 Chú trọng thực hiện các mục tiêu sản xuất kinh doanh song song với các mục tiêu phát triển bền vững.

Các mục tiêu cụ thể trong năm 2023

- 01 **Mục tiêu sản xuất:** Đảm bảo các khu vực sản xuất hoạt động an toàn, ổn định và hiệu quả, quan tâm công tác vận hành sản xuất tại khu vực nhà máy may mặc xuất khẩu May Sông Hồng 10, nhằm nâng cao năng lực sản xuất của công ty.
- 02 **Mục tiêu đầu tư:** Tập trung xúc tiến, thực hiện các thủ tục và công tác đầu tư xây dựng khu vực sản xuất mới tại huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, đảm bảo đạt đúng tiến độ đề ra.
- 03 **Mục tiêu phát triển thị trường:**
 - Thị trường xuất khẩu: Củng cố và mở rộng thị phần tại thị trường Mỹ thông qua các đối tác chiến lược như Columbia Sportswear, Walmart, Target, Haddad, GIII và tận dụng cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do.
 - Thị trường nội địa: Tập trung phát triển kênh thương mại điện tử bên cạnh duy trì hệ thống bán buôn, bán lẻ trên cả nước. Chú trọng phát triển các bộ sưu tập chần ga gối và các dòng đệm tiện dụng về công năng, đa dạng về mẫu mã.
- 04 **Mục tiêu doanh thu – lợi nhuận:** Hoàn thành mục tiêu doanh thu 5.670 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 420 tỷ đồng.
- 05 **Mục tiêu phát triển bền vững:**
 - Đầu tư máy móc cho các nhà máy sản xuất áp dụng công nghệ tiên tiến, tăng cường áp dụng các tiêu chuẩn xanh phù hợp với các quy chuẩn và xu hướng Quốc tế.
 - Đảm bảo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.
 - Tập trung nâng cao năng lực của cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật cao, các khối phụ trợ nhằm đảm bảo đội ngũ kế cận vững chuyên môn và có tư cách đạo đức.
 - Tiếp tục tham gia đóng góp, chia sẻ khó khăn, đồng hành phát triển cùng kinh tế địa phương.

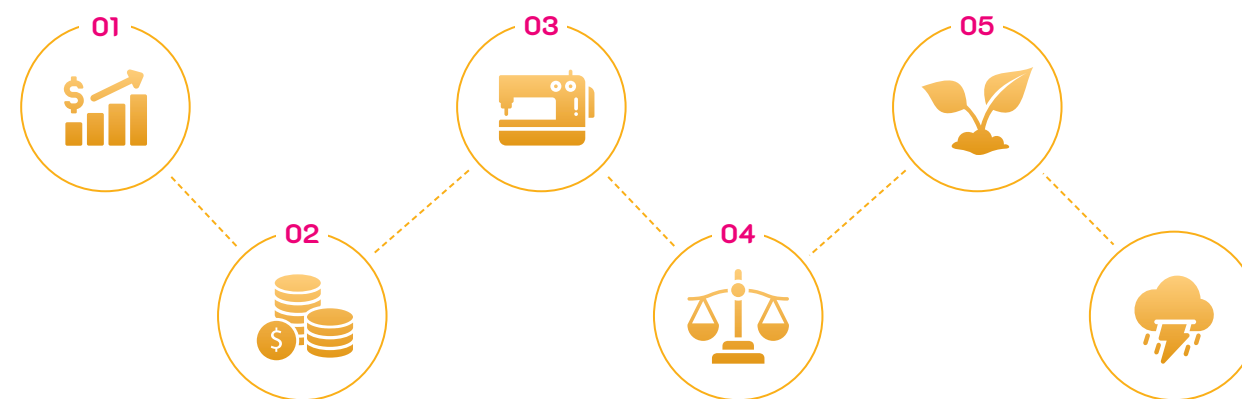
Các mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- Vận hành ổn định và hiệu quả các khu vực sản xuất hiện hữu và các nhà máy mới đưa vào vận hành trong giai đoạn 2021-2025.
- Sau khi được chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền, từng bước hoàn tất thủ tục đầu tư góp vốn thành lập Công ty cổ phần May Sông Hồng – Xuân Trường, triển khai công tác đầu tư nhà máy mới theo tiêu chuẩn xanh với quy mô khoảng 50 chuyền may.



- Tham gia đầu tư, hợp tác liên doanh liên kết trong lĩnh vực dệt vải, phục vụ cho việc cung ứng nguyên liệu, hạn chế rủi ro phụ thuộc vào nguồn cung nước ngoài.
- Kiên quyết hoàn thiện việc áp dụng phần mềm tiên tiến, số hóa hệ thống quản trị để nâng cao năng lực điều hành sản xuất kinh doanh, tăng năng suất lao động, giảm chi phí.
- Từng bước triển khai tái cấu trúc lại mảng chăn ga gối đệm: thay đổi nhận diện thương hiệu, thiết kế các mẫu mã mới, lập văn phòng đại diện nước ngoài, từng bước xúc tiến hoạt động xuất khẩu trong khi giữ vững thị phần trong nước.
- Quản lý chặt chẽ nguồn vốn thông qua đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, kiểm soát nguồn cung ứng một cách khoa học, cân đối hợp lý các khoản đầu tư.

RỦI RO



01 Rủi ro kinh tế

Thị trường thế giới: Là doanh nghiệp có hoạt động chính trong lĩnh vực may mặc xuất khẩu, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty chịu nhiều ảnh hưởng bởi chu kỳ kinh tế thế giới. Đặc biệt, trong bối cảnh thị phần xuất khẩu hàng dệt may Việt Nam phụ thuộc lớn vào một số nền kinh tế chính như Mỹ và EU (tổng cộng đóng góp trên 50% kim ngạch xuất khẩu toàn ngành) và nguồn cung nguyên phụ liệu phụ thuộc lớn vào Trung Quốc (chiếm hơn 50% trị giá nhập khẩu), khả năng tăng trưởng của ngành nói chung và Công ty nói riêng dễ bị tổn thương khi những nền kinh tế trên rơi vào khó khăn. Trong những năm gần đây, bức tranh kinh tế toàn cầu có nhiều biến động khó lường với các mối nguy hiểm hữu về dịch bệnh, xung đột chính trị, tranh chấp chủ quyền thương mại, khủng hoảng năng lượng, lạm phát cùng môi trường cạnh tranh gay gắt đã đặt ra nhiều thách thức cho Ban lãnh đạo Công ty trong việc đưa ra chiến lược phát triển dài hạn.

Thị trường nội địa: Bất chấp bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều biến động nhanh và khó lường, trong nước, nhiều chính sách quyết liệt được đưa ra với mục tiêu phục hồi, phát triển kinh tế, tạo đà hoàn thành mục tiêu kinh tế – xã hội năm 2022 và giai đoạn 2021-2025, trong đó phải kể đến: Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2022, Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2022 về Chương trình phục hồi, phát triển kinh tế – xã hội. Trên cơ sở đó, tình hình kinh tế – xã hội năm 2022 của Việt Nam khởi sắc trên hầu hết các lĩnh vực. Cả năm 2022, mức tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt xấp xỉ 8,02% - mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022. Dù vậy, hoạt động của các doanh nghiệp trong ngành vẫn đứng trước rủi ro về chi phí vận chuyển tăng cao và tình trạng lạm phát giá nguyên vật liệu, giá năng lượng đã dẫn hiện rõ hơn trong nửa cuối năm 2022.

Để giảm thiểu các rủi ro từ bất ổn kinh tế thế giới, ban lãnh đạo Công ty phải thường xuyên cập nhật thông tin, nhanh chóng nắm bắt các diễn biến mới trên thị trường, từ đó đưa ra các quyết sách, định hướng kinh doanh và các biện pháp giảm thiểu rủi ro phù hợp.

02 Rủi ro tài chính

Rủi ro tỷ giá: Hầu hết các giao dịch của Công ty được thực hiện bằng Đồng Việt Nam, song do đặc thù các đơn hàng của May Sông Hồng chủ yếu được thực hiện với một số thị trường trên thế giới và giao dịch chính bằng đồng Đô la Mỹ ("USD") nên Công ty chịu ảnh hưởng lớn nhất bởi biến động tỷ giá từ cặp tiền tệ USD/VND, ngoài ra Công ty cũng có các khoản vay thực hiện bằng ngoại tệ, chủ yếu là bằng USD. Trong trường hợp Công ty có tài sản tài chính phát sinh bằng USD lớn hơn nợ phải trả tài chính phát sinh bằng USD, Công ty sẽ gặp rủi ro khi cặp tỷ giá USD/VND suy yếu (nếu USD giảm so với VND) và ngược lại. Để phòng ngừa các rủi ro tỷ giá Công ty giao nhiệm vụ cho Giám đốc tài chính và Phòng Kế toán thường xuyên theo dõi tình hình biến động của tỷ giá, chủ động sử dụng các công cụ tài chính phái sinh bằng ngoại tệ, cân đối nguồn thu - chi ngoại tệ để giảm thiểu rủi ro mà doanh nghiệp phải đối mặt.

Rủi ro lãi suất: Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý (rủi ro giá trị hợp lý lãi suất) hoặc dòng tiền tương lai (rủi ro dòng tiền lãi suất) của một công cụ tài chính sẽ biến động do tác động của thay đổi lãi suất thị trường. Công ty đối mặt với rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro giá trị hợp lý lãi suất từ báo cáo tài chính hợp nhất với lãi suất cố định được ghi nhận bằng giá trị hợp lý. Tại ngày 31/12/2022, Công ty và các công ty con có các khoản vay lãi suất cố định là 376,5 tỷ đồng và các khoản vay với lãi suất điều chỉnh định kỳ là gần 306,0 tỷ đồng. Tuy nhiên, sự điều chỉnh lãi suất cho các khoản vay này trong năm không đáng kể. Ngoài ra, Công ty và các công ty con không có bất cứ công cụ tài chính nào cần phải được ghi nhận bằng giá trị hợp lý. Do đó, thay đổi rủi ro lãi suất không ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Nhằm giảm thiểu tác động từ rủi ro lãi suất, Công ty giao nhiệm vụ cho Giám đốc tài chính và Phòng Kế toán thường xuyên theo dõi tình hình biến động của lãi suất, cân đối tỷ lệ vay nợ, từ đó đưa ra kế hoạch vay nợ hợp lý đảm bảo nhu cầu vốn hoạt động sản xuất và kiểm soát rủi ro về lãi suất một cách tốt nhất.



03 Rủi ro đặc thù ngành dệt may

Lao động và quản lý nhân sự: Đặc thù của ngành dệt may là có tính thâm dụng lao động cao, trong đó, nhu cầu về nhân lực tập trung rõ nhất ở công đoạn gia công sản phẩm. Việc làm sao để thu hút và đào tạo được nguồn nhân lực có tay nghề, sẵn sàng cam kết lâu dài với doanh nghiệp vẫn luôn là bài toán đặt ra cho nhiều công ty may mặc Việt Nam, đặc biệt là trong bối cảnh sự cạnh tranh về lao động trong ngành diễn ra ngày càng gay gắt. Áp lực gia tăng chi phí lao động và quản lý nhân sự là không thể tránh khỏi. Đặc biệt, các chi phí như tiền lương, bảo hiểm, phụ cấp nhân công tại Việt Nam đang có xu hướng tăng lên trong khi đơn giá sản xuất phải đảm bảo được tính cạnh tranh đang đặt ra yêu cầu cho Công ty phải gia tăng hiệu quả quản lý để phát triển lợi nhuận.

Nguyên vật liệu: Ngành dệt may là một ngành sản xuất phụ thuộc nhiều vào nguyên vật liệu đầu vào, chủ yếu là sợi và vải. Vì vậy, rủi ro về nguyên vật liệu là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến ngành. Một số rủi ro nguyên vật liệu mà ngành dệt may Việt Nam có thể đối mặt bao gồm:

- Tăng giá nguyên vật liệu: Tình trạng lạm phát cùng nhu cầu nguyên vật liệu trong ngành dệt may đang tăng lên dẫn đến giá nguyên vật liệu cũng tăng. Nếu tình trạng này tiếp tục kéo dài, sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả sản xuất và lợi nhuận của các doanh nghiệp trong ngành dệt may.
- Thiếu nguồn cung nguyên vật liệu: Một số loại nguyên vật liệu có thể bị khan hiếm hoặc không đủ nguồn cung, dẫn đến gián đoạn sản xuất. Ví dụ, tình hình khô hạn và thiếu nước ở một số khu vực có thể làm giảm sản lượng của cây bông, gây thiếu hụt nguồn cung sợi bông.
- Rủi ro về chất lượng nguyên vật liệu: Chất lượng của nguyên vật liệu có thể ảnh hưởng đến chất lượng của sản phẩm dệt may. Nếu nguyên vật liệu không đạt tiêu chuẩn hoặc bị lỗi, sản phẩm dệt may có thể bị ảnh hưởng về chất lượng và độ bền.

Hầu hết nguồn nguyên liệu tại thị trường Việt Nam vẫn là nguyên liệu nhập khẩu, với các nhà cung cấp lớn nhất chủ yếu đến từ Trung Quốc, đặt ra nhiều thách thức cho các doanh nghiệp trong ngành trong công tác quản lý chi phí đầu vào cũng như tìm kiếm các nguồn cung thay thế. Để giảm thiểu rủi ro liên quan đến nguồn cung ứng nguyên vật liệu, Công ty luôn chú trọng công tác xây dựng kế hoạch từ sớm cũng như làm việc chặt chẽ với các nhà cung cấp để có đủ đầu vào cho sản xuất. Ngoài ra Công ty cũng có dự định đầu tư vào chuỗi cung ứng để chủ động nguồn nguyên phụ liệu trong tương lai.



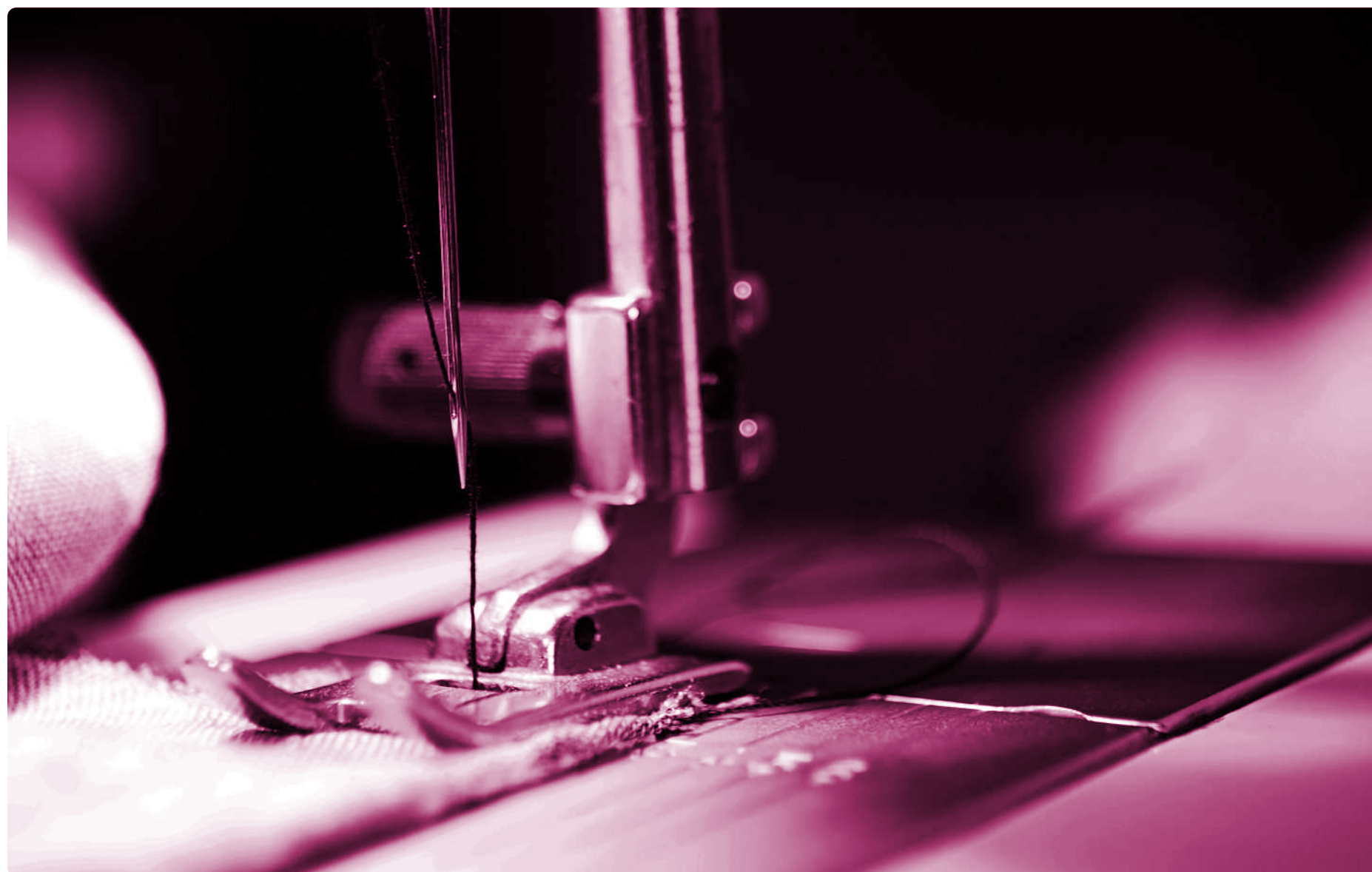
04 Rủi ro luật pháp

Sự ổn định của hệ thống chính trị, luật pháp, chính sách của một quốc gia ảnh hưởng rất lớn đến sự ổn định và khả năng phát triển của các ngành kinh tế nói chung và ngành Dệt may nói riêng. Đối với May Sông Hồng, hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, các chính sách thuế, hải quan, và các đạo luật liên quan khác. Với tư cách là một doanh nghiệp đã niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán, May Sông Hồng còn chịu tác động bởi hệ thống khung pháp lý của Thị trường chứng khoán Việt Nam. Như vậy, bất kỳ thay đổi bất lợi nào trong hệ thống các văn bản pháp luật này cũng có thể tác động tiêu cực đến hoạt động của doanh nghiệp.

Ngoài ra, trong quá trình hội nhập, các doanh nghiệp dệt may còn phải đối mặt với các rào cản thương mại ngày càng gia tăng từ các thị trường nhập khẩu lớn như Mỹ, EU với các yêu cầu khắt khe về quy tắc xuất xứ, trách nhiệm xã hội, nhãn mác sinh thái, bảo vệ môi trường,...đặt ra nhiều thách thức cho doanh nghiệp.

05 Rủi ro môi trường

Ngành may mặc xuất khẩu Việt Nam đang đứng trước nhiều thách thức liên quan đến vấn đề môi trường khi là ngành tiêu tốn nhiều năng lượng, nước và có nhiều hoạt động xả thải. Trên thị trường quốc tế, các thách thức được đặt ra cho doanh nghiệp trong ngành là vừa phải đáp ứng yêu cầu về nguồn gốc, xuất xứ nguyên liệu sản xuất, đồng thời phải chứng minh được trách nhiệm xã hội với sức khỏe cộng đồng. Ngoài ra, ngành dệt may Việt Nam chịu sự điều chỉnh nghiêm ngặt bởi các quy định về bảo vệ môi trường trong nước với các quy chuẩn về nước thải công nghiệp, nước thải dệt may. Kể từ năm 2014, Chính phủ đã phê duyệt quy hoạch phát triển ngành công nghiệp dệt may Việt Nam đến 2020, tầm nhìn đến 2030, theo đó, việc phát triển ngành dệt may phải gắn liền với việc lựa chọn công nghệ phù hợp, đảm bảo nâng cao chất lượng sản phẩm đồng thời hạn chế tác động, gây ô nhiễm môi trường. Để đưa doanh nghiệp phát triển bền vững, đảm bảo đáp ứng các đòi hỏi mà khung pháp lý đưa ra, hiện nay, các dự án mới nhất của May Sông Hồng đều áp dụng tiêu chuẩn công nghệ tiên tiến nhất về thiết kế và sử dụng nguyên vật liệu ít gây ô nhiễm trong quy trình sản xuất, nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường và địa phương xung quanh.



06 Rủi ro bất khả kháng khác

Những rủi ro khác bao gồm các rủi ro không thể dự đoán được như thiên tai, bệnh dịch, chiến tranh, khủng bố, ... là những rủi ro nguy cơ xảy ra rất thấp nhưng có tác động lớn đến tình hình kinh doanh của toàn công ty. Đây là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của doanh nghiệp.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động
sản xuất kinh doanh
[44-46]

Tổ chức và nhân sự
[54-59]

Tình hình đầu tư và
thực hiện dự án đầu tư
[47-49]

Cơ cấu cổ đông, thay đổi
vốn đầu tư chủ sở hữu
[60-63]

Tình hình tài chính
[50-53]



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

Kết quả kinh doanh	Năm 2022	Năm 2021	% Tăng trưởng
Doanh thu thuần	5.520.958	4.747.623	16,29%
Giá vốn hàng bán	4.692.291	3.817.038	22,93%
Lợi nhuận gộp	828.667	930.585	-10,95%
Doanh thu hoạt động tài chính	152.132	77.818	95,50%
Chi phí tài chính	65.116	18.883	244,84%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	33.905	10.033	237,93%
Chi phí bán hàng	173.363	144.884	19,66%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	296.763	298.757	-0,67%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	445.558	545.879	-18,38%
Lợi nhuận khác	-6.505	-3.221	101,96%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	439.053	542.658	-19,09%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	337.685	442.366	-23,66%
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	374.890	442.381	-15,26%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	4.998	5.897	-15,25%

Đơn vị: Triệu đồng

Về cơ cấu doanh thu:

- Doanh thu thuần năm 2022 đạt gần 5.521,0 tỷ đồng, tăng 16,3% so với năm 2021. Kết quả này được hỗ trợ bởi sự tăng trưởng và phục hồi mạnh mẽ của nhu cầu tiêu dùng trên thế giới dù xu hướng này có diễn biến chậm lại vào những tháng cuối năm khi nhiều nền kinh tế chủ chốt phải đối mặt với tình trạng lạm phát tăng cao. Theo số liệu thống kê của Tổng cục hải quan, xuất khẩu hàng dệt may Việt Nam năm 2022 tiếp tục tăng trưởng tốt trong bối cảnh các thị trường chính dần trở về cuộc sống bình thường, sức mua phục hồi và bắt tăng trở lại sau 2 năm bị dồn nén. Giá trị xuất khẩu hàng dệt may năm 2022 ước đạt 37,6 tỷ USD tăng 14,7% so với cùng kỳ 2021.
- Bên cạnh doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính, trong năm 2022, công ty còn ghi nhận doanh thu tài chính đạt 152,1 tỷ đồng, tăng gần 2 lần so với năm 2021 và thu nhập khác là 2,6 tỷ đồng, tăng gấp 6 lần so với cùng kỳ năm trước. Tỷ trọng của 2 khoản mục này là không đáng kể trong tổng các nguồn thu.

Về cơ cấu chi phí:

Nhìn chung, hầu hết các nhóm chi phí chính của doanh nghiệp đều tăng so với 2021 ngoại trừ chi phí quản lý doanh nghiệp. Cụ thể:

- Giá vốn hàng bán của Công ty là 4.692,3 tỷ đồng, tăng 22,9% so với năm 2021 và tương ứng 85,0% doanh thu thuần (so với tỷ trọng tương ứng 80,4% trong cùng kỳ năm trước).
- Chi phí quản lý doanh nghiệp là 296,8 tỷ đồng, giảm 0,7% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 5,4% doanh thu thuần.
- Chi phí bán hàng là 173,4 tỷ đồng, tăng 19,7% so với năm 2021 và chiếm xấp xỉ 3,1% trong doanh thu thuần toàn Công ty.
- Chi phí thuế TNDN đạt 101,4 tỷ đồng, tăng 1,1% so với năm 2021 và chiếm 1,8% trong doanh thu thuần.
- Chi phí tài chính là 65,1 tỷ đồng và chi phí khác là 9,1 tỷ đồng, lần lượt tăng 3,4 lần và 2,5 lần so với cùng kỳ năm trước, tổng cộng chiếm chỉ 1,3% doanh thu thuần.

Các chỉ tiêu về lợi nhuận:

- Kết thúc năm 2022, Công ty ghi nhận 828,7 tỷ đồng trong lợi nhuận gộp, giảm gần 11,0% so với cùng kỳ 2021. Giá vốn hàng bán tăng nhanh hơn tốc độ tăng trưởng doanh thu đã khiến biên lợi nhuận gộp giảm từ 19,6% vào năm 2021 xuống còn 15,0% vào năm 2022.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 337,7 tỷ đồng, giảm 23,7% so với kết quả năm 2021. Biên lợi nhuận sau thuế đạt 6,1%, giảm so với mức 9,3% của năm trước. Trong khi tổng tỷ trọng các khoản chi phí hoạt động và chi phí thuế TNDN trên doanh thu thuần giảm từ 11,9% trong năm 2021 xuống 11,7% trong năm 2022, thì biên LNST co hẹp chủ yếu là do chịu sức ép từ sự gia tăng giá vốn hàng bán.

Kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch

Kết thúc năm 2022, Công ty Cổ phần May Sông Hồng đã nỗ lực hoàn thành phần lớn kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh mà Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 đề ra. Cụ thể, doanh thu thuần năm 2022 đạt gần 5.521,0 tỷ đồng, vượt 12,7% kế hoạch đề ra; lợi nhuận trước thuế đạt 439,1 tỷ đồng, hoàn thành 87,8% kế hoạch đề ra.

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	% Thực hiện 2022 / Kế hoạch 2022
Doanh thu thuần	4.900	5.521,0	112,67%
Lợi nhuận trước thuế	500	439,1	87,82%

Đơn vị: Tỷ đồng



112,67 %

DOANH THU THUẦN THỰC HIỆN 2022 SO VỚI KẾ HOẠCH 2022

87,82 %

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ THỰC HIỆN 2022 SO VỚI KẾ HOẠCH 2022

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tình hình thực hiện dự án đầu tư

Dự án nhà máy Xuân Trường

Tên dự án	Xây dựng khu sản xuất may xuất khẩu		
Tên nhà đầu tư	Công ty cổ phần May Sông Hồng - Xuân Trường		
Hình thức đầu tư	Thực hiện hình thức đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế.		
Mục tiêu đầu tư	Thành lập một khu vực sản xuất may xuất khẩu tại các huyện phía Nam, tạo việc làm tại chỗ, thu nhập cho lực lượng thanh niên nông thôn và thực hiện theo định hướng kinh doanh của công ty.		
Quy mô dự án	Xây dựng nhà máy sản xuất đồng bộ, hiện đại có công suất khoảng 50 dây chuyền may với 3000 lao động trên diện tích khoảng 9,8ha với quy mô là 03 Xưởng sản xuất, 01 Nhà kho kết hợp với Xưởng cắt, 01 khu Nhà Văn phòng, 01 Nhà ăn, Khu nhà bảo vệ, Nhà y tế, khu nhà xe công nhân và các hạng mục công trình kỹ thuật như: khu Xử lý nước cấp, nước thải, trạm điện, hệ thống PCCC, hạ tầng giao thông, cây xanh, hồ nước đảm bảo theo tiêu chuẩn nhà máy xanh.		
Năng lực sản xuất	<ul style="list-style-type: none"> ▶ Số chuyền may: khoảng 50 chuyền ▶ Sản phẩm chính: Áo jacket bông nhồi, bông tằm, sơ mi, váy, quần dài, quần shorts ... ▶ Công suất thiết kế dự kiến: 3 triệu sản phẩm jacket quy chuẩn/ năm 		
Địa điểm thực hiện dự án	Thôn 17, xã Xuân Hòa, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, Việt Nam		
Tổng mức đầu tư dự án	Dự kiến 700 tỷ đồng	Tiến độ thực hiện dự án trong năm	Đang thực hiện hồ sơ pháp lý của dự án
Thời điểm vận hành thương mại	Dự kiến cuối năm 2024 - đầu năm 2025		

Hoạt động tại các công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Trong năm 2022, tình hình hoạt động tại Công ty Cổ phần May Sông Hồng – Nghĩa Hưng như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021
Tổng tài sản	538.137,0	432.680,9
Doanh thu thuần	196.505,5	-
Giá vốn hàng bán	243.408,2	-
Doanh thu hoạt động tài chính	6.659,2	13.158,4
Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	40.823,7	13.159,6
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-81.067,1	-1,2
Lợi nhuận khác	-0,1	-30,5
Lợi nhuận trước thuế	-81.067,2	-31,7
Lợi nhuận sau thuế	-81.067,2	-31,7

Đơn vị: Triệu đồng

Công ty liên kết

Công ty không có công ty liên kết.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	% Tăng trưởng
Tổng tài sản (triệu đồng)	3.294.196	3.202.637	2,86%
Doanh thu thuần (triệu đồng)	5.520.958	4.747.623	16,29%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (triệu đồng)	445.558	545.879	-18,38%
Lợi nhuận khác (triệu đồng)	-6.505	-3.221	101,96%
Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	439.053	542.658	-19,09%
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	337.685	442.366	-23,66%
Lợi nhuận trả cổ tức (tiền mặt/ cổ phiếu) (triệu đồng)	187.535	475.089	-60,53%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	25	95	



3.294 tỷ VNĐ

TỔNG TÀI SẢN NĂM 2022

tăng 2,86% so với năm 2021

5.521 tỷ VNĐ

DOANH THU THUẦN NĂM 2022

tăng 16,29% so với năm 2021

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ số tài chính	2022	2021	2020	2019	2018
NHÓM CHỈ SỐ THANH KHOẢN					
Khả năng thanh toán ngắn hạn (lần)	1,85	1,63	1,69	1,53	1,26
Khả năng thanh toán nhanh (lần)	1,37	1,01	1,17	1,01	0,81
Khả năng thanh toán bằng tiền (lần)	1,09	0,55	0,82	0,67	0,46
NHÓM CHỈ SỐ CƠ CẤU VỐN					
Nợ/ Tổng tài sản (lần)	0,48	0,53	0,45	0,52	0,63
Nợ/ Vốn chủ sở hữu (lần)	0,92	1,14	0,82	1,08	1,70
Nợ vay và thuê tài chính/ Tổng tài sản (lần)	0,21	0,23	0,19	0,19	0,31
NHÓM CHỈ SỐ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG					
Số ngày tồn kho bình quân (ngày)	59,96	74,27	75,93	69,18	69,05
Vòng quay hàng tồn kho bình quân (vòng)	6,09	4,91	4,81	5,28	5,29
Số ngày phải thu bình quân (ngày)	32,04	45,00	44,72	36,23	43,46
Vòng quay khoản phải thu bình quân (vòng)	11,39	8,11	8,16	10,07	8,40
Số ngày phải trả bình quân (ngày)	17,90	17,42	18,63	17,28	18,12
Vòng quay khoản phải trả bình quân (vòng)	20,39	20,95	19,60	21,13	20,14
Số ngày chuyển đổi tiền mặt (ngày)	74,10	101,85	102,03	88,14	94,38
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân (lần)	1,70	1,63	1,47	1,73	1,61
NHÓM CHỈ SỐ KHẢ NĂNG SINH LỢI					
Tỷ suất lợi nhuận gộp (%)	15,01	19,60	19,69	21,05	20,08
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động (%)	8,07	11,50	7,41	12,37	11,40
Tỷ suất LNST (%)	6,12	9,32	6,08	10,20	9,36
ROAA (%)	10,40	15,17	8,93	17,69	15,09
ROEA (%)	21,01	30,12	17,31	41,47	43,79

01 Nhóm chỉ số thanh khoản

Tại thời điểm 31/12/2022, hệ số thanh toán hiện hành và thanh toán nhanh của công ty lần lượt đạt 1,85 lần và 1,37 lần, tăng so với các chỉ số tương ứng tại thời điểm 31/12/2021 là 1,63 lần và 1,01 lần, đồng thời vượt trên ngưỡng tiêu chuẩn là 1, cho thấy khả năng sử dụng các tài sản ngắn hạn để thanh toán các nghĩa vụ nợ đến hạn trong vòng 1 năm của Công ty được đảm bảo. Tỷ số thanh toán nhanh đạt 1,37, tăng mạnh so với thời điểm cuối năm 2021 cho thấy Công ty có đủ các tài sản lưu động để đảm bảo nhu cầu thanh toán ngắn hạn mà không cần phải bán hàng tồn kho. Hệ số thanh toán bằng tiền mặt của Công ty đạt 1,09, tăng gần gấp đôi so với thời điểm cuối năm 2021. Hệ số này cho thấy toàn bộ các khoản nợ ngắn hạn của Công ty có thể được thanh toán gần như ngay lập tức từ nguồn tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

02 Nhóm chỉ số cơ cấu vốn

Tại thời điểm 31/12/2022, tỷ lệ Nợ/ Tổng tài sản và tỷ lệ Nợ/ Vốn chủ sở hữu của MSH lần lượt là 0,48 và 0,92 lần, giảm so với mức 0,53 và 1,14 lần vào thời điểm 31/12/2021. Chỉ tiêu Nợ vay và thuê tài chính/ Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2022 là 0,21 cho thấy chỉ khoảng 1/5 giá trị tài sản của công ty hiện đang được tài trợ bởi nợ vay có phát sinh lãi, giảm nhẹ so với tỷ lệ tương ứng 0,23 trong năm 2021. Nhìn chung, tỷ trọng nghĩa vụ nợ nói chung và nợ vay nói riêng trong cơ cấu nguồn vốn 2022 đều giảm so với năm 2021, cho thấy mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính của Công ty không lớn và có xu hướng giảm do chính sách thắt chặt việc sử dụng nợ vay trong bối cảnh Ngân hàng nhà nước liên tục tăng trần lãi suất để kiềm chế lạm phát.

03 Nhóm chỉ số hiệu quả hoạt động

Trong năm 2022, chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho của MSH là 6,0 vòng, tương ứng 60 ngày trong một kỳ luân chuyển hàng tồn kho, cải thiện khoảng 14 ngày so với cùng kỳ 2021. Số vòng quay khoản phải thu bình quân của Công ty là 11,4 vòng, tương ứng 32 ngày trong chu kỳ phải thu, giảm 13 ngày so với năm 2021 cho thấy Công ty đã rút ngắn thời gian bị đối tác chiếm dụng vốn. Số vòng quay các khoản phải trả của công ty là xấp xỉ 20,4 vòng, tương ứng 18 ngày trong 1 kỳ phải trả bình quân, gần như không đổi so với năm 2021. Kết quả, chu kỳ chuyển đổi tiền mặt của MSH kéo dài khoảng 74 ngày, nhanh hơn 28 ngày so với năm 2021.

Chỉ số hiệu quả sử dụng tài sản được cải thiện, đạt 1,70 trong năm 2022 so với mức 1,63 vào năm 2021 cho thấy hiệu quả của dây chuyền máy móc tăng lên. Đây là kết quả của việc đơn hàng được lắp đầy và các dây chuyền, máy móc, thiết bị được bố trí sản xuất và khai thác hiệu quả.

04 Nhóm chỉ số khả năng sinh lời

Trong năm 2022, tỷ suất lợi nhuận gộp của MSH đạt 15,0%, giảm so với mức 19,6% của năm 2021. Các tỷ suất lợi nhuận hoạt động và tỷ suất lợi nhuận sau thuế cùng kỳ lần lượt đạt 8,1% và 6,1%, đồng thời giảm so các hệ số tương ứng của 2021 là 11,5% và 9,3%. Các hệ số lợi nhuận có xu hướng giảm chủ yếu do tốc độ tăng trưởng giá vốn nhanh hơn tốc độ tăng trưởng doanh thu, nguyên nhân xuất phát từ tình trạng lạm phát trên thế giới cùng các vấn đề về bất ổn địa chính trị, gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu đã khiến giá nguyên vật liệu ngành may mặc Việt Nam nói chung tăng lên đáng kể. Bên cạnh việc giá vốn hàng bán tăng nhanh, chi phí bán hàng tiếp tục tăng 19,7% trong khi chi phí quản lý doanh nghiệp chỉ giảm 0,7% cũng có ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận của Công ty.

Các tỷ suất ROAA và ROEA đồng thời giảm so với 2021, lần lượt đạt 10,4% và 21,0%. Nguyên nhân là do quy mô vốn chủ sở hữu và tài sản của Công ty tăng lên trong khi LNST đang suy giảm.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Giới thiệu ban lãnh đạo

01 Ông BÙI ĐỨC THỊNH

- **Chức vụ:** Chủ tịch HĐQT
- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế
- **Năm sinh:** 1947
- **Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân:** 17.934.120 cổ phần
- **Quốc tịch:** Việt Nam

02 Ông BÙI VIỆT QUANG

- **Chức vụ:** Thành viên HĐQT
kiêm Tổng giám đốc
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Kinh tế
- **Năm sinh:** 1978
- **Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân:** 8.512.560 cổ phần

03 Ông NGUYỄN MẠNH TƯỜNG

- **Chức vụ:** Thành viên HĐQT
kiêm Phó Tổng giám đốc
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế
- **Năm sinh:** 1971
- **Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân:** 1.537.000 cổ phần

04 Ông TRẦN CHÍ DŨNG

- **Chức vụ:** Phó Tổng giám đốc
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân quản trị kinh doanh
- **Năm sinh:** 1970
- **Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân:** 0 cổ phần

05 Bà LÊ THỊ HỒNG YẾN

- **Chức vụ:** Thành viên HĐQT
kiêm Giám đốc tài chính
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế
- **Năm sinh:** 1969
- **Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân:** 340.200 cổ phần

06 Bà BÙI THU HÀ

- **Chức vụ:** Thành viên HĐQT
- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân
- **Năm sinh:** 1974
- **Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân:** 5.794.740 cổ phần
- **Quốc tịch:** Việt Nam

07 Ông BERNARD SZETO W.K

- **Chức vụ:** Thành viên HĐQT
độc lập kiêm Chủ tịch Ủy
ban kiểm toán
- **Quốc tịch:** Hồng Kông
- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân quản trị kinh doanh
- **Năm sinh:** 1968
- **Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân:** 0 cổ phần

08 Ông ĐINH TRÀNG THI

- **Chức vụ:** Thành viên HĐQT
độc lập kiêm Thành viên Ủy
ban kiểm toán
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư
- **Năm sinh:** 1979
- **Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân:** 0 cổ phần

09 Bà NGUYỄN THỊ HẠNH

- **Chức vụ:** Thành viên HĐQT
không điều hành kiêm Thành
viên Ủy ban Kiểm toán
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán
- Thạc sĩ kinh tế
- **Năm sinh:** 1976
- **Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân:** 471.120 cổ phần

10 Ông LÊ VĂN QUANG

- **Chức vụ:** Kế toán trưởng
- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế
- **Năm sinh:** 1965
- **Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân:** 2.310 cổ phần
- **Quốc tịch:** Việt Nam

Thay đổi trong ban lãnh đạo

Họ và tên	Chức danh tại Công ty (trước thay đổi)	Chức danh tại Công ty (sau thay đổi)	Lý do thay đổi	Hiệu lực	Ghi chú
THAY ĐỔI TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ					
Bùi Thu Hà	Trợ lý Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành	Mới bổ nhiệm	29/04/2022	Theo Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 24/2022/NQ-ĐHĐCĐ/MSH ngày 29/04/2022

Cơ cấu nhân sự

Tính đến ngày 31/12/2022, tổng số lao động của Công ty: **12.033** người

Theo trình độ lao động

Trình độ Đại học và trên Đại học	468	3,89%
Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	998	8,29%
Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	61	0,51%
Lao động phổ thông	10.506	87,31%
TỔNG CỘNG	12.033	100,00%

Theo đối tượng lao động

Lao động gián tiếp	725	6,03%
Lao động trực tiếp	11.308	93,97%
TỔNG CỘNG	12.033	100,00%

Theo giới tính

Nam	3.289	27,33%
Nữ	8.744	72,67%
TỔNG CỘNG	12.033	100,00%

Theo thời hạn HĐLĐ

Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	2.903	24,13%
Hợp đồng không xác định thời hạn	9.130	75,87%
TỔNG CỘNG	12.033	100,00%

Theo cấp quản lý

Quản lý cấp cao	18	0,15%
Quản lý cấp trung	55	0,46%
Chuyên viên, nhân viên	652	5,42%
Lao động khác	11.308	93,97%
TỔNG CỘNG	12.033	100,00%

Theo độ tuổi

Từ 18 đến 25 tuổi	2.518	20,93%
Từ 26 đến 35 tuổi	5.451	45,30%
Từ 36 đến 45 tuổi	3.595	29,88%
Trên 45	469	3,90%
TỔNG CỘNG	12.033	100,00%

Tóm tắt chính sách nhân sự

01 Quy chế lương, thưởng, phúc lợi của Công ty

Công ty áp dụng chính sách tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi với mục tiêu khuyến khích người lao động nhất là lao động có chuyên môn và nghiệp vụ làm việc lâu dài tại Công ty. Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao, đồng thời áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các công nhân viên có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty. Từ năm 2021, Công ty áp dụng quy chế thưởng vượt năng suất, số tiền thưởng này được tính vào lương hằng tháng của người lao động. Trong năm, Công ty đảm bảo đầy đủ việc làm và thu nhập cho người lao động. Thu nhập bình quân năm 2022 của người lao động trong Công ty đạt gần 10,9 triệu đồng/ người/ tháng, tăng 2,3% so với năm 2021.

02 Chính sách tuyển dụng nhân viên

Với mục tiêu góp phần tạo công ăn việc làm và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội tại địa phương, Công ty có chính sách ưu tiên tuyển dụng nhân sự là người các địa phương lân cận nơi công ty đóng trụ sở. Đối với nhân sự các Phòng/Ban cần bằng cấp, trình độ và kinh nghiệm công ty luôn “trải thâm dò” thu hút các ứng viên tốt nghiệp các trường Đại học, Cao đẳng có uy tín, các ứng viên có kinh nghiệm và tâm huyết muốn làm việc lâu dài tại công ty. Đối với công nhân sản xuất trực tiếp, công ty liên tục tuyển dụng để bổ sung vào đường chuyền với nhiều chính sách hỗ trợ. Lực lượng lao động khi tuyển dụng vào làm việc đều qua thời gian thử việc, học việc. Khi đủ điều kiện, Công ty sẽ tiến hành ký kết các loại hợp đồng từ thời vụ, ngắn hạn và dài hạn.

03 Chính sách đào tạo và phát triển nhân viên

Nhân sự mới được các đơn vị chuyên môn hỗ trợ và hướng dẫn để hòa nhập và bắt nhịp công việc. Những người chưa biết nghề được hướng dẫn học nghề theo quy định, người biết nghề được bố trí theo năng lực, sở trường và thường xuyên được bổ túc, đào tạo thêm để không ngừng nâng cao tay nghề, phát triển kỹ năng. CBCNV các phòng nghiệp vụ, cán bộ từ cấp tổ trở lên được cử theo học các khóa đào tạo nâng cao tay nghề, chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng điều hành, quản lý. Các cấp quản lý, lãnh đạo của Công

ty được tạo điều kiện để tham dự vào các cuộc hội thảo, các buổi nói chuyện chuyên đề về các lĩnh vực liên quan. Mọi chi phí đào tạo đều được công ty tài trợ, cán bộ nhân viên, người lao động không phải đóng thêm khoản phí nào.

Công ty tiếp tục tập trung tuyển chọn công nhân đủ điều kiện để đào tạo cán bộ nguồn theo hai hướng: cán bộ quản lý và cán bộ công nghệ kỹ thuật nhằm tạo nguồn nhân sự kế cận trong tương lai cũng như nguồn nhân sự dự phòng sẵn sàng thay thế các vị trí khi cần thiết.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Thông tin cổ phiếu

Tính đến hết ngày 31/12/2022, Công ty Cổ phần May Sông Hồng đã phát hành 75.014.100 cổ phiếu. Trong đó:

Tên cổ phiếu Cổ phiếu Công ty cổ phần May Sông Hồng

Loại cổ phiếu Cổ phiếu phổ thông **Mã chứng khoán** MSH **Mệnh giá cổ phiếu** 10.000 đồng/cổ phiếu

Ngày bắt đầu niêm yết 28/11/2018, Cổ phiếu của Công ty cổ phần May Sông Hồng chính thức giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán MSH.

Số cổ phiếu phổ thông 75.014.100 cổ phiếu **Số cổ phiếu ưu đãi** 0 cổ phiếu **Số cổ phiếu đang lưu hành** 75.014.100 cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu quỹ 0 cổ phiếu **Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do** 74.787.300 cổ phiếu **Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng** 226.800 cổ phiếu

Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2022 Không

Các chứng khoán khác

Trong năm 2022, Công ty không thực hiện phát hành chứng khoán khác.

Cơ cấu cổ đông

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	Cổ đông Nhà nước	-	-
2	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên)	47.383.715	63,2%
	- Trong nước	47.383.715	63,2%
	- Nước ngoài	-	0,0%
3	Cổ đông khác	27.630.385	36,8%
	- Trong nước	24.948.914	33,3%
	- Nước ngoài	2.681.471	3,6%
TỔNG CỘNG		75.014.100	100,00%
	- Cá nhân	61.812.600	82,4%
	- Tổ chức	13.201.500	17,6%

Nguồn: Theo danh sách cổ đông của MSH chốt ngày 21/03/2023

Công ty có giới hạn về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%. Tại thời điểm ngày 21/03/2023, cổ đông nước ngoài sở hữu 2.681.471 cổ phần, tương đương với 3,57% vốn điều lệ của Công ty.

Sở hữu cổ đông lớn

STT	Cá nhân/ Tổ chức	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	Bùi Đức Thịnh	17.934.120	23,91%
2	Bùi Việt Quang	8.512.560	11,35%
3	Bùi Thu Hà	5.794.740	7,72%
4	Phạm Thị Sông Ngân	5.550.225	7,40%
5	CTCP Chứng khoán FPT	9.592.070	12,79%

Theo danh sách cổ đông chốt ngày 21/03/2023

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu

Trong năm 2022, Công ty Cổ phần May Sông Hồng triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 24/2022/NQ-ĐHĐCĐ/MSH ngày 29/04/2022, theo đó nâng số lượng cổ phiếu đang lưu hành từ 50.009.400 cổ phiếu lên 75.014.100 cổ phiếu.

Thời điểm	Số cổ phần phát hành thêm	Giá trị phát hành thêm (triệu VNĐ)	VĐL sau khi phát hành (triệu VNĐ)	Phương thức tăng vốn	Cơ quan chấp thuận việc tăng vốn
Năm 2004			12.000	Vốn ban đầu sau khi cổ phần hóa	ĐHĐCĐ Công ty, Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Nam Định
LẦN 1: Tháng 12/2007	600.000	6.000	18.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	ĐHĐCĐ Công ty, UBCKNN
LẦN 2: Tháng 12/2009	1.800.000	18.000	36.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	ĐHĐCĐ Công ty, UBCKNN
LẦN 3: Tháng 5/2011	1.800.000	18.000	54.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	ĐHĐCĐ Công ty, UBCKNN
LẦN 4: Tháng 12/2014	5.400.000	54.000	108.000	Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (chuyển đổi 540.000 trái phiếu với tỷ lệ 1 trái phiếu chuyển thành 10 cổ phiếu)	ĐHĐCĐ Công ty, UBCKNN
LẦN 5: Tháng 8/2015	540.000	5.400	113.400	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	ĐHĐCĐ Công ty, UBCKNN
LẦN 6: Tháng 8/2015	11.340.000	113.400	226.800	Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	ĐHĐCĐ Công ty, UBCKNN
LẦN 7: Tháng 8/2017	1.134.000	11.340	238.140	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	ĐHĐCĐ Công ty, UBCKNN
LẦN 8: Tháng 6/2018	23.814.000	238.140	476.280	Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	ĐHĐCĐ Công ty, UBCKNN
Lần 9: Tháng 04/2019	2.381.400	23.814	500.094	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	ĐHĐCĐ Công ty, UBCKNN
Lần 10: Tháng 06/2022	25.004.700	250.047	750.141	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021	ĐHĐCĐ Công ty, UBCKNN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

**Đánh giá kết quả hoạt động
sản xuất kinh doanh năm 2022**
[66-67]

Tình hình tài chính
[68-72]

**Những cải tiến về cơ cấu
tổ chức, chính sách quản lý**
[73-75]

**Phương hướng phát triển
năm 2023**
[76-88]

**Giải trình của Ban Tổng Giám
đốc đối với ý kiến kiểm toán
(nếu có)**
[79]

**Đánh giá liên quan đến
trách nhiệm về môi trường
và xã hội**
[80-81]



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

Tình hình hoạt động năm 2022 và đánh giá của ban điều hành

Kết thúc năm 2022, doanh thu thuần đạt 5.521 tỷ đồng, vượt 12,7% kế hoạch đề ra và tăng 16,3% so với năm 2021; lợi nhuận trước thuế đạt 439,1 tỷ đồng, hoàn thành 87,8% kế hoạch đề ra và giảm 19,1% so với kết quả thực hiện 2021, lợi nhuận sau thuế đạt 337,7 tỷ đồng, giảm 23,7% so với kết quả thực hiện 2021. Một số yếu tố chính có ảnh hưởng đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm của Công ty như sau:

- Hoạt động xuất khẩu nói chung tăng trưởng tốt trở lại và tình hình đơn hàng khả quan dù suy yếu về cuối năm: Giá trị xuất khẩu hàng dệt may năm 2022 ước đạt 37,6 tỷ USD tăng 14,7% so với cùng kỳ 2021. Trong đó, giá trị xuất khẩu sang các thị trường chủ lực như Mỹ (đạt 17,4 tỷ USD, tăng 7,9%), EU (đạt 4,5 tỷ USD, tăng 34,7%), Nhật Bản (đạt 4,1 tỷ USD, tăng 25,8%), Hàn Quốc (đạt 3,3 tỷ USD, tăng 12,1%) tiếp tục ghi nhận tăng trưởng tốt. Bên cạnh đó, các thị trường được hỗ trợ bởi EVFTA và CPTPP là EU (+34,7%) và Canada (+44%) ghi nhận tăng trưởng cao. Trong năm, nhóm khách hàng truyền thống tại thị trường Mỹ gồm Columbia Sportswear, Walmart và G-III tiếp tục gia tăng đơn hàng. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục xúc tiến phát triển thêm các đối tác mới bao gồm cả các thị trường trong khu vực được hỗ trợ bởi các hiệp định thương mại này. Ngoài ra, việc Công ty con May Sông Hồng - Nghĩa Hưng chính thức tham gia vào hoạt động sản xuất kể từ đầu năm 2022 đã giúp Công ty mở rộng năng lực sản xuất và gia tăng doanh thu.



5.521 tỷ VNĐ

DOANH THU THUẦN NĂM 2022

tăng 12,7% so với kế hoạch đề ra

tăng 16,3% so với năm 2021

439 tỷ VNĐ

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ NĂM 2022

hoàn thành 87,8% so với kế hoạch đề ra

giảm 19,1% so với năm 2021

- Hoạt động sản xuất của các nhà máy được duy trì tương đối ổn định và đón đầu được sự hồi phục nhu cầu hàng may mặc từ các thị trường xuất khẩu. Có thể nói năng lực sản xuất được đánh giá cao là một yếu tố quan trọng giúp MSH tiếp cận được tệp khách hàng có quy mô, thương hiệu lớn và mở rộng quy mô đơn hàng ngay khi nhu cầu tiêu dùng ngành hàng may mặc tăng trưởng trở lại.
- Doanh thu hoạt động tài chính tăng mạnh gần 2 lần lên 152,1 tỷ đồng.
- Giá vốn hàng bán tăng nhanh ở mức 22,9%, một phần do ảnh hưởng của tình trạng lạm phát trên thế giới cũng như các vấn đề về gián đoạn chuỗi cung ứng, thiếu hụt container đã khiến giá nguyên vật liệu tăng lên. Hiện tại tỷ trọng giá vốn hàng bán so với doanh thu thuần là gần 85,0% tăng nhẹ so với 80,4% trong 2021.
- Tỷ trọng nhóm chi phí hoạt động (chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng, chi phí tài chính, chi phí khác) và chi phí thuế TNDN trên doanh thu thuần được duy trì ở mức ổn định, đạt 11,7%, giảm so với mức 11,9% của năm 2022. Tổng cộng, các chi phí này đạt 645,7 tỷ đồng, tăng gần 14% so với năm 2021.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Tính đến 31/12/2022, tổng tài sản của May Sông Hồng đạt 3.294,2 tỷ đồng, tăng 2,9% so với thời điểm cuối năm 2021. Trong đó, tài sản dài hạn có xu hướng gia tăng cả về giá trị lẫn tỷ trọng trong tổng tài sản. Cụ thể:

- Tài sản ngắn hạn năm 2022 đạt 2.341,7 tỷ đồng, giảm nhẹ 5,9% giá trị, chiếm 71,1% tổng tài sản (so với 77,7% thời điểm 31/12/2021). Nhìn chung, cơ cấu tài sản ngắn hạn của công ty trong năm có sự thay đổi đáng kể. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là khoản mục chiếm tỷ trọng lớn nhất, đạt 952,4 tỷ đồng, chiếm 29,0% giá trị tổng tài sản, tăng so với mức 14,6% của năm 2021. Đứng thứ hai trong cơ cấu tài sản ngắn hạn là hàng tồn kho, đạt 603,1 tỷ đồng, giảm 35,7% so với cuối kỳ 2021. Hàng tồn kho đóng góp 18,3% giá trị tổng tài sản, giảm so với mức 29,3% của năm 2021. Trong đó, những khoản ghi nhận giảm nhiều nhất là nguyên vật liệu (giảm 116,9 tỷ đồng, đạt 163,1 tỷ đồng) và thành phẩm tồn kho (giảm 170,3 tỷ đồng, đạt 293,7 tỷ đồng). Điều này phần nào phản ánh chính sách ứng phó của Công ty trước những dự báo có phần tiêu cực của thị trường may mặc.
- Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ đạt 424,0 tỷ đồng, tăng 12,0% so với thời điểm cuối năm 2021, đóng góp 12,9% vào giá trị tổng tài sản. Tổng giá trị các khoản phải thu ngắn hạn là 340,6 tỷ đồng, giảm sâu 48,7% so với cùng kỳ 2021, chiếm 10,3% giá trị tổng tài sản. Trong đó, mức giảm lớn nhất đến từ khách hàng truyền thống Walmart khi khoản phải thu đối với đối tác này giảm từ 275,7 tỷ đồng trong năm 2021 xuống còn 110,9 tỷ đồng trong năm 2022. Tài sản ngắn hạn khác đạt 18,4 tỷ đồng tương ứng mức giảm 54,0% so với cùng kỳ 2021, chiếm 0,6% tổng tài sản
- Tổng giá trị tài sản dài hạn đạt 952,4 tỷ đồng, tăng 33,5% so với đầu năm, chiếm 28,9% tổng tài sản. Phần lớn tài sản dài hạn là tài sản cố định (đóng góp 88,4% giá trị tài sản dài hạn), có giá trị gần 841,8 tỷ đồng, tăng mạnh 68,4% so với cùng kỳ năm 2021, chiếm 25,6% tổng tài sản. Khoản mục dở dang dài hạn cuối kỳ ghi nhận giá trị 21,7 tỷ đồng, giảm 86,4% so với cùng kỳ 2021, cấu thành 0,7% giá trị tổng

2.341 tỷ VNĐ

TÀI SẢN NGẮN HẠN NĂM 2022

giảm 5,9% so với đầu năm
chiếm 71,1% tổng tài sản

952,4 tỷ VNĐ

TÀI SẢN DÀI HẠN NĂM 2022

tăng 33,5% so với đầu năm
chiếm 28,9% tổng tài sản

tài sản, chủ yếu giá trị tài sản dở dang được ghi nhận vào phải trả cho chi phí xây dựng nâng cấp. Các khoản mục khác gồm Các khoản phải thu dài hạn (21,4 tỷ đồng), Tài sản dài hạn khác (67,6 tỷ đồng) tổng cộng đạt 89 tỷ đồng, tạo nên 2,7% tổng tài sản.

- Đánh giá việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty còn trích lập 39,2 tỷ đồng trong khoản mục Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi, không thay đổi so với thời điểm 31/12/2021. Số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty là 9,9 tỷ đồng, giảm so với mức 13,3 tỷ đồng ghi nhận từ đầu năm do Công ty thực hiện hoàn nhập dự phòng ròng 3,4 tỷ đồng trong năm (chủ yếu là hoàn nhập dự phòng thành phẩm).

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2021	Tăng trưởng	
				Giá trị	%
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	2.341.794	2.489.368	-147.574	-5,9%
1.1	Tiền và các khoản tương đương tiền	424.038	378.601	45.437	12,0%
1.2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	955.600	468.000	487.600	104,2%
1.3	Các khoản phải thu ngắn hạn	340.632	664.276	-323.644	-48,7%
	- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	346.113	623.228	-277.115	-44,5%
	- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-39.166	-39.166	0	0,0%
1.4	Hàng tồn kho	603.115	938.432	-335.317	-35,7%
1.5	Tài sản ngắn hạn khác	18.409	40.059	-21.650	-54,0%
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	952.402	713.269	239.133	33,5%
2.1	Các khoản phải thu dài hạn	21.375	21.375	0	0,0%
2.2	Tài sản cố định	841.751	499.857	341.894	68,4%
2.3	Tài sản dở dang dài hạn	21.705	159.091	-137.386	-86,4%
2.4	Tài sản dài hạn khác	67.572	32.946	34.626	105,1%
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	3.294.196	3.202.637	91.559	2,9%

Đơn vị: Triệu đồng

Tình hình nguồn vốn

Về cơ cấu vốn, tính đến thời điểm 31/12/2022, cơ cấu nguồn vốn của MSH có sự điều chỉnh nhẹ, song nhìn chung vẫn duy trì trạng thái cân bằng giữa nghĩa vụ nợ và vốn chủ sở hữu, tỷ trọng nợ của Công ty có giảm nhẹ.

- Các nghĩa vụ nợ có giá trị 1.575,1 tỷ đồng, chiếm 47,8% cơ cấu nguồn vốn và giảm 7,7% giá trị so với đầu năm. Nợ ngắn hạn chiếm phần lớn các nghĩa vụ nợ phải trả, đạt 1.269,2 tỷ đồng với tỷ trọng trong nguồn vốn là 38,5%, giảm 259,7 tỷ đồng (- 17,0% yoy) so với năm 2021. Ba khoản mục có giá trị lớn nhất trong nợ ngắn hạn Công ty là Phải trả người lao động (đạt 493,2 tỷ đồng, cấu thành 15% giá trị nguồn vốn, tăng 7,1% giá trị cùng kỳ), Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (đạt 376,5 tỷ đồng, cấu thành 11,4% giá trị nguồn vốn, giảm 31,8% so với cùng kỳ 2021) và Phải trả người bán (đạt 240 tỷ đồng, cấu thành 7,3% tổng nguồn vốn, tăng 8,9% so với cùng kỳ). Trong đó, các khoản biến động nợ vay ngắn hạn chủ yếu phản ánh việc Công ty có xu hướng hạn chế vay các khoản vay kỳ hạn dưới 1 năm từ ngân hàng, điều này thể hiện nỗ lực tiết giảm chi phí tài chính trong bối cảnh lãi suất vay ngân hàng có xu hướng tăng lên.
- Về nợ dài hạn, toàn bộ nợ dài hạn của MSH là nợ từ vay dài hạn đạt 305,9 tỷ đồng, tăng đáng kể 71,5% so với thời điểm kết thúc năm 2021, chiếm 9,3% tỷ trọng nguồn vốn của Công ty. Khoản tăng này chủ yếu phản ánh khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Định với mục đích sử dụng vốn vay để phục vụ cho các hạng mục của dự án xây dựng nhà máy Nghĩa Phong của Công ty con và được bảo đảm bởi toàn bộ công trình xây dựng, máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, phương tiện vận tải, hệ thống thiết bị nhà xưởng và tài sản khác gắn liền với đất hình thành trong tương lai thuộc dự án “Xây dựng Khu sản xuất may xuất khẩu” của Công ty Cổ phần May Sông Hồng – Nghĩa Hưng.
- Nhìn chung, so với thời điểm cuối năm 2021, hệ số sử dụng đòn bẩy của Công ty giảm từ 22,8% xuống còn 20,7%.
- Vốn chủ sở hữu tại thời điểm cuối năm 2022 đạt giá trị 1.719,1 tỷ đồng, tăng gần 15% so với cùng kỳ năm 2022, tuy nhiên tỷ trọng trong tổng nguồn vốn tăng từ 46,7% vào năm 2021 lên 52,2% vào năm 2022.

1.575,1 tỷ VNĐ

TỔNG NỢ PHẢI TRẢ

chiếm 47,8% cơ cấu nguồn vốn

giảm 7,7% so với đầu năm

Tăng trưởng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2021	Giá trị	%
I	NỢ NGẮN HẠN	1.269.232	1.528.822	-259.590	-17,0%
1.1	Phải trả cho người bán	239.987	220.322	19.665	8,9%
1.2	Người mua trả tiền trước	15.006	20.117	-5.111	-25,4%
1.3	Thuế và các khoản phải nộp NN	36.548	33.766	2.782	8,2%
1.4	Phải trả người lao động	493.243	460.749	32.494	7,1%
1.5	Chi phí phải trả	35.717	160.711	-124.994	-77,8%
1.6	Phải trả ngắn hạn khác	6.433	11.822	-5.389	-45,6%
1.7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	376.478	552.060	-175.582	-31,8%
1.8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	35.774	49.276	-13.502	-27,4%
1.9	Dự phòng phải trả ngắn hạn	30.047	20.000	10.047	50,2%
II	NỢ DÀI HẠN	305.913	178.414	127.499	71,5%
2.1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	305.913	178.414	127.499	71,5%
III	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	1.575.145	1.707.236	-132.091	-7,7%

Đơn vị: Triệu đồng

Đánh giá tình trạng trả nợ

Tại ngày 31/12/2022, Công ty không có khoản nợ phải trả quá hạn nào. Các khoản nợ của Công ty và Công ty con có thời gian đáo hạn được tóm tắt như sau:

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2021	% Thay đổi
1	NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH ĐẾN HẠN TRONG 1 NĂM	1.217.678	1.474.939	-17,4%
1.1	Các khoản vay và nợ thuê tài chính	376.478	552.060	-31,8%
1.2	Phải trả người bán	239.987	220.322	8,9%
1.3	Nợ phải trả tài chính ngắn hạn khác	601.213	702.557	-14,4%
2	NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH ĐẾN HẠN TRONG 1 - 5 NĂM	305.913	178.413	71,5%
2.1	Các khoản vay và nợ thuê tài chính	305.913	178.413	71,5%
3	TỔNG CỘNG	1.523.591	1.653.353	-7,8%

Đơn vị: Triệu đồng

Ảnh hưởng của chênh lệch lãi vay

Chỉ tiêu	2022	2021	% Thay đổi
Nợ vay ngắn hạn	376.478	552.060	-31,8%
Nợ vay dài hạn	305.913	178.413	71,5%
Chi phí lãi vay	33.905	10.033	237,9%
Doanh thu thuần	5.520.958	4.747.623	16,3%
Chi phí lãi vay/ Doanh thu thuần	0,61%	0,21%	190,5%

Đơn vị: Triệu đồng

Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá

Bảng sau đây biểu thị sự nhạy cảm của kết quả hoạt động thuần trong năm và vốn liên quan đến tài sản và nợ phải trả tài chính dưới sự thay đổi của tỷ giá USD/VNĐ:

<ul style="list-style-type: none"> Nếu USD tăng so với VNĐ tương ứng là 3,5% (năm 2021: 1,4%) thì điều này sẽ có những tác động sau đây: 		31/12/2022	31/12/2021
	Kết quả thuần trong năm (VNĐ)	5.080.812.338	1.256.418.080
	Vốn chủ sở hữu (VNĐ)	5.080.812.338	1.256.418.080
<ul style="list-style-type: none"> Nếu USD giảm so với VNĐ tương ứng là 3,5% (năm 2021: 1,4%) thì điều này sẽ có những tác động sau đây: 		31/12/2022	31/12/2021
	Kết quả thuần trong năm (VNĐ)	-5.080.812.338	-1.256.418.080
	Vốn chủ sở hữu (VNĐ)	-5.080.812.338	-1.256.418.080

Việc phân tích độ nhạy của kết quả hoạt động kinh doanh thuần trong năm và vốn với biến động của cặp tỷ giá USD/VNĐ sử dụng giả sử có một sự thay đổi +/- 3,5% tỷ giá USD/VNĐ cho Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021: +/-1,4%). Cả hai tỷ lệ này được xác định dựa vào sự biến động của thị trường tỷ giá bình quân trong 12 tháng trước đó. Việc phân tích sự nhạy cảm dựa vào các công cụ tài chính phái sinh bằng ngoại tệ mà Công ty và các Công ty con nắm giữ tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất và đánh giá tác động của hợp đồng kỳ hạn và tác động của thay đổi tỷ giá ngoại tệ.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

01 Cải tiến về bộ máy quản lý

Một trong những yếu tố quan trọng và thường xuyên được khuyến khích bởi các thông lệ tốt về quản trị công ty trên thế giới là sự tham gia cân bằng của các thành viên độc lập, hoặc thành viên không điều hành trong cơ cấu HĐQT nhằm nâng cao tính khách quan của cơ quan này trong chức năng giám sát và ra quyết định. Để các thành viên không điều hành hoặc thành viên độc lập phát huy được vai trò giám sát của mình thì bên cạnh việc không tham gia vận hành doanh nghiệp còn cần phải có những kiến thức và kinh nghiệm phù hợp với hoạt động của Công ty.

Tại Công ty cổ phần May Sông Hồng, sau khi trở thành doanh nghiệp niêm yết vào cuối năm 2018, thông qua cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019, Công ty đã chuyển đổi cơ cấu bộ máy quản lý từ mô hình có Ban Kiểm soát sang mô hình có Tiểu ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT. Điều này bắt nguồn từ nhận thức của Ban lãnh đạo về việc cần phải đề cao vai trò của những tiếng nói độc lập trong HĐQT nhằm tăng cường hiệu quả giám sát rủi ro, nâng cao tính minh bạch trong hoạt động điều hành quản lý, từ đó tối ưu cho việc ra quyết định và bảo vệ quyền lợi của cổ đông. Theo đó, trong giai đoạn 2019 -2020, HĐQT của Công ty hoạt động với 06 thành viên, với 03 thành

viên không điều hành, trong đó 01 người là Chủ tịch HĐQT và 02 người khác đồng thời là thành viên độc lập HĐQT và 01 tiểu ban kiểm toán nội bộ trực thuộc (trong đó trưởng tiểu ban là thành viên độc lập HĐQT, các thành viên còn lại có thể không bắt buộc là thành viên HĐQT Công ty).

Bước sang năm 2021, cùng với việc Luật Doanh nghiệp 2020 chính thức có hiệu lực với nhiều điểm mới, trong đó có quy định về Ủy ban kiểm toán thay thế cho quy định về Tiểu ban kiểm toán nội bộ của Luật Doanh nghiệp 2014, tại ĐHĐCĐ thường niên 2021, Công ty đã bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Hạnh tham gia làm thành viên Hội đồng quản trị, thông qua đó, nâng tổng số thành viên Hội đồng quản trị lên 07 người và số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành lên 04 người (trong đó 02 người là thành viên Hội đồng quản trị độc lập).

Tiếp đó, tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2022, để đáp ứng được thực tiễn quản trị, điều hành, giám sát của Công ty, Đại hội thông qua việc điều chỉnh số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019 - 2024 là tám (08) thành viên và bầu bà Bùi Thu Hà vào Hội đồng quản trị thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2019 -2024.

02 Cải tiến về cơ cấu tổ chức

Trong năm 2022, nhà máy mới do Công ty Cổ phần May Sông Hồng – Nghĩa Hưng (Công ty con) quản lý chính thức được đưa vào hoạt động, từ đó dẫn đến việc mở rộng quy mô các khối chức năng, bổ sung các phòng ban, bộ phận mới cũng như bổ sung khối lượng lớn nhân sự theo nhu cầu thực tế của từng bộ phận.

03 Cải tiến về công tác quản trị

Trong năm 2022, Công ty tiếp tục nghiên cứu triển khai ứng dụng phần mềm quản trị doanh nghiệp ERP cùng các phần mềm quản trị tiến tiến làm tăng cao tính chính xác và kịp thời trong công tác quản lý sản xuất - kinh doanh, khai thác tối đa mọi nguồn lực của Công ty, triệt để tiết kiệm, chống tổn thất, lãng phí.

Công ty thường xuyên đánh giá lại, cập nhật, hoàn thiện và phổ biến quy trình về công tác xây dựng kế hoạch kinh doanh hàng năm cho các phòng ban cũng như tiếp tục cải tiến và ứng dụng quy trình mới để phục vụ cho công tác hoạch định chiến lược, kiểm soát chặt chẽ các rủi ro.

Công ty tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy chế, quy trình quản lý, quy trình luân chuyển hàng hóa giữa Công ty và Công ty con.

Công ty thường xuyên kiểm tra việc triển khai các phương pháp quản trị 5S kaizen, Lean – sản xuất tinh gọn tại các nhà máy, phân xưởng.



04 Cải tiến về công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

Xác định nguồn nhân lực là một trong những tài sản quan trọng nhất của doanh nghiệp, công tác đào tạo và phát triển nguồn lực luôn được Công ty cổ phần May Sông Hồng ưu tiên đề cao thực hiện. Tại Công ty cổ phần May Sông Hồng, CBCNV thường xuyên được tiếp nhận đào tạo, cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp tới công việc mà mình phụ trách.

Trong những năm gần đây, khi nhiều công đoạn sản xuất đơn giản đã được tự động hóa, người lao động được tập trung đào tạo cho những công đoạn phức tạp mà máy móc không thể thay thế nhằm nâng cao năng lực sản xuất. Bên cạnh đó, Công ty còn chú trọng việc đầu tư xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp từ phát triển mẫu, mua hàng, quản lý đơn hàng.



PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2023

Kế hoạch hoạt động năm 2023

Trong năm 2023, MSH đã đặt ra mục tiêu hoạt động và giải pháp trọng tâm như sau:

- Vận hành ổn định và hiệu quả các khu vực sản xuất hiện hữu và các nhà máy mới đưa vào hoạt động, đảm bảo hiệu suất sử dụng các chuyên may ở mức tối đa.
- Đẩy mạnh công tác phát triển khách hàng, cân bằng tỷ lệ khách hàng trên các thị trường khác nhau.
- Đảm bảo nguồn nhân lực ổn định và đảm bảo công ăn việc làm, thu nhập và cơ hội phát triển nghề nghiệp cho người lao động.
- Tiếp tục nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp, chú trọng số hóa mô hình quản trị, phát triển và ứng dụng công nghệ trong quản lý.
- Xây dựng văn hóa Công ty lành mạnh, tạo môi trường và động lực phát triển bền vững.

Các chỉ tiêu kế hoạch cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	5.520,9	5.670
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	439,1	420
Tỷ lệ cổ tức (%)	25	15 - 35

Các giải pháp thực hiện



Vận hành sản xuất và đầu tư

- Giao các bộ phận liên quan xây dựng kế hoạch sản xuất, chuẩn bị đơn hàng và giá cả theo hướng chuyên môn hóa để bảo đảm thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty.
- Tăng cường các biện pháp kiểm tra, kiểm soát chặt tất cả các công đoạn sản xuất theo đúng quy trình sản xuất của từng mã hàng, bảo đảm chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của Khách hàng.
- Tăng cường đầu tư cải tạo các khu vực sản xuất theo tiêu chuẩn nhà máy xanh và phát triển bền vững.
- Rà soát, tu bổ, thay thế máy móc thiết bị cũ kém hiệu quả bằng thiết bị công nghệ hiện đại nhằm phát huy tối đa năng lực sản xuất, nâng cao năng suất lao động.



Kinh doanh và phát triển thị trường

- Tiếp tục phát triển đội ngũ kinh doanh và nhân lực quản lý đơn hàng (merchandiser) giàu năng lực và kinh nghiệm trong việc tìm kiếm, phát triển, duy trì các đơn hàng, khách hàng tiềm năng.
- Tận dụng lợi thế các hiệp định thương mại CPTPP, EVFTA để mở rộng thị trường và phát triển thêm khách hàng.
- Phát triển và nâng cao năng lực của đội ngũ sourcing nhằm tăng cường khả năng tìm kiếm, cung ứng nguồn vật tư đa dạng và cạnh tranh cho khách hàng.
- Tiếp tục mở rộng phát triển thị trường chăn ga gối đệm xuất khẩu; ổn định thị trường nội địa.



Phát triển nguồn nhân lực

- Duy trì và xây dựng các vùng dân cư chiến lược để cung cấp ổn định về lao động cho công ty.
- Xây dựng đề án phát triển và đào tạo đối với các vị trí nhân sự cấp cao, vị trí nhân sự chủ chốt và đội ngũ nhân sự kế cận.
- Theo dõi đánh giá nhu cầu nhân sự tại các phòng ban/ bộ phận chức năng và năng lực nhân sự hàng năm, triển khai các chương trình tuyển dụng và đào tạo (bao gồm thuê chuyên gia về đào tạo) phù hợp đảm bảo nhân sự có đủ năng lực đáp ứng cho các vị trí cần thiết.
- Chú trọng đào tạo nâng cao tay nghề của người lao động trực tiếp nhằm đáp ứng được những đơn hàng lớn, có yêu cầu kỹ thuật cao.



Công tác quản trị

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát các hoạt động của Ban Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc của Công ty, bảo đảm thực hiện đúng các nội dung đã được thông qua trong các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT Công ty.
- Đẩy mạnh triển khai hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp tổng thể ERP để quản lý và kiểm soát dữ liệu thống nhất từ các nhà máy đến khu vực văn phòng.
- Thường xuyên tổ chức các chương trình đánh giá nhằm đảm bảo các Nhà máy duy trì được yêu cầu của các Chứng chỉ đã đạt được như Better Work (trách nhiệm xã hội ngành may mặc), GMP (tiêu chuẩn thực hành sản xuất tốt), FCAA (chứng chỉ đánh giá năng lực của nhà máy) và SCAN (đánh giá sự tuân thủ nhà cung cấp).



Nghiên cứu và phát triển sản phẩm

- Tích cực đầu tư cho bộ phận Nghiên cứu và phát triển sản phẩm (R&D) nhằm cho ra đời những sản phẩm có thiết kế, chất lượng, đặc tính, công dụng mới phù hợp với định hướng chiến lược của Công ty.
- Nghiên cứu, nâng cao khả năng phát triển mẫu, đặc biệt là mẫu 3D phục vụ các đối tác FOB lớn.



Quản trị vốn, tài sản và đầu tư

- Quyết liệt chỉ đạo tiết kiệm, chống tổn thất, lãng phí để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- Quản lý chặt chẽ nguồn vốn thông qua kiểm soát nguồn cung ứng một cách khoa học, cân đối hợp lý các khoản đầu tư.



Môi trường, an toàn và sức khỏe

- Nghiêm túc tuân thủ các quy định của pháp luật, chính sách của địa phương liên quan tới người lao động và môi trường.
- Tuân thủ các tiêu chuẩn đánh giá của khách hàng đối với quy trình sản xuất và chất lượng sản phẩm.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN (NẾU CÓ)

Không có.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Công ty chấp hành đúng và đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường của pháp luật. Trong năm 2022, Công ty đã triển khai:

- Lập báo cáo quan trắc định kỳ về công tác bảo vệ môi trường, tình hình khai thác nước ngầm và xả nước thải, quản lý chất thải, lò hơi tại các khu vực sản xuất.
- Lập báo cáo quan trắc phân tích nước sạch và nước uống.
- Tuân thủ việc đóng thuế bảo vệ môi trường, thuế tài nguyên nước.
- Giao cán bộ chuyên trách, thường xuyên bảo dưỡng hệ thống xả thải, không để xảy ra sự cố nào về môi trường.
- Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của nhân viên công ty, đồng thời kêu gọi nhân viên công ty không xả rác và tuân thủ việc thu gom rác thải đúng quy định.

Đánh giá liên quan đến người lao động và an toàn lao động

Công ty thực hiện tốt và đầy đủ các chính sách liên quan đến người lao động:

- Các chế độ lương, thưởng, phúc lợi, và chế độ cho người lao động (thời gian làm việc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, ...) tuân thủ theo quy định của Nhà nước và Luật lao động. Ngoài ra Công ty có những cơ chế riêng đảm bảo an sinh xã hội cho cán bộ công nhân viên nhằm khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài với Công ty.
- Các hoạt động tuyển dụng, đào tạo và phát triển nghề nghiệp luôn được chú trọng. Khi xét thấy cần thiết, Công ty mời các chuyên gia về đào tạo cho cán bộ nhân viên Công ty.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2022, Công ty tiếp tục duy trì và có những đóng góp quan trọng trong công cuộc xây dựng nông thôn mới, xóa đói, giảm nghèo, hỗ trợ giúp đỡ những địa phương gặp khó khăn do thiên tai. Công ty tiếp tục triển khai các chương trình đền ơn đáp nghĩa, hỗ trợ người có công, chăm sóc thăm hỏi tặng quà người có công với cách mạng, các hoạt động bảo trợ giúp đỡ trẻ em nghèo, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn...góp phần đảm bảo nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân các địa phương nơi đặt nhà máy của Doanh nghiệp.



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của HĐQT về các
mặt hoạt động của công ty
[84-86]

Kế hoạch, định hướng
của HĐQT
[89]

Hoạt động của Hội đồng
quản trị
[87-88]



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Về kết quả sản xuất kinh doanh

Trong năm vừa qua, ngành dệt may Việt Nam nói chung và Công ty Cổ phần May Sông Hồng nói riêng đã trải qua những thái cực rất khác nhau khi tăng trưởng xuất khẩu dệt may có xu hướng phục hồi tích cực trong nửa đầu năm nhưng lại suy giảm mạnh trong 6 tháng cuối năm. Nguyên nhân chính là do ngành dệt may Việt Nam có tính chu kỳ và phụ thuộc chủ yếu vào chu kỳ kinh tế tại các thị trường tiêu thụ chính như Mỹ, EU. Theo đó, tình trạng “quá mua” tại nhiều thị trường chủ chốt nhằm đối phó với rủi ro tắc nghẽn chuỗi cung ứng đã thúc đẩy lượng đơn hàng tăng mạnh trong Quý I/2022. Tuy nhiên tình hình bất ổn địa chính trị, xung đột Nga – Ukraine nhanh chóng đẩy nền kinh tế nhiều quốc gia rơi vào tình trạng lạm phát và khiến tình trạng thắt chặt chi tiêu quay trở lại trong Quý III – Quý IV/2022. Trong bối cảnh đó, Ban lãnh đạo Công ty đã nỗ lực đưa ra những quyết sách và giải pháp kinh doanh phù hợp.

Theo đó, Công ty đã đạt kết quả cụ thể như sau:

- Doanh thu thuần: 5.521,0 tỷ đồng, đạt 112,7% kế hoạch đặt ra;
- Lợi nhuận trước thuế: 439,1 tỷ đồng, đạt 87,8% kế hoạch đề ra.
- Biên lợi nhuận gộp đạt 15,0%
- Biên lợi nhuận sau thuế đạt 6,1%



Về hoạt động đầu tư

Năm 2022, Công ty đã thông qua việc góp vốn thành lập Công ty con và triển khai các công tác liên quan đến Dự án nhà máy Xuân Trường tại khu vực xã Xuân Hòa, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, Việt Nam, dự kiến đưa nhà máy vào khai thác vào cuối năm 2024 - đầu năm 2025. Nhìn chung, việc triển khai dự án được Ban lãnh đạo Công ty theo dõi sát sao.

Bên cạnh đó, Công ty duy trì đầu tư cải tạo, bổ sung tài sản cố định phục vụ cho nhu cầu hoạt động (ví dụ: nhà xưởng, văn phòng, thiết bị,...).

Về công tác quản trị

Trong năm 2022, hoạt động quản trị Công ty tiếp tục được triển khai phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty. Các nội dung thuộc trách nhiệm và thẩm quyền HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác đã được thực thi nghiêm túc. Các đề xuất nâng cao hiệu quả quản trị Công ty đều được khuyến khích, ghi nhận và triển khai thực hiện phù hợp. Xét theo cá nhân, các thành viên HĐQT đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, nỗ lực chủ động trong việc thực thi trách nhiệm bổn phận của mình.

Bên cạnh đó, công tác nghiên cứu ứng dụng công nghệ trong quản trị và điều hành tiếp tục được chú trọng. Công ty đã và đang đẩy mạnh triển khai hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp ERP với sự hỗ trợ của nhiều chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước nhằm nâng cao năng lực quản lý và kiểm soát dữ liệu thống nhất từ các đơn vị đến khu vực văn phòng.

Công tác lao động, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Công tác và các chính sách đối với người lao động được Công ty thực hiện tốt, đảm bảo minh bạch, công bằng. Công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo cho người lao động. Những người lao động đảm nhiệm vị trí, vai trò, có chuyên môn nghiệp vụ khác nhau được xem xét đào tạo theo những chương trình chung và riêng, nhằm mang lại sự phù hợp và hiệu quả tốt nhất. Nhân sự cấp cao và nhân sự chuyên môn được chú trọng đào tạo về quản lý, kỹ năng công tác, bồi dưỡng chuyên sâu trong lĩnh vực kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ. Ngoài ra, Công ty luôn quan tâm chăm lo đến đời sống tinh thần của người lao động, quan tâm và tạo điều kiện để công đoàn Công ty hoạt động, đồng thời phối hợp tổ chức triển khai các chương trình, hoạt động thiết thực nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của CBCNV, khuyến khích người lao động làm việc hăng say, trách nhiệm và gắn bó lâu dài với Công ty. Trong năm, MSH cũng đã có những chính sách và cơ chế được xây dựng để hỗ trợ các CBCNV gặp khó khăn do ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh.

Về trách nhiệm môi trường và xã hội

Công ty thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các vấn đề liên quan đến môi trường và xã hội.

- Đối với các vấn đề về môi trường:
 - ▶ Công ty tổ chức các chương trình đánh giá nhà máy và các kỳ quan trắc định kỳ đối với các yếu tố không khí, khí thải, nước thải, chất thải rắn và tình hình khai thác nguồn nước ngầm để có biện pháp giảm thiểu cũng như kiểm soát các chỉ tiêu ô nhiễm trong ngưỡng cho phép của pháp luật.
 - ▶ Công ty khuyến khích người lao động trong việc tự nâng cao tinh thần trách nhiệm đối với môi trường sống xung quanh, đưa ra các sáng kiến, giải pháp giúp giảm thiểu ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường sống.
- Đối với cộng đồng xã hội: Trong năm, Công ty đã có nhiều chương trình thiết thực, đóng góp vào sự phát triển ổn định của cộng đồng địa phương thông qua việc kết hợp với các đối tác kinh doanh lâu năm.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị tiếp tục thực hiện nhiệm vụ đúng theo quy định tại Điều lệ Công ty, và Luật doanh nghiệp như:

- Chủ trì và chỉ đạo thành công cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 vào ngày 29/04/2022.
- Hội đồng quản trị của Công ty đã tổ chức các cuộc họp hàng quý để nghe Ban Tổng giám đốc báo cáo và phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Giám sát việc thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ, và các nghị quyết HĐQT đã ban hành. Kiểm tra hoạt động điều hành của BGĐ trong hoạt động kinh doanh.
- Theo sát các hoạt động của Công ty và đã có nhiều chỉ đạo kịp thời giúp cho hoạt động của Công ty được hiệu quả.



Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

HĐQT ghi nhận Ban Tổng giám đốc đã rất tích cực, sát sao nắm bắt tình hình để đưa ra các chương trình hoạt động phù hợp, đảm bảo hiệu quả trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Cụ thể:

- Ban Tổng giám đốc đã tích cực chỉ đạo triển khai đầy đủ, kịp thời, tuân thủ các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
- Ban Tổng giám đốc đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, từ đó kịp thời đưa ra các chỉ đạo và chính sách ứng phó phù hợp.
- Ban Tổng giám đốc đã quan tâm sát sao, hướng dẫn các phòng ban, bộ phận tập trung thực hiện sản xuất kinh doanh an toàn, đảm bảo thực hiện tốt các tiêu chí về chất lượng sản phẩm và tiến độ giao hàng cho đối tác.
- Ban Tổng giám đốc đã chủ động nắm bắt tình hình thị trường, kịp thời nắm bắt các cơ hội kinh doanh, tích cực phối hợp, giao hai Khối Kinh doanh tìm kiếm khách hàng và phát triển đơn hàng mới, đảm bảo nguồn hàng ổn định cho tất cả các khu vực sản xuất;
- Ban Tổng giám đốc đã chỉ đạo quản lý chặt chẽ các khoản chi phí sản xuất, chi phí quản lý, chi phí bán hàng, chi phí tài chính; quyết liệt trong triển khai thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí từ trụ sở chính đến các khu vực sản xuất; chủ động trong công tác quản trị vốn và dòng tiền, qua đó đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng;
- Ban Tổng giám đốc đã theo dõi sát sao việc vận hành Nhà máy Sông Hồng 10, nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất diễn ra ổn định, hiệu quả;
- Các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong năm tuân thủ đúng và đủ theo quy định của pháp luật, điều lệ Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

HĐQT đánh giá cao hoạt động quản lý của Ban TGD trong công tác điều hành và triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mang lại hiệu quả cao nhất.

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

HĐQT sẽ tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi để Ban Tổng Giám đốc đạt được những mục tiêu lớn của nhiệm kỳ 2019-2024 là:

- Xây dựng Công ty Cổ phần May Sông Hồng ngày càng vững mạnh hơn, hiệu quả hơn, và trở thành một nhà cung cấp sản phẩm dệt may thời trang lớn và có uy tín trong chuỗi cung ứng hàng dệt may toàn cầu, tiếp tục đứng trong TOP đầu các doanh nghiệp dệt may có tổng kim ngạch xuất khẩu lớn nhất Việt Nam.
- Xây dựng đội ngũ lãnh đạo bản lĩnh và chuyên nghiệp, đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi.

Việc triển khai các mục tiêu trên cho năm 2023 sẽ bao gồm các định hướng sau:

- Xây dựng và triển khai các kế hoạch linh hoạt sẵn sàng ứng phó với các yếu tố bất lợi từ nền kinh tế nhằm giảm thiểu thiệt hại.
- Đảm bảo ổn định đời sống của người lao động, ưu tiên đội ngũ công nhân.
- Nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực quản lý cho khối chuẩn bị sản xuất.
- Quản lý chặt chẽ nguồn vốn thông qua đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, kiểm soát nguồn cung ứng một cách khoa học, cân đối hợp lý các khoản đầu tư.
- Tiếp tục hoàn thiện việc áp dụng phần mềm tiên tiến để đảm bảo năng suất, chất lượng, và nâng cao hiệu quả quản trị

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị
[92-95]

Giao dịch và thù lao của HĐQT, BTGD
[98-99]

Ủy ban kiểm toán
[96-97]

Tăng cường quản trị công ty
[100-101]



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và Tên	Chức vụ tại Công ty	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Bùi Đức Thịnh	Chủ tịch HĐQT	17.934.120	23,91%
2	Ông Bùi Việt Quang	Thành viên HĐQT điều hành	8.512.560	11,35%
3	Bà Bùi Thu Hà	Thành viên HĐQT không điều hành	5.794.740	7,72%
4	Ông Nguyễn Mạnh Tường	Thành viên HĐQT điều hành	1.537.000	2,05%
5	Bà Lê Thị Hồng Yến	Thành viên HĐQT điều hành	340.200	0,45%
6	Ông Bernard Szeto W.K	Thành viên HĐQT độc lập	-	0,00%
7	Ông Đinh Tràng Thi	Thành viên HĐQT độc lập	-	0,00%
8	Bà Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên HĐQT không điều hành	471.120	0,63%

Trong năm, các thành viên HĐQT của May Sông Hồng không nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT tại các Công ty khác.

Những thay đổi trong Hội đồng quản trị:

Trong năm 2022, bà Bùi Thu Hà được bổ nhiệm làm thành viên HĐQT bổ sung thông qua Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 24/2022/NQ-ĐHĐCĐ/MSH ngày 29/04/2022.

Các tiểu ban trực thuộc HĐQT

Căn cứ quy định hiện hành thì việc thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị là không bắt buộc. Vì vậy, cho đến thời điểm này Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

Hoạt động của HĐQT

Tình hình tham dự các cuộc họp của HĐQT

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Bùi Đức Thịnh	Chủ tịch HĐQT	28/09/2014	9/9	100%	
2	Ông Bùi Việt Quang	Thành Viên HĐQT	28/09/2014	9/9	100%	
3	Ông Nguyễn Mạnh Tường	Thành Viên HĐQT	28/09/2014	9/9	100%	
4	Bà Lê Thị Hồng Yến	Thành Viên HĐQT	28/09/2014	9/9	100%	
5	Ông Bernard Szeto W.K	Thành Viên HĐQT độc lập	16/03/2019	9/9	100%	
6	Ông Đinh Tràng Thi	Thành Viên HĐQT độc lập	16/03/2019	9/9	100%	
7	Bà Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên HĐQT	24/04/2021	9/9	100%	
8	Bà Bùi Thu Hà	Thành viên HĐQT	29/04/2022	6/6	100%	

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám Đốc

Căn cứ Điều lệ công ty và Quy chế quản trị công ty, HĐQT thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc (TGD) và Ban điều hành trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT trong năm 2022 như sau:

Phương thức giám sát

Bên cạnh việc thảo luận, trao đổi tại các cuộc họp định kỳ với Tổng Giám đốc, HĐQT còn thường xuyên trao đổi qua thư điện tử và điện thoại về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh và triển khai các nghị quyết của HĐQT và triển khai các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.

HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Ủy ban kiểm toán và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cá nhân nhằm thực hiện công tác giám sát ở các khía cạnh sau:

- Giám sát tình hình tài chính: xem xét, phân tích các thông tin trên báo cáo tài chính để kịp thời đánh giá kết quả soát xét trước khi ban hành văn bản.

- Giám sát tính tuân thủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh: thông qua hoạt động kiểm soát nội bộ, HĐQT đã chỉ đạo, theo dõi chặt chẽ tính hiệu quả và tuân thủ của Công ty trong các quy trình sản xuất kinh doanh.
- Giám sát việc triển khai, quản trị rủi ro ở cấp công ty: chỉ đạo chặt chẽ kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro trong việc vận hành của hệ thống quản trị rủi ro của Công ty.

HĐQT đã thảo luận và thông qua các quyết định bằng nghị quyết sau mỗi kỳ họp về các kế hoạch của quý tiếp theo và các vấn đề khác có liên quan nhằm giúp Tổng Giám đốc và Ban điều hành có cơ sở triển khai.

Kết quả giám sát

Do thực hiện đúng quy trình, thủ tục kết hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ủy ban kiểm toán, công việc điều hành hoạt động kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc không bị trở ngại, việc giám sát của HĐQT và Ủy ban kiểm toán được duy trì thường xuyên, chặt chẽ, đảm bảo hoạt động của công ty thực hiện đúng nghị quyết của HĐQT, thực hiện quản trị công ty theo chuẩn mực hành vi, đạo đức nghề nghiệp của thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ủy ban kiểm toán vì quyền lợi của cổ đông công ty.

Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	04/2022/NQ/HĐQT/MSH	12/01/2022	Nghị quyết về việc thành lập công ty con	100%
2	07/2022/NQ/HĐQT/MSH	02/03/2022	Nghị quyết về tổ chức ĐHĐCĐ 2022	100%
3	08/2022/NQ/HĐQT/MSH	11/03/2022	Nghị quyết về việc thông qua kết quả SXKD, tình hình tài chính năm 2021 và bổ sung các nội dung dự kiến trình ĐHĐCĐ thường niên 2022	100%
4	29/2022/NQ/HĐQT/MSH	10/05/2022	Nghị quyết của HĐQT về việc Triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021	100%
5	37/2022/NQ/HĐQT/MSH	25/05/2022	Nghị quyết của HĐQT về ngày đăng ký cuối cùng	100%
6	47/2022/NQ/HĐQT/MSH	21/06/2022	Nghị quyết của HĐQT về việc sửa đổi Điều lệ, Điều chỉnh Giấy chứng nhận ĐKDN và đăng ký chứng khoán bổ sung	100%

7	65/2022/NQ/HĐQT/MSH	08/08/2022	Nghị quyết của HĐQT về việc Chấm dứt hoạt động kinh doanh chi nhánh của công ty tại TP. Hồ Chí Minh	100%
8	70/2022/NQ/HĐQT/MSH	30/08/2022	Nghị quyết của HĐQT về việc Thông qua kết quả SXKD, tình hình tài chính Quý 2 và 6 tháng đầu năm 2022	100%
9	77/2022/NQ/HĐQT/MSH	14/11/2022	Nghị quyết của HĐQT về việc Thông qua kết quả SXKD và tình hình tài chính 9 tháng đầu năm 2022, kế hoạch chi trả cổ tức năm 2022 và kế hoạch đầu tư góp vốn	100%

Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT

Không có

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Tính đến 31/12/2022, CTCP May Sông Hồng có 02 thành viên độc lập Hội đồng quản trị là ông Bernard Szeto W.K và ông Đinh Trùng Thi. Trong năm 2022, Thành viên độc lập tham gia các chương trình hoạt động của Ủy ban Kiểm toán như nội dung báo cáo của Ủy ban Kiểm toán.

Trong năm 2022, các thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao với tinh thần cẩn trọng và trách nhiệm cao, phát huy vai trò độc lập trong việc đưa ra các ý kiến xây dựng và đánh giá khách quan đối với đường hướng hoạt động của Công ty, công tác quản trị rủi ro, công tác bảo vệ an toàn vốn của cổ đông, đặc biệt là lợi ích của những cổ đông nhỏ và nhóm lợi ích khác liên quan tới Công ty.

Danh sách thành viên HĐQT đã tham gia các chương trình đào tạo về Quản trị Công ty

Các thành viên Hội đồng quản trị đã tiếp nhận đầy đủ các chương trình đào tạo về quản trị công ty trong năm, đồng thời chủ động tự nghiên cứu, tìm hiểu các vấn đề về quản trị công ty.

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Thông tin về thành viên Ủy ban kiểm toán

Danh sách thành viên Ủy ban Kiểm toán như sau:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	Ông Bernard Szeto W.K	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	-	0,00%
2	Ông Đinh Trùng Thi	Thành viên Ủy ban kiểm toán	-	0,00%
3	Bà Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên Ủy ban kiểm toán	471.120	0,63%

Hoạt động của UBKT

Tình hình tham dự các cuộc họp của UBKT

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Bernard Szeto W.K	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	2/2	100%	
3	Ông Đinh Trùng Thi	Thành viên Ủy ban kiểm toán	2/2	100%	
2	Bà Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên Ủy ban kiểm toán	2/2	100%	

Trong năm 2022, Ủy ban Kiểm toán tổ chức 02 cuộc họp. Thông qua các cuộc họp này, Ủy ban kiểm toán thực hiện phân công nhiệm vụ năm 2022, tổ chức triển khai kế hoạch hoạt động của Ủy ban Kiểm toán, thảo luận và thống nhất nội dung đánh giá kết quả hoạt động trong năm, giám sát tính trung thực và khách quan của công tác lập báo cáo tài chính, giám sát hiệu quả của quá trình kiểm toán báo cáo tài chính, giám sát tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát rủi ro và thông báo kết quả giám sát cùng các nội dung liên quan đến Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty theo quy trình đã ban hành. Nội dung, kết quả các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán đều được các thành viên (3/3) tham gia biểu quyết thống nhất thông qua với tỷ lệ tán thành 100%.

Hoạt động giám sát của Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

Ủy ban Kiểm toán đã tuân thủ và thực hiện theo Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán, nghiêm túc thực hiện các chức năng, nghĩa vụ được giao phó.

Qua quá trình giám sát, Ủy ban Kiểm toán không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của các thành viên HĐQT, thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty Cổ phần May Sông Hồng.

Việc tổ chức các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị được triển khai phù hợp và tuân thủ chặt chẽ các quy định liên quan tại Điều lệ Công ty và các Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhìn chung được ban hành phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định phân cấp theo thẩm quyền.

Ủy ban kiểm toán cho rằng các cán bộ quản lý của Công ty cổ phần May Sông Hồng đã thể hiện trách nhiệm cao trong việc điều hành, đã chủ động các phương án thực hiện, vì vậy kết quả hoạt động kinh doanh, lợi nhuận là khá tốt trong khối các công ty dệt may.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc cùng các cán bộ quản lý khác phối hợp chặt chẽ với Ủy ban kiểm toán để Ủy ban hoàn thành nhiệm vụ được giao. Trong năm 2022, Ủy ban Kiểm toán đã thực hiện các công việc sau:

- Ủy ban Kiểm toán đã phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng giám đốc và tích cực tham gia giám sát việc Ban Tổng giám đốc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, tham gia đóng góp ý kiến và đưa ra khuyến nghị khi xét thấy cần thiết.
- Ủy ban Kiểm toán chủ động thực hiện kế hoạch kiểm tra giám sát đã được phê duyệt, thông báo tới Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các bộ phận được kiểm soát các nội dung liên quan đến kế hoạch giám sát để Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc nắm được thông tin và phối hợp thực hiện.
- Ủy ban Kiểm toán tiếp xúc và làm việc với các bên liên quan như Kiểm soát nội bộ và Kiểm toán độc lập theo định kỳ hàng quý để giám sát các kế hoạch thực hiện, định hướng hoạt động kiểm soát trong kỳ, rà soát, soát xét và trao đổi các hướng xử lý những vấn đề phát sinh.
- Ủy ban Kiểm toán thảo luận và phê duyệt kế hoạch kiểm toán năm 2022.

GIAO DỊCH VÀ THÙ LAO CỦA HĐQT, BTGD

Thù lao của HĐQT và BGD

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc nhận được tổng mức thù lao là: 4.944,9 triệu đồng, giảm 18,1% so với năm 2021. Trong đó:

Họ và Tên	Chức vụ	Năm 2022
Bùi Đức Thịnh	Chủ tịch HĐQT	1.153,0
Bùi Việt Quang	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	1.343,1
Lê Hồng Yến	Thành viên HĐQT	1.128,8
Nguyễn Mạnh Tường	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	1.151,5
Trần Chí Dũng	Phó Tổng Giám đốc	168,5

Đơn vị: Triệu đồng

Các khoản thù lao của thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc đều được thực hiện đúng trong phạm vi trích lập tối đa 5% lợi nhuận sau thuế mà kỳ Đại hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2022 đã thông qua và đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận.

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan đến người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ/ Mối quan hệ với người nội bộ	Số lượng cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do thay đổi
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Bùi Thu Hà	TV HĐQT	1.094.160	2,19%	5.794.740	7,72%	- Mua thành công 2.769.000 CP - Nhận cổ tức bằng CP năm 2021: 1.931.580 CP
2	Công ty CP chứng khoán FPT	Công ty có liên quan của TV HĐQT	6.483.010	12,96%	9.592.070	12,79%	- Bán thành công 88.700 CP - Nhận cổ tức bằng CP năm 2021: 3.197.215 CP
3	Nguyễn Mạnh Tường	TV. HĐQT, Phó TGĐ	900.000	1,8%	1.537.000	2,05%	- Mua Thành công 187.000 CP - Nhận cổ tức bằng CP năm 2021: 450.000 CP

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ của Công ty

Không có

TĂNG CƯỜNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty đã thực hiện đầy đủ và tuân thủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty niêm yết, gồm có:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020, sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
- Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán.

Công ty luôn duy trì công tác cập nhật các quy định do Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ban hành và nghiêm túc triển khai áp dụng vào công tác quản trị nội bộ Công ty.

Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC, quy chế công bố thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và các văn bản pháp luật liên quan khác.

Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán đã được Công ty cập nhật, điều chỉnh theo quy định pháp luật hiện hành và tiệm cận với các thông lệ tốt về quản trị, đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.

Hệ thống quản trị của Công ty được kiểm soát chặt chẽ, các hoạt động quản trị của Hội đồng quản trị, điều hành của Ban Tổng giám đốc luôn minh bạch và được giám sát một cách cẩn trọng. Ngoài ra với kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực may mặc, đội ngũ quản trị của Công ty luôn nỗ lực hạn chế tối đa các rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hoạt động quan hệ nhà đầu tư trong năm 2022

Trong năm 2022, Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 theo hình thức trực tuyến, tạo điều kiện tốt nhất cho cổ đông Công ty thực hiện quyền dự họp. Việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật và Điều lệ công ty.

Bên cạnh đó, việc cung cấp thông tin hoạt động của Công ty cho cổ đông, nhà đầu tư được thực hiện định kỳ và bất thường thông qua website Công ty nhằm tạo điều kiện để cổ đông có điều kiện giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị.

Nâng cao hiệu quả quản trị công ty

Nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả quản trị, trong năm 2022, Công ty tiếp tục tăng cường đầu tư phát triển hệ thống quản trị hiện đại, khoa học và minh bạch từ sản xuất đến tài chính – kế toán, kết hợp với việc phân công nhiệm vụ cụ thể cho các phòng ban, bộ phận.

- **Quản trị sản xuất:** Công ty đang triển khai hệ thống quản trị chất lượng ISO 9001:2008, công cụ hỗ trợ quản lý theo mô hình 5S Kaizen, áp dụng mô hình sản xuất tinh gọn (LEAN) và từng bước triển khai hệ thống giải pháp quản trị nguồn lực của doanh nghiệp ERP nhằm tối thiểu hóa các chi phí, giảm thiểu thời gian sản xuất, nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm.
- **Quản trị tài chính - kế toán:** Phòng kế toán sử dụng phần mềm Bravo..
- **Quản trị nhân sự:** Công ty sử dụng phần mềm độc quyền, phát triển riêng cho MSH, để quản lý data-base nhân viên và tính lương.
- **Quản trị quan hệ khách hàng:** Phòng kinh doanh giữ vai trò chăm sóc khách hàng, kết nối chặt chẽ, đảm bảo tối đa việc phản hồi nhanh và chính xác tới khách hàng.
- **Quản trị quan hệ chất lượng:** Bộ phận quản lý chất lượng giám sát các hoạt động và công đoạn trong công ty theo các quy chuẩn quốc tế áp dụng đối với ngành may, để đảm bảo sản phẩm hoàn thành với chất lượng cao, giao hàng đúng..

QUẢN TRỊ RỦI RO

Cơ cấu quản trị rủi ro
[104]

Đánh giá hoạt động quản trị
rủi ro 2022
[107]

Quy trình quản trị rủi ro
[105-106]



CƠ CẤU QUẢN TRỊ RỦI RO

- 01 **Hội đồng quản trị:** Là cơ quan chịu trách nhiệm cao nhất, quyết định mô hình và chiến lược quản trị rủi ro của Công ty, đồng thời đóng vai trò là cơ quan quản lý tổng thể có chức năng giám sát cao nhất đối với hoạt động quản trị rủi ro.
- 02 **Ban Tổng giám đốc:** Là cơ quan chịu trách nhiệm xây dựng, ban hành và giám sát triển khai các chính sách quản lý rủi ro dựa trên định hướng của Hội đồng quản trị. Ban TGD trực tiếp quản lý hồ sơ rủi ro và đưa ra các quyết định quan trọng trong ứng phó, phòng ngừa rủi ro và giao cho các bộ phận chức năng, cá nhân liên quan thực hiện.
- 03 **Ủy ban Kiểm toán:** Là cơ quan có vai trò giám sát việc xây dựng và thực thi các mô hình và chính sách quản trị rủi ro của Công ty. Ủy ban kiểm toán tham gia giám sát hồ sơ rủi ro, rà soát hệ thống và quy trình quản lý rủi ro của Công ty từ đó đưa ra các kiến nghị thay đổi, cải tiến cho Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị.
- 04 **Các bộ phận chức năng và đơn vị sản xuất:** Tuân thủ và thực hiện các chính sách, quyết định của Ban Tổng giám đốc về quản lý rủi ro; chịu trách nhiệm xác định, đánh giá, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong phạm vi hoạt động của mình và báo cáo lên Ban TGD đối với những phạm vi ngoài thẩm quyền, chức năng.
- 05 **Cán bộ công nhân viên:** Chịu trách nhiệm quản lý rủi ro trong phạm vi nghiệp vụ, trách nhiệm của mình.

QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO

- 01 **Bước 1: Xác định giới hạn xử lý rủi ro**

Thiết lập bối cảnh và môi trường kinh doanh (bối cảnh bên ngoài, bối cảnh nội bộ, nhu cầu và mong đợi của các bên liên quan) mà có thể ảnh hưởng đến khả năng thực hiện mục tiêu, chiến lược của Công ty, từ đó xác định:

 - Giới hạn xử lý rủi ro.
 - Mức độ quản lý rủi ro.
 - Các bước chính trong quy trình quản lý rủi ro và hoạt động trong từng bước.
- 02 **Bước 2: Nhận diện rủi ro**

Trên cơ sở phân tích bối cảnh và môi trường kinh doanh ở bước 1, thực hiện xác định các sự kiện có khả năng gây ảnh hưởng lên việc thực hiện các mục tiêu chiến lược, hoạt động sản xuất kinh doanh, triển khai dự án, v.v. của Công ty. Sau khi tổng hợp được danh sách các sự kiện, rủi ro tiềm năng cần phân cấp rủi ro (gồm rủi ro cấp doanh nghiệp, rủi ro cấp đơn vị) và phân nhóm chúng để quản lý.
- 03 **Bước 3: Đánh giá rủi ro**

Đánh giá khả năng xảy ra và mức độ ảnh hưởng của các rủi ro đã được xác định ở bước 2, qua đó xác định ưu tiên quản lý và mức độ chấp nhận rủi ro của Công ty cho từng loại rủi ro. Trong đó, khả năng xảy ra rủi ro sẽ được đánh giá trên 5 cấp độ là (1) Hiếm khi xảy ra, (2) Ít khả năng xảy ra, (3) Có khả năng xảy ra, (4) Nhiều khả năng xảy ra, (5) Chắc chắn xảy ra; mức độ ảnh hưởng của rủi ro được đánh giá trên 5 cấp độ là (1) Không đáng kể, (2) Nhẹ, (3) Vừa phải, (4) Nghiêm trọng, (5) Rất nghiêm trọng.
- 04 **Bước 4: Ứng phó với rủi ro**

Lựa chọn phương án ứng phó rủi ro và xây dựng các bước hành động cụ thể với từng phương án nhằm giảm thiểu rủi ro xuống mức có thể chấp nhận được. Phương án ứng phó rủi ro phải được lựa chọn với điều kiện đã cân nhắc đến mức độ nghiêm trọng của từng rủi ro và chi phí của từng phương án. Các phương án ứng phó rủi ro bao gồm:

 - Né tránh rủi ro: Lựa chọn không thực hiện các hành động có thể gây ra rủi ro hoặc chọn một hành động khác thay thế hoặc chọn một phương pháp/ quá trình ít rủi ro hơn.
 - Chấp nhận rủi ro: Lựa chọn chấp nhận rủi ro khi các hành động loại bỏ/ giảm thiểu rủi ro không khả thi hoặc khi các biện pháp kiểm soát rủi ro cần được áp dụng đòi hỏi chi phí nhiều hơn lợi ích và khi rủi ro nằm trong khả năng chấp nhận của Công ty. Phù hợp áp dụng cho những rủi ro nhỏ nhưng mang lại lợi ích lớn.

- Giảm thiểu rủi ro: Lựa chọn các hành động làm giảm tác động bất lợi từ các sự kiện có thể gây ra rủi ro xuống mức có thể chấp nhận được. Hành động được lựa chọn thực thi có thể nhằm làm giảm thiểu khả năng xảy ra rủi ro, giảm thiểu hậu quả của rủi ro hoặc làm tăng khả năng phát hiện nguyên nhân và hậu quả của rủi ro. Những hành động này được lựa chọn khi xét thấy sự kiện gây ra rủi ro là không thể tránh được hoặc việc chấm dứt rủi ro sẽ tiêu tốn nhiều thời gian và chi phí hơn mức chấp nhận được;
- Chia sẻ rủi ro: Chuyển giao rủi ro cho một bên thứ 3 (ví dụ: mua bảo hiểm, sử dụng các công cụ bảo đảm trong ký kết hợp đồng, v.v.)
- Loại bỏ rủi ro: Chấm dứt nguồn phát sinh rủi ro.

Trong một số trường hợp, có thể kết hợp linh hoạt nhiều phương án ứng phó rủi ro để đạt kết quả cao nhất mà vẫn đảm bảo chi phí ứng phó ở mức cho phép.

05 Bước 5: Kiểm soát rủi ro

Triển khai các quy trình, biện pháp nhằm kiểm soát và ứng phó với rủi ro:

- Kiểm soát phòng ngừa: Triển khai các biện pháp xử lý nhằm ngăn chặn các lỗi, sự cố hay hành động không mong muốn xảy ra;
- Kiểm soát phát hiện: Thông qua giám sát hoạt động, giám sát quy trình để xác định các biện pháp kiểm soát phòng ngừa còn thiếu sót và lỗ hổng, sự cố hay hành động không mong muốn, qua đó thực hiện các phương án ứng phó phù hợp;
- Kiểm soát khắc phục: Triển khai các biện pháp xử lý nhằm khôi phục về trạng thái ban đầu hoặc giảm thiệt hại của các lỗi, sự cố hay hành động không mong muốn đã xảy ra.

06 Bước 6: Giám sát và báo cáo

- Thường xuyên giám sát và báo cáo kết quả hoạt động quản lý rủi ro đến các cấp/ bộ phận liên quan nhằm nhanh chóng xác định những vấn đề có thể ảnh hưởng đến hệ thống quản lý rủi ro của doanh nghiệp.
- Thường xuyên phân tích lại bối cảnh và môi trường xung quanh kết hợp với kiểm tra và đánh giá lại tính hiệu quả của những biện pháp quản lý rủi ro, qua đó xác định những thay đổi quan trọng và đưa ra những điều chỉnh cần thiết và kịp thời.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO 2022

Trong năm 2022, hệ thống quản trị rủi ro của Công ty tiếp tục hoạt động hiệu quả. Một số nội dung chủ yếu liên quan đến công tác quản trị rủi ro trong năm như sau:

- Danh mục rủi ro được thiết lập toàn diện và được kiểm soát chặt chẽ dựa trên các trọng tâm chính là (1) Chiến lược kinh doanh, (2) Vận hành sản xuất, (3) Hoạt động tài chính, (4) Hoạt động tuân thủ. Trong năm, không có biến động nào trong danh mục rủi ro chính của Công ty.
- Hoạt động nhận diện và đánh giá rủi ro được thực hiện thường xuyên, được theo dõi và giám sát liên tục nhằm kịp thời ứng phó với các rủi ro mới phát sinh.
- Các rủi ro khác về hoạt động tài chính được Công ty chú trọng và giao cho phòng Tài chính – Kế toán thường xuyên theo dõi, nhận diện, đánh giá và triển khai các biện pháp ứng phó, kiểm soát rủi ro, báo cáo lên Ban Tổng giám đốc.
- Công ty đặc biệt chú trọng nhận diện, đánh giá các rủi ro liên quan tới môi trường và trách nhiệm xã hội nhằm có các biện pháp giảm thiểu rủi ro, đảm bảo đáp ứng được các quy định pháp luật, chủ trương của địa phương và tiêu chuẩn của đối tác.
- Các biện pháp quản lý và phòng ngừa rủi ro được áp dụng kịp thời, phù hợp và nhất quán với định hướng quản trị và chiến lược phát triển của Công ty.
- Việc tuân thủ các quy định, quy trình về quản trị rủi ro được thực hiện tốt và được các bộ phận chức năng, CBCNV của Công ty tích cực hưởng ứng.
- Công ty tổ chức đánh giá và báo cáo rủi ro định kỳ đối với các bộ phận chức năng của Công ty.

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Giới thiệu báo cáo

[110]

Đánh giá của Ban Tổng giám đốc

[112-114]

Mục tiêu phát triển bền vững

[111]

Các chỉ tiêu phát triển bền vững

[115-121]



GIỚI THIỆU BÁO CÁO

Báo cáo phát triển bền vững 2022 của Công ty cổ phần May Sông Hồng được tích hợp chung trong Báo cáo thường niên 2022 nhằm cung cấp thông tin chất lượng với nội dung súc tích, ngắn gọn, tránh trùng lặp cho cổ đông và các bên có liên quan.

Mục tiêu báo cáo

Báo cáo phát triển bền vững của Công ty được xây dựng nhằm giúp nhà đầu tư, cổ đông và các bên liên quan tiếp cận thông tin về chiến lược phát triển, hoạt động kinh doanh của MSH ở khía cạnh phát triển bền vững. Báo cáo sẽ cung cấp các thông tin về định hướng, chủ trương phát triển của Công ty, các thông số, chính sách liên quan đến môi trường, xã hội, cộng đồng, người lao động và các bên liên quan khác.

Phạm vi báo cáo

Báo cáo này được lập trong phạm vi hoạt động của Công ty và đơn vị thành viên trong lĩnh vực may mặc trên lãnh thổ Việt Nam. Thông tin dữ liệu trong báo cáo được cập nhật cho năm tài chính 2022, bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022.

Căn cứ lập báo cáo

Báo cáo được lập dựa trên hướng dẫn làm Báo cáo thường niên tại Thông tư 96/2020/TT-BTC, tham khảo hướng dẫn lập báo cáo phát triển bền vững – của Ủy ban chứng khoán nhà nước và IFC và bộ tiêu chuẩn báo cáo phát triển bền vững GRI của Tổ chức sáng kiến Báo cáo toàn cầu (Global Reporting Initiative - GRI) phiên bản G4 theo lựa chọn “Cốt lõi” và dựa trên tầm nhìn, định hướng phát triển và chiến lược kinh doanh của Công ty.

Địa chỉ liên hệ

Mọi ý kiến đóng góp liên quan đến vấn đề phát triển bền vững, xin Quý vị vui lòng gửi về địa chỉ:

- Công ty Cổ phần May Sông Hồng
- Địa chỉ: Số 105 đường Nguyễn Đức Thuận, Phường Thống Nhất, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam
- Điện thoại: +84 2283 649365
- Fax: +84 2283 646737

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần May Sông Hồng thấu hiểu một cách sâu sắc rằng một doanh nghiệp phát triển bền vững phải là tổng thể hài hòa của cả 3 yếu tố con người, môi trường và lợi nhuận. Nếu thiếu đi dù chỉ là một trong ba yếu tố này thì doanh nghiệp không thể phát triển ổn định và dài lâu. Trong những năm qua, bên cạnh những mục tiêu về con số và lợi nhuận, Công ty tự đặt ra cho mình cam kết đưa doanh nghiệp phát triển gắn với sự đi lên của xã hội, luôn có những chính sách, hành động thiết thực chung tay vì một cộng đồng bền vững và nhân ái, kết hợp hài hòa giữa việc đảm bảo đời sống, thu nhập của người lao động với quyền lợi chính đáng của người tiêu dùng.

Mục tiêu phát triển bền vững của Công ty hướng đến những nội dung sau:

- Đối với trình độ phát triển: Phát triển trình độ doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn quốc tế.
- Đối với văn hóa doanh nghiệp: Khuyến khích động lực phát triển và văn hóa doanh nghiệp.
- Đối với người lao động: Luôn quan tâm đến môi trường, điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập của nhân viên.
- Đối với khách hàng: Phát triển mở rộng các giá trị mới của sản phẩm nhằm mang lại nhiều lợi ích và lựa chọn cho khách hàng.
- Đối với cộng đồng xã hội: Cam kết không ngừng góp phần vào sự phát triển của cộng đồng và sự nghiệp bảo vệ môi trường.



ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá các hoạt động liên quan đến môi trường

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường, Ban lãnh đạo Công ty luôn đề cao ý thức trách nhiệm và yêu cầu cán bộ nhân viên, người lao động tuân thủ nghiêm ngặt các quy định liên quan tới môi trường và thực hiện giảm thiểu tối đa các tác động xấu tới hệ sinh thái xung quanh, giảm thiểu ô nhiễm trong hoạt động sản xuất. Hoạt động quản trị, vận hành, sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ đầy đủ các yêu cầu pháp luật về môi trường và không bị các khoản phạt hay bồi thường nào về các vấn đề liên quan đến môi trường. Trong năm, Công ty đã tổ chức các chương trình đánh giá nhằm đảm bảo các Nhà máy duy trì được yêu cầu của các Chứng chỉ GMP (tiêu chuẩn thực hành sản xuất tốt), FCAA (chứng chỉ đánh giá năng lực của nhà máy) và SCAN (đánh giá sự tuân thủ nhà cung cấp).

Công ty giao cho phòng Hành chính chịu trách nhiệm tổ chức đào tạo nâng cao nhận thức và phổ biến các quy định về bảo vệ môi trường, phụ trách công tác đánh giá nhà máy đối với toàn bộ nhà máy thuộc Công ty và chịu trách nhiệm đảm bảo các công tác vệ sinh lao động, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm. Công ty giao cho các phòng ban chịu trách nhiệm triển khai các chính sách về vấn đề môi trường trong Công ty, chủ động phòng ngừa, đưa ra các sáng kiến giảm ô nhiễm môi trường lao động, nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi có lợi trong công tác bảo vệ môi trường.

Các dự án đầu tư Công ty đang và dự kiến triển khai trong tương lai đều được Ban lãnh đạo Công ty định hướng xây dựng theo các tiêu chuẩn xanh, ứng dụng các công nghệ tiên tiến và hệ thống xử lý rác thải hiện đại đảm bảo các tiêu chuẩn khắt khe về môi trường.



Đánh giá liên quan đến các vấn đề người lao động

Hiểu rằng người lao động là tài sản quý nhất, Ban lãnh đạo Công ty luôn xem việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đảm bảo điều kiện làm việc an toàn, cải thiện thu nhập cho nhân viên vừa là trách nhiệm vừa là mục tiêu phát triển của Công ty. Trong năm 2022, các chính sách dành cho người lao động luôn được Công ty thực hiện đầy đủ và không có khiếu nại, khiếu kiện nào liên quan đến vấn đề này. Cụ thể:

- Công tác tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi được đảm bảo. Công ty triển khai các chính sách tăng lương, thưởng vượt năng suất, thăng cấp...qua đánh giá thành tích nhằm tạo động lực cho nhân viên đồng thời quan tâm và thực hiện đồng thời các chế độ phúc lợi cho người lao động.
- Công ty hỗ trợ tài chính để giúp người lao động trang trải các khoản chi phí cuộc sống như tiền nhà trọ, tiền cầu/đò/phà, hỗ trợ tiền con nhỏ, cơm ca, hỗ trợ tiền xăng xe – đưa đón, hỗ trợ hòa nhập.
- Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động theo quy định của Nhà nước và Luật lao động (về thời giờ làm việc, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, thanh toán đầy đủ các chế độ trợ cấp Bảo hiểm Xã hội và Bảo hiểm Y tế cho cán bộ nhân viên như ốm đau, thai sản...) và chế độ riêng của Công ty (hiếu hỉ, kết hôn, thăm hỏi ốm đau, sinh nhật CBCNV, khám sức khỏe đối với công nhân mới, khuyến học cho con người lao động và các chế độ khác).
- Hoạt động đào tạo cho cán bộ quản lý, nhân viên, người lao động luôn được Công ty chú trọng. Năm 2022, Công ty

tiếp tục tập trung tuyển chọn công nhân đủ điều kiện để đào tạo cán bộ quản lý và cán bộ công nghệ kỹ thuật nhằm tạo nguồn nhân sự kế cận trong tương lai, đáp ứng nhu cầu nhân lực quản lý cho các dự án đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, mở rộng các nhà máy mới, cũng như nguồn nhân sự dự phòng sẵn sàng thay thế các vị trí khi cần thiết.

- Công ty đã thành lập Hội đồng an toàn vệ sinh lao động cơ sở và Mạng lưới An toàn – Vệ sinh viên đảm bảo kế hoạch cấp phát bảo hộ lao động cũng như thực hiện đào tạo an toàn vệ sinh lao động hàng năm theo quy định của pháp luật.
- Công ty cam kết thực hiện đầy đủ và tuân thủ theo tiêu chuẩn chứng chỉ trách nhiệm xã hội WRAP, chứng chỉ BetterWork, SA8000, tiêu chuẩn của khách hàng và quy định pháp luật của Việt Nam.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trong năm vừa qua, cùng với việc đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, các công tác an sinh xã hội luôn được tập thể lãnh đạo, cán bộ nhân viên May Sông Hồng chú trọng, quan tâm. Trong năm 2022, Công ty tiếp tục duy trì tốt và đã có những đóng góp quan trọng trong công cuộc xây dựng nông thôn mới, xóa đói, giảm nghèo, hỗ trợ giúp đỡ những địa phương gặp khó khăn do thiên tai, ... Công ty tiếp tục triển khai các chương trình đền ơn đáp nghĩa, hỗ trợ người có công, chăm sóc thăm hỏi tặng quà người có công với cách mạng, các hoạt động bảo trợ giúp đỡ trẻ em nghèo, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn...góp phần đảm bảo nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân các địa phương nơi đặt nhà máy của Doanh nghiệp.



Đầu năm 2022, Nhà máy May Sông Hồng 10 đi vào hoạt động cũng tạo thêm việc làm và thu nhập cho hơn 2000 người lao động, qua đó, đóng góp tăng trưởng kinh tế cho huyện Nghĩa Hưng nói riêng và tỉnh Nam Định nói chung.

CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Nguồn nguyên vật liệu

Nguồn nguyên liệu sử dụng cho sản xuất được căn cứ trên định mức đề ra và được lấy từ các nguồn sau:

- Đối với nhóm sản phẩm Gia công: Khách hàng chịu trách nhiệm cung cấp cho doanh nghiệp gia công toàn bộ đầu vào để sản xuất sản phẩm.
- Đối với nhóm sản phẩm FOB và Chăn – ga – gối – đệm: Doanh nghiệp chủ động tìm kiếm nguồn cung ứng đầu vào, ưu tiên phát triển mạng lưới hợp tác với các nhà cung ứng nguyên vật liệu trong nước.

Nhằm giảm thiểu tối đa các tác động bất lợi tới môi trường, Công ty luôn chú trọng xây dựng và giám sát quy trình sản xuất với các tiêu chuẩn chặt chẽ từ khâu trao đổi, đàm phán với khách hàng; tính toán định mức vật tư cho sản phẩm; nghiên cứu, văn bản hóa quy trình thiết kế kỹ thuật công nghệ cho từng loại sản phẩm, nhu cầu của khách hàng để đưa tỷ lệ lỗi hỏng trong sản xuất xuống tối thiểu, tránh gây lãng phí. Để từng bước chủ động nguồn cung cấp nguyên phụ liệu, Công ty đã đầu tư và vận hành nhà máy bông với dây chuyền hiện đại, sử dụng toàn bộ nguyên liệu nguyên sinh, không tạp chất, không hóa chất, an toàn tuyệt đối cho người sử dụng và thân thiện với môi trường. Bên cạnh đó, Công ty cũng dành ngân sách để nghiên cứu các dự án đầu tư cho chuỗi phụ trợ.

Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: chủ yếu là tiêu thụ điện năng do Công ty điện lực Nam Định cung cấp.

STT	Tiêu chí	Năm 2022	Năm 2021
1	Nhà cung cấp điện	Công ty điện lực Nam Định	Công ty điện lực Nam Định
2	Lượng điện tiêu thụ năm (triệu kWh)	15,5	12,0

Các biện pháp và chương trình tiết kiệm điện:

- Tuyên truyền nâng cao ý thức của Người lao động về việc tiết kiệm năng lượng.
- Bật, tắt hệ thống điện và hệ thống điều hòa đúng giờ quy định. Để nhiệt độ điều hòa ở mức nhiệt độ trung bình, không chênh lệch quá cao so với nhiệt độ thực tế.
- Thường xuyên theo dõi hoạt động sản xuất tại các nhà máy, chú trọng phân bổ sử dụng máy móc và dây chuyền hợp lý, giảm tổn thất điện năng trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tại nhà máy Sông Hồng 10, Công ty đã đưa vào sử dụng năng lượng tái tạo điện mặt trời, ước tính đáp ứng khoảng 30% tổng lượng điện tiêu thụ trong sản xuất.

Tiêu thụ nước

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ tài chế:

STT	Tiêu chí	Năm 2022	Năm 2021
1	Nhà cung cấp nước	Công ty cổ phần cấp nước Nam Định	Công ty cổ phần cấp nước Nam Định
2	Lượng nước tiêu thụ (m³)	307.000	447.798

Tổng lưu lượng nước thải phát sinh trong năm 2022 là: 192.735 m³.

Đối với vấn đề nước thải, kết quả quan trắc định kỳ đối với nước thải và quy trình xử lý nước thải tại các nhà máy của Công ty cho thấy:

- Thực hiện việc quan trắc, giám sát lưu lượng, chất lượng nước thải, nước nguồn tiếp nhận, chế độ thông tin báo cáo theo quy định trong giấy phép xả nước thải được cấp.
 - Quan trắc định kỳ 04 lần/năm.
 - Định kỳ báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Lượng nước thải sản xuất phát sinh các tháng trong năm 2022 tại tất cả các nhà máy đều không vượt lưu lượng theo đăng ký xả thải. Tại các đợt quan trắc tất cả các thông số đều nằm trong ngưỡng giá trị của quy chuẩn cho phép
- Hệ thống xử lý nước thải hoạt động ổn định, có cán bộ chuyên trách, thường xuyên được bảo dưỡng.
- Trong năm 2022, không có sự cố phát sinh trong quá trình xử lý nước thải gây ảnh hưởng tới môi trường.

Các biện pháp tiết kiệm nước và xử lý nước thải:

- Tuyên truyền ý thức về tích kiệm nước đến toàn thể CBCNV.
- Lắp đặt mới các thiết bị tiết kiệm nước.
- Duy trì hoạt động, cải tạo hoặc lắp đặt mới hệ thống xử lý nước thải tại các khu vực sản xuất, ứng dụng công nghệ kỹ thuật hiện đại nhằm tuân thủ nghiêm túc các tiêu chuẩn xả thải theo quy định pháp luật, địa phương cũng như không gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

Xử lý khí thải

Các công trình xử lý khí thải: Tại các khu vực sản xuất đều lắp đặt hệ thống xử lý khí thải lò hơi

Kết quả quan trắc lưu lượng khí thải phát sinh trung bình toàn Công ty: 3.747 m³/h. Lưu lượng khí thải của hệ thống xử lý khí thải được lấy từ giá trị trung bình của kết quả đo lưu lượng khí thải tại các thời điểm khác nhau trong năm.

Theo kết quả quan trắc khí thải và hệ thống xử lý khí thải năm 2022, các chỉ tiêu, thông số quan trắc đều đạt quy chuẩn qua đó cho thấy hệ thống xử lý khí thải của công ty đang hoạt động hiệu quả cao, đảm bảo khí thải sau xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

Các biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:

- Đầu tư hệ thống cây xanh bao quanh các khu vực sản xuất nhằm giảm thiểu tác hại của khói bụi lên môi trường.
- Trang bị hệ thống thiết bị xử lý khói, bụi cho tất cả các lò hơi sử dụng trong hoạt động sản xuất.

Về quản lý chất thải rắn

STT	Tiêu chí	Năm 2022	Tổ chức tiếp nhận xử lý
1	Chất thải rắn sinh hoạt (kg)	4.618.000	CTCP Môi Trường Nam Định
2	Chất thải rắn công nghiệp thông thường (kg)	245.117.548	CTCP Xây Dựng Phúc Quý
3	Chất thải nguy hại (kg)	88.771	Công ty CP ĐT& Kỹ thuật tài nguyên môi trường ETC

Thông kê các chất thải nguy hại được xuất khẩu (nếu có): Không có

Thông kê chất thải nguy hại được tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ chất thải nguy hại trong khuôn viên cơ sở (nếu có): Không có

Các biện pháp giảm thiểu tác động của rác thải ra môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các quy định của nhà nước về bảo vệ môi trường, nỗ lực duy trì và cải tiến hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015 góp phần quản lý môi trường ngày càng tốt hơn.
- Chất thải nguy hại và chất thải thông thường được phân định, phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.
- Đối với chất thải nguy hại, Công ty thực hiện thu gom và lưu giữ trong kho lưu giữ tạm thời của Công ty và định kỳ chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý
- Triển khai đào tạo, tuyên truyền để nâng cao ý thức về phân loại chất thải tại nguồn; bảo vệ môi trường cho toàn bộ cán bộ công nhân viên, khách và nhà thầu làm việc tại công ty.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

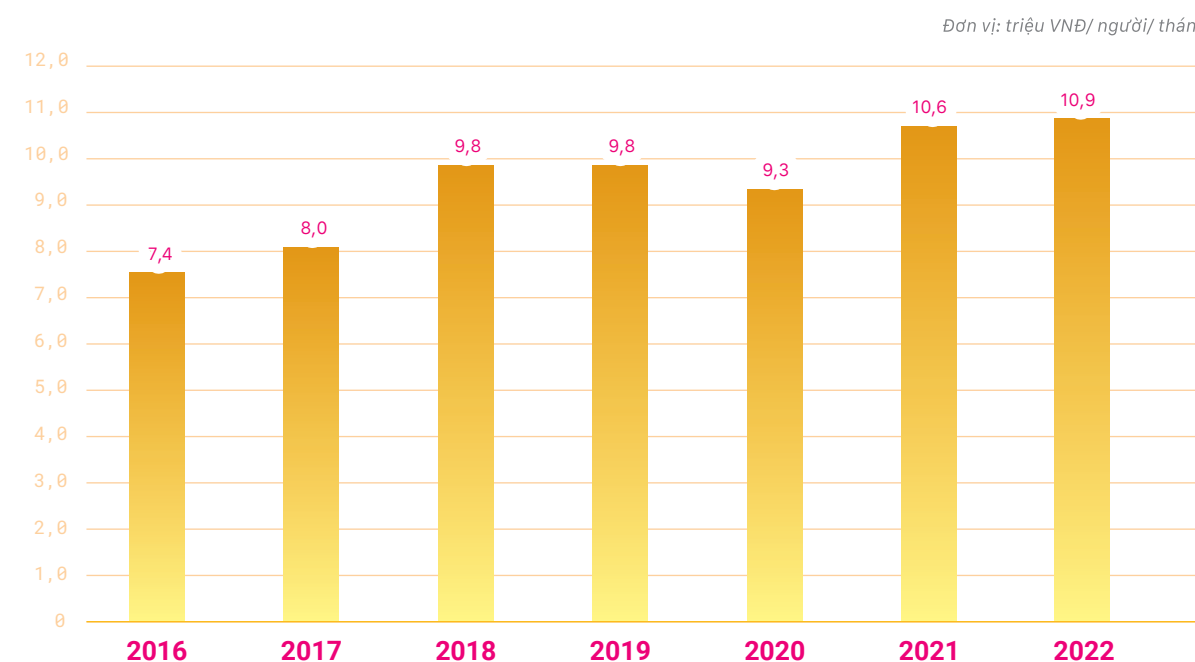
Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường là một trong những mục tiêu phát triển bền vững của Công ty về "Cam kết không ngừng góp phần vào sự phát triển của cộng đồng và sự nghiệp bảo vệ môi trường". Vấn đề môi trường và việc tuân thủ luật môi trường luôn được Công ty chú trọng và thực hiện rất tốt. Cụ thể:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.
- Tổng số tiền bị xử phạt do vi phạm không tuân thủ pháp luật: Không có

Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng nhân sự và thu nhập trung bình

- Số lượng nhân sự:** Tính đến thời điểm 31/12/2022, toàn công ty có tổng cộng 12.033 lao động.
- Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm:



Chính sách nhân sự

Quy chế lương, thưởng, phúc lợi của Công ty

Công ty áp dụng chính sách tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi với mục tiêu khuyến khích người lao động nhất là lao động có chuyên môn và nghiệp vụ làm việc lâu dài tại Công ty và thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động theo quy định của Luật lao động.

Tiền lương: Tiền lương là khoản tiền trả cho người lao động để thực hiện công việc theo thỏa thuận, bao gồm: mức lương theo công việc hoặc chức danh, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác.

- Mức lương của người lao động tại MSH thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật lao động.
- Tiền lương được trả cho người lao động căn cứ vào năng suất lao động và chất lượng công việc đã được quy định trong Quy chế của doanh nghiệp.
- Tiền lương các ngày nghỉ Lễ, Phép...được thực hiện theo quy định của Bộ Luật lao động.

MSH bảo đảm trả lương bình đẳng, không phân biệt giới tính đối với người lao động làm công việc có giá trị như nhau.

Tiền thưởng: Căn cứ tình hình kinh doanh và để ghi nhận sự đóng góp của mỗi CBCNV trong năm, CBCNV đáp ứng điều kiện theo quy định (đã ký Hợp đồng lao động chính thức, đã làm việc tại Công ty tính đến ngày 31/12 của năm) sẽ được thưởng lương tháng 13, 14 (theo bình quân lương thực lĩnh) và tiền thưởng. Công ty áp dụng quy chế thưởng vượt năng suất, số tiền thưởng này được tính vào lương hàng tháng của người lao động.

Phụ cấp và phúc lợi khác: Công ty luôn quan tâm chăm lo đời sống của người lao động thông qua những khoản hỗ trợ/phụ cấp như hỗ trợ tiền nhà trọ, hỗ trợ tiền cầu phà cho người lao động từ tỉnh khác đến, hỗ trợ con nhỏ, miễn phí cơm ca cho người lao động, hỗ trợ xăng xe cho CBCNV ở cách nơi làm việc từ 10km trở lên, trang bị các chuyến xe ca đưa đón CBCNV, tặng quà là các sản phẩm của công ty dành cho CBCNV khi kết hôn, sinh con và rất nhiều các chính sách đãi ngộ khác. Ngoài ra, Công ty và các phòng ban, phân xưởng sản xuất thường xuyên tổ chức cho người lao động tham gia nhiều hoạt động văn hóa thể thao, tham quan, du lịch, học tập để gia tăng sự đoàn kết gắn bó trong tập thể, đồng thời nâng cao đời sống tinh thần và trau dồi kinh nghiệm cho người lao động. Công Đoàn các cấp luôn quan tâm, hỗ trợ kịp thời những hoàn cảnh khó khăn, đồng viên, thăm hỏi NLĐ khi ốm đau, bệnh tật.

Chế độ làm việc

- Thời gian làm việc: Từ thứ 2 tới thứ 6 hàng tuần, công nhân làm 09 tiếng/ngày (từ 7h15 đến 17h15, nghỉ trưa 1 tiếng), riêng Thứ Bảy, công nhân được nghỉ sớm hơn 15 phút. CBCNV các Phòng/Ban làm 8 tiếng 15 phút/ngày (từ 7h30 đến 17h00, nghỉ trưa 1 tiếng 15 phút).
- Thời gian làm thêm giờ: thực hiện theo quy định của Bộ luật lao động hiện hành.
- Thời gian nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết, nghỉ hiếu hỉ, nghỉ phép, nghỉ ốm, không lương: Công ty thực hiện theo đúng quy định của Luật lao động.
- Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế: Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật lao động.

Chính sách an toàn và bảo hộ lao động

Công ty đã thành lập Hội đồng an toàn vệ sinh lao động cơ sở và Mạng lưới An toàn - Vệ sinh viên. Hàng năm, xây dựng kế hoạch và thực hiện cấp phát bảo hộ lao động định kỳ hàng năm cho người lao động; xây dựng Kế hoạch và thực hiện đào tạo an toàn vệ sinh lao động hàng năm theo đúng quy định của pháp luật; Tham gia đầy đủ các chương trình an toàn của địa phương; Định kỳ và đột xuất kiểm tra kiểm soát việc sử dụng bảo hộ lao động tại nhà máy, v.v.

Chính sách tuyển dụng nhân viên

- Công ty có chính sách ưu tiên tuyển dụng nhân sự là người các địa phương lân cận nhà máy sản xuất để đảm bảo tính ổn định của nguồn lao động.
- Đối với nhân sự các Phòng/Ban cần bằng cấp, trình độ và kinh nghiệm, công ty luôn “trà tâm đồ” thu hút các ứng viên tốt nghiệp các trường Đại học, Cao đẳng có uy tín, các ứng viên có kinh nghiệm và tâm huyết muốn làm việc lâu dài tại công ty.
- Đối với công nhân sản xuất trực tiếp, công ty liên tục tuyển dụng để bổ sung vào đường chuyền với nhiều chính sách hỗ trợ đã nêu trên.

Hoạt động đào tạo người lao động

- Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã tiếp nhận đầy đủ các chương trình đào tạo về quản trị công ty trong năm, đồng thời chủ động tự nghiên cứu, tìm hiểu các vấn đề về quản trị công ty.
- Công ty tổ chức các lớp đào tạo nâng cao tay nghề, chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng điều hành, quản lý cho CBCNV.
- Nhân sự mới được các đơn vị chuyên môn hỗ trợ và hướng dẫn để hòa nhập và bắt nhịp công việc. Những người chưa biết nghề được hướng dẫn học nghề theo quy định, người biết nghề được bố trí theo năng lực, sở trường và thường xuyên được bổ túc, đào tạo thêm để không ngừng nâng cao tay nghề, phát triển kỹ năng.
- Hoạt động đào tạo tiêu biểu trong năm 2022: các nhà máy tập trung đào tạo củng cố chuyên môn và nâng cao kỹ năng cho đội ngũ cán bộ cấp tổ/xưởng.

Hoạt động hướng đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2022, nhiều hoạt động đóng góp, hỗ trợ xây dựng, phát triển cộng đồng, địa phương đã được Công ty tích cực triển khai, có thể kể đến như:

STT Hoạt động trong năm 2022

- | | |
|---|---|
| 1 | Công ty Cổ phần May Sông Hồng kết hợp cùng khách hàng Columbia tặng sách và máy tính cho Trường THCS Xuân Hòa - Xuân Trường - Nam Định |
| 2 | Công ty Cổ phần May Sông Hồng kết hợp cùng Khách hàng Haddad trao tặng quần áo từ thiện cho các cơ sở: Cô nhi viện Thánh An (Bùi Chu, Xuân Trường, Nam Định), Trường mầm non, tiểu học và THCS Bắc Sơn (Tân Lạc, Hòa Bình). |

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo kiểm toán độc lập

Công ty Cổ phần May Sông Hồng và Công ty con
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Nội dung

	Trang
Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 32

Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần May Sông Hồng ("Công ty"), Công ty Cổ phần May Sông Hồng – Nghĩa Hưng và Công ty Cổ phần May Sông Hồng – Xuân Trường ("các công ty con") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Kết quả hoạt động

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Kiểm toán

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam) kiểm toán.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong giai đoạn và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Chức vụ
Ông Bùi Đức Thịnh	Chủ tịch
Ông Bùi Việt Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Tường	Thành viên
Bà Lê Hồng Yến	Thành viên
Ông Bernard Szeto W.K	Thành viên
Ông Đinh Trang Thi	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên
Bà Bùi Thu Hà	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc	Chức vụ
Ông Bùi Việt Quang	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Tường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Chí Dũng	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Bùi Đức Thịnh, Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập đúng đắn và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu:

- Áp dụng chính sách kế toán thích hợp với các ước tính và xét đoán thận trọng, hợp lý và được áp dụng thống nhất;
- Tuân thủ với các yêu cầu công bố thông tin theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ;
- Duy trì đầy đủ các ghi chép kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp giả định về việc Công ty và các công ty con tiếp tục hoạt động liên tục trong tương lai gần không còn phù hợp; và
- Kiểm soát và điều hành Công ty và các công ty con hiệu quả thông qua các quyết định trọng yếu có ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động và các đánh giá mà những quyết định và/hoặc hướng dẫn này đã được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và các công ty con, do vậy có những bước thích hợp để phòng ngừa và phát hiện gian lận và các điều bất thường.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty và các công ty con tuân thủ theo các yêu cầu trên trong việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, cùng với các thuyết minh đính kèm, đã được lập đúng đắn và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc,


Bùi Đức Thịnh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Nam Định, Việt Nam
Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Báo cáo kiểm toán độc lập

về báo cáo tài chính hợp nhất
của Công ty Cổ phần May Sông Hồng và Công ty con
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Grant Thornton (Vietnam) Limited
18th Floor
Hoa Binh International Office Building
106 Hoang Quoc Viet Street
Cau Giay District, Hanoi
Vietnam
T +84 24 3850 1686
F +84 24 3850 1688

Số 22-11-025-4

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần May Sông Hồng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần May Sông Hồng ("Công ty") và Công ty con, được lập ngày 15 tháng 3 năm 2023, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và cùng với bản tóm tắt các chính sách kế toán quan trọng và các thuyết minh khác, như được trình bày từ trang 5 đến trang 32.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá các rủi ro có sai sót trọng yếu trên báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng, tính hợp lý của các ước tính kế toán thực hiện bởi Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như việc đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần May Sông Hồng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.


CÔNG TY TNHH GRANT THORNTON (VIỆT NAM)
TNHH
GRANT THORNTON
(VIỆT NAM)
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Lê Thế Việt
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán
Số: 0821-2023-068-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 20 tháng 3 năm 2023


Lê Quảng Hòa
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán
Số: 2587-2023-068-1
Kiểm toán viên

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Thuyết minh	Mã số	31 tháng 12 năm 2022 VNĐ	31 tháng 12 năm 2021 VNĐ
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn		100	2.341.793.865.862	2.489.368.113.261
Tiền và các khoản tương đương tiền	5	110	424.037.510.710	378.601.417.122
Tiền		111	404.037.510.710	153.686.326.711
Các khoản tương đương tiền		112	20.000.000.000	224.915.090.411
Đầu tư tài chính ngắn hạn		120	955.600.000.000	468.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	123	955.600.000.000	468.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn		130	340.632.310.548	664.276.271.577
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	131	346.113.350.080	623.227.685.167
Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	132	27.332.805.517	74.528.873.548
Phải thu ngắn hạn khác	9	136	6.351.999.728	5.685.557.639
Dự phòng các phải thu ngắn hạn khó đòi	10	137	(39.165.844.777)	(39.165.844.777)
Hàng tồn kho	11	140	603.115.360.887	938.431.458.018
Hàng tồn kho		141	612.983.453.341	951.753.940.554
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149	(9.868.092.454)	(13.322.482.536)
Tài sản ngắn hạn khác		150	18.408.683.717	40.058.966.544
Chi phí trả trước ngắn hạn	12	151	7.826.875.921	7.574.823.829
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152	9.461.359.405	31.721.407.586
Thuế và các khoản khác phải thu từ Nhà nước		153	1.120.448.391	762.735.129
Tài sản dài hạn		200	952.402.140.865	713.268.557.199
Các khoản phải thu dài hạn		210	21.374.768.500	21.374.768.500
Phải thu dài hạn khác	9	216	21.374.768.500	21.374.768.500
Tài sản cố định		220	841.750.641.890	499.857.013.548
Tài sản cố định hữu hình	13	221	831.280.799.523	490.565.617.717
- Nguyên giá		222	2.033.112.901.920	1.573.683.264.185
- Giá trị hao mòn lũy kế		223	(1.201.832.102.397)	(1.083.117.646.468)
Tài sản cố định vô hình		227	10.469.842.367	9.291.395.831
- Nguyên giá		228	41.662.419.984	35.172.912.493
- Giá trị hao mòn lũy kế		229	(31.192.577.617)	(25.881.516.662)
Tài sản dở dang dài hạn		240	21.704.890.751	159.091.304.266
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	242	21.704.890.751	159.091.304.266
Tài sản dài hạn khác		260	67.571.839.724	32.945.470.885
Chi phí trả trước dài hạn	12	261	67.571.839.724	32.945.470.885
Tổng tài sản		270	3.294.196.006.727	3.202.636.670.460

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

	Thuyết minh	Mã số	31 tháng 12 năm 2022 VNĐ	31 tháng 12 năm 2021 VNĐ
NGUỒN VỐN				
Nợ phải trả		300	1.575.145.088.900	1.707.235.719.060
Nợ ngắn hạn		310	1.269.232.052.172	1.528.822.236.783
Phải trả người bán ngắn hạn	15	311	239.986.526.439	220.322.012.893
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	312	15.005.510.370	20.116.466.743
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	313	36.548.384.559	33.766.358.492
Phải trả người lao động	18	314	493.243.047.483	460.748.508.446
Chi phí phải trả ngắn hạn	19	315	35.717.023.670	160.710.985.142
Phải trả ngắn hạn khác	20	319	6.432.579.426	11.821.914.741
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	23	320	376.478.196.291	552.060.063.192
Dự phòng phải trả ngắn hạn	22	321	30.047.162.305	20.000.000.000
Quý khen thưởng, phúc lợi	21	322	35.773.621.629	49.275.927.134
Nợ dài hạn		330	305.913.036.728	178.413.482.277
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	23	338	305.913.036.728	178.413.482.277
Vốn chủ sở hữu		400	1.719.050.917.827	1.495.400.951.400
Vốn chủ sở hữu	24	410	1.719.050.917.827	1.495.400.951.400
Vốn góp của chủ sở hữu	25	411	750.141.000.000	500.094.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		411a	750.141.000.000	500.094.000.000
Quỹ đầu tư phát triển		418	183.792.535.504	183.792.535.504
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		420	1.972.416.636	1.972.416.636
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		421	673.327.847.678	736.020.281.557
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		421a	298.602.494.659	518.681.600.561
- LNST chưa phân phối năm nay		421b	374.725.353.019	217.338.680.996
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		422	71.000.000	71.000.000
Lợi ích cổ đông không kiểm soát		429	109.746.118.009	73.450.717.703
Tổng nguồn vốn		440	3.294.196.006.727	3.202.636.670.460



Bùi Đức Thịnh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Lê Văn Quang
Kế toán trưởng

Lê Văn Quang
Người lập biểu

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Thuyết minh	Mã số	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 VNĐ
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	28	01	5.522.914.526.633	4.749.097.549.089
Các khoản giảm trừ doanh thu		02	(1.956.957.808)	(1.474.797.542)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10	5.520.957.568.825	4.747.622.751.547
Giá vốn hàng bán	29, 34	11	(4.692.290.659.915)	(3.817.037.706.283)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		20	828.666.908.910	930.585.045.264
Doanh thu hoạt động tài chính	30	21	152.132.247.968	77.817.780.264
Chi phí tài chính	31	22	(65.115.820.601)	(18.883.283.921)
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	(33.904.594.116)	(10.033.194.841)
Chi phí bán hàng	32, 34	25	(173.362.772.487)	(144.883.675.422)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	33, 34	26	(296.762.928.863)	(298.756.826.696)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		30	445.557.634.927	545.879.039.489
Thu nhập khác		31	2.598.904.097	428.568.729
Chi phí khác		32	(9.103.992.448)	(3.649.250.267)
Lỗ khác		40	(6.505.088.351)	(3.220.681.538)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35	50	439.052.546.576	542.658.357.951
Chi phí thuế TNDN hiện hành	35	51	(101.367.330.149)	(100.292.474.832)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	35	52	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	24	60	337.685.216.427	442.365.883.119
Phân bổ cho:				
Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	24	61	374.889.816.121	442.381.430.996
Lỗ thuần sau thuế của cổ đông không kiểm soát	24	62	(37.204.599.694)	(15.547.877)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	70	4.998	5.897

Nam Định, Việt Nam
Ngày 15 tháng 3 năm 2023



Bùi Đức Thịnh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Lê Văn Quang
Kế toán trưởng

Lê Văn Quang
Người lập biểu

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (phương pháp gián tiếp)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Thuyết minh	Mã số	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 VNĐ
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế		01	439.052.546.576	542.658.357.951
Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định		02	133.657.062.505	133.123.478.907
Các khoản dự phòng		03	6.592.772.223	(170.009.488.294)
Lãi/(Lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		04	11.564.465.965	(11.685.915.984)
Lãi từ hoạt động đầu tư		05	(73.429.216.840)	(53.463.150.827)
Chi phí lãi vay		06	33.904.594.116	10.033.194.841
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		08	551.342.224.545	450.656.476.594
Thay đổi các khoản phải thu		09	340.801.140.024	(157.141.022.913)
Thay đổi hàng tồn kho		10	338.770.487.213	(295.926.013.064)
Thay đổi các khoản phải trả		11	(164.353.856.362)	296.353.079.479
Thay đổi chi phí trả trước		12	(34.878.420.931)	1.140.875.340
Tiền lãi vay đã trả		14	(33.904.594.116)	(10.033.194.841)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		15	(94.000.000.000)	(85.000.000.000)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		17	(13.502.305.505)	(137.136.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		20	890.274.674.868	199.913.064.595
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		21	(259.537.941.084)	(258.965.307.937)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		22	986.663.636	227.272.727
Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		23	(1.437.600.000.000)	(658.706.200.640)
Tiền thu bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		24	950.000.000.000	1.027.929.108.564
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		27	72.442.553.204	53.235.878.100
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		30	(673.708.724.244)	163.720.750.814

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

(phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Thuyết minh	Mã số	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 VNĐ
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ nhận vốn góp		31	73.500.000.000	-
Tiền thu từ đi vay		33	2.729.610.148.626	3.317.113.421.700
Tiền chi trả nợ gốc vay		34	(2.781.959.238.950)	(3.062.457.349.449)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		36	(187.446.330.000)	(374.872.109.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		40	(166.295.420.324)	(120.216.036.949)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm				
Tiền và tương đương tiền đầu năm	5	60	378.601.417.122	136.083.117.843
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		61	(4.834.436.712)	(899.479.181)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	70	424.037.510.710	378.601.417.122

Nam Định, Việt Nam
Ngày 15 tháng 3 năm 2023



Bùi Đức Thịnh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Lê Văn Quang
Kế toán trưởng

Lê Văn Quang
Người lập biểu

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

1. Đặc điểm hoạt động của Công ty và các công ty con

Công ty Cổ phần May Sông Hồng (trước đây là doanh nghiệp Nhà nước Công ty May Sông Hồng) (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0703000386 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp ngày 3 tháng 6 năm 2004. Công ty đã có 19 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0600333307 thay đổi lần thứ 19 ngày 23 tháng 6 năm 2022, vốn điều lệ của Công ty tăng lên thành 750.141.000.000 VNĐ (bằng chữ: Bảy trăm năm mươi tỷ một trăm bốn mươi mốt triệu đồng).

Tổng số cổ phần là: 75.014.100 cổ phần.

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng. Mã chứng khoán: MSH, niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE").

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Sản xuất hàng may sẵn phục vụ dân sinh;
- Sản xuất thảm, chăn đệm;
- Kinh doanh các sản phẩm công nghiệp phục vụ dân sinh;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Kinh doanh các loại vật tư, thiết bị, phụ tùng máy khác phục vụ cho ngành công nghiệp dệt may;
- Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Kinh doanh thuốc lá điều nội, rượu bia các loại và hóa mỹ phẩm;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động của trạm y tế công ty (Khám chữa bệnh cho cán bộ công nhân viên trong công ty); và
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng (Không bao gồm môi giới, đầu giá sàn giao dịch bất động sản).

Trong năm 2022, hoạt động chính của Công ty và các công ty con là sản xuất và gia công hàng may mặc và sản xuất bông, thảm, chăn đệm.

Trụ sở chính của Công ty là tại số 105 đường Nguyễn Đức Thuận, Phường Thống Nhất, Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, Việt Nam và văn phòng chi nhánh tại số 419A đường Ngô Gia Tự, Phường 10, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Trong năm, Công ty đã dừng hoạt động văn phòng chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty con

- Công ty Cổ phần May Sông Hồng - Nghĩa Hưng, công ty con được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0601175406 ngày 1 tháng 2 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp với vốn điều lệ là 150 tỷ VNĐ được sở hữu 51% bởi Công ty. Công ty Cổ phần May Sông Hồng - Nghĩa Hưng có trụ sở chính đặt tại Đội 12, Xã Nghĩa Phong, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định, Việt Nam với hoạt động chính là sản xuất hàng may mặc. Công ty con bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh từ tháng 2 năm 2022.

- Công ty Cổ phần May Sông Hồng - Xuân Trường, công ty con được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0601230777 ngày 22 tháng 1 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp với vốn điều lệ là 150 tỷ VNĐ được sở hữu 51% bởi Công ty. Công ty Cổ phần May Sông Hồng - Xuân Trường có trụ sở chính đặt tại Thôn 17, Xã Xuân Hòa, Huyện Xuân Trường, Tỉnh Nam Định, Việt Nam với hoạt động chính là sản xuất hàng may mặc. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, công ty con đang trong giai đoạn xây dựng nhà máy.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty và các công ty con có 12.033 nhân viên (31 tháng 12 năm 2021: 11.450 nhân viên).

2. Niên độ kế toán và đơn vị tiền tệ

2.1 Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con được lập trên đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam ("VNĐ").

3. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ phù hợp với các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở những quốc gia hoặc thể chế ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con không nhằm dành cho những đối tượng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán Việt Nam.

Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được hợp nhất trên cơ sở báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần May Sông Hồng và báo cáo tài chính của các công ty con như trình bày ở Thuyết minh số 1.

Công ty con

Công ty con là công ty mà Công ty có quyền chi phối và kiểm soát về các chính sách tài chính và hoạt động với mục đích nhằm thu được lợi ích kinh tế cho Công ty từ hoạt động của công ty đó. Quyền kiểm soát được xác định thông qua quyền biểu quyết và tỷ lệ góp vốn.

Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày Công ty đạt được quyền kiểm soát đến ngày mất quyền kiểm soát. Chính sách kế toán của công ty con được điều chỉnh phù hợp với các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty mẹ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là một phần của kết quả hoạt động kinh doanh và giá trị tài sản thuần của một công ty con được xác định theo tỷ lệ tương ứng với lợi ích mà Công ty không nắm giữ. Lợi ích này được xác định dựa trên phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát đối với giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả của công ty con được thành lập. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con sẽ được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Các thay đổi quyền sở hữu trong công ty con mà không dẫn đến việc đạt được hay mất đi quyền kiểm soát ở các công ty con được hạch toán theo phương pháp giao dịch vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này thì khác biệt giữa khoản tiền đầu tư trả thêm hay giảm đi và tỷ lệ sở hữu thay đổi tương ứng trên giá trị ghi sổ tài sản thuần của công

ty con sẽ được ghi nhận là giao dịch giữa lợi ích của các cổ đông của Công ty. Giá trị ghi sổ của các tài sản và nghĩa vụ của công ty con ghi nhận trước đây được giữ nguyên.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý, là ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Số chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý công ty con và giá trị ghi sổ còn lại của tài sản trừ đi nợ phải trả của công ty con này tại ngày thanh lý được ghi nhận trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất như khoản lãi, lỗ thanh lý công ty con. Giá trị còn lại của khoản đầu tư tại ngày thanh lý được tính toán theo phương pháp giá gốc.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Công ty và các công ty con và các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Chính sách kế toán áp dụng

4.1 Tỷ giá hối đoái

Các nghiệp vụ phát sinh bằng tiền tệ khác với đồng tiền báo cáo được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được qui đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được qui đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty và các công ty con mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan của Việt Nam yêu cầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đưa ra các ước tính và giả định mà có ảnh hưởng tới tài sản công nợ trên báo cáo và việc trình bày các khoản tài sản và công nợ tiềm tàng tại ngày báo cáo cũng như doanh thu chi phí phát sinh trong giai đoạn báo cáo. Kết quả thực tế có thể khác so với số liệu ước tính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng cũng như các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao và các khoản tiền ký quỹ kỹ cược tại ngân hàng với kỳ hạn không quá 3 tháng.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập khi có khả năng không thu hồi được các khoản đầu tư này. Tổn thất từ việc không thu hồi được khoản đầu tư, nếu chưa được trích lập dự phòng, được ghi nhận vào chi phí trong kỳ và giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi đã trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào sự đánh giá của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trên các khoản phải thu có dấu hiệu không có khả năng thu hồi. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho, bao gồm sản phẩm dở dang, được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá vốn hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo

phương pháp bình quân gia quyền. Đối với các sản phẩm sản xuất, giá hàng tồn kho bao gồm một phần hợp lý định phí và biến phí trong chi phí sản xuất chung dựa trên công suất hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí sản xuất để hoàn thành sản phẩm, chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm sau khi đã lập dự phòng cho hàng hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v..) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không thể sử dụng được nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi, lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

Nguyên giá

Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì nguyên giá ban đầu được tính bằng cách lấy tổng các chi phí liên quan trực tiếp tới việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng trừ đi giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình. Nguyên giá TSCĐ hình thành qua xây dựng cơ bản bao gồm cả chi phí lắp đặt, chạy thử trừ giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, với tỷ lệ khấu hao hàng năm như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 50
Máy móc thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải	5 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét định kỳ để đảm bảo rằng phương pháp khấu hao và kỳ khấu hao là nhất quán với lợi ích kinh tế ước tính thu được từ tài sản cố định hữu hình.

4.8 Thuê hoạt động

Việc thuê tài sản trong đó phần lớn tất cả các lợi ích và rủi ro của quyền sở hữu tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê được ghi nhận là khoản thuê hoạt động. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ phát sinh chi phí.

4.9 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí phát sinh để mua quyền sử dụng đất chính thức và các chi phí đền bù đất. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất được xác định dựa trên giá trị được Nhà nước phê duyệt tại thời điểm mua. Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên khoảng thời gian dự tính sẽ thu được các lợi ích từ các chi phí liên quan tới quyền sử dụng đất.

Phần mềm máy tính

Giá trị của các phần mềm máy tính không phải là bộ phận đi kèm với phần cứng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ ba (3) đến năm (5) năm.

4.10 Tài sản dở dang dài hạn

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là toàn bộ trị giá tài sản cố định đang mua sắm, chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí nhà cửa, máy móc và thiết bị đang trong quá trình xây dựng hoặc lắp đặt, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định dở dang hoặc đã hoàn thành chưa bàn giao hoặc chưa đưa vào sử dụng. Khấu hao không được trích trong giai đoạn này mà chỉ được trích khi việc xây dựng và lắp đặt đã hoàn thành và tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng dự định mà khi đó các chi phí liên quan mới được chuyển thành tài sản cố định hữu hình.

4.11 Chi phí trả trước

Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê trả trước và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc đảm bảo sử dụng đất đi thuê. Những chi phí này được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn thuê.

Công cụ dụng cụ

Công cụ dụng cụ bao gồm tài sản được Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng cho kỳ kinh doanh thông thường có nguyên giá dưới 30 triệu đồng và không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ, dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ (1) năm đến ba (3) năm.

4.12 Nợ phải trả và chi phí trích trước

Khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận trên cơ sở số tiền phải thanh toán trong tương lai liên quan đến các tài sản và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hay chưa nhận được hóa đơn.

4.13 Chi phí đi vay

Chi phí vay bao gồm lãi suất và các chi phí liên quan khác và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, ngoại trừ chi phí vay để mua sắm tài sản cố định trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt (kể cả khi thời gian xây dựng và lắp đặt dưới 12 tháng) thì được ghi nhận vào nguyên giá của tài sản đó.

4.14 Các khoản dự phòng nợ phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có nghĩa vụ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ sự kiện đã xảy ra và gần như chắc chắn Công ty và các công ty con sẽ phải thanh toán nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định dựa trên những ước tính đáng tin cậy của Ban Tổng Giám đốc về giá trị của nghĩa vụ nợ đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của khoản dự phòng cũng cần được xác định là giá trị hiện tại của khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ đó.

4.15 Lợi ích nhân viên

Công ty không tham gia bất kỳ quỹ phúc lợi nào cho người lao động ngoại trừ các khoản phúc lợi bắt buộc của Chính phủ Việt Nam theo các quy định pháp luật hiện hành về lao động, việc làm và các lĩnh vực liên quan, được quản lý bởi Bảo hiểm Xã hội Việt Nam thông qua các cơ quan Bảo hiểm Xã hội địa phương. Các khoản phúc lợi bắt buộc này bao gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp. Tại cơ quan bảo hiểm xã hội địa phương, Công ty chỉ trả phần nghĩa vụ của mình về các khoản phúc lợi bắt buộc này và thay mặt đối tượng tham gia các khoản phúc lợi bắt buộc thanh toán phần nghĩa vụ thuộc về họ.

Đối tượng tham gia, phương thức tính toán, kê khai và chi trả các nghĩa vụ liên quan đến các khoản phúc lợi bắt buộc được thực hiện cho từng giai đoạn cụ thể căn cứ các quy định hiện hành có liên quan.

4.16 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty và các công ty con và được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.17 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp

Vốn cổ phần thể hiện giá trị danh nghĩa của các cổ phiếu đã phát hành.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập lũy kế của Công ty và các công ty con tại thời điểm báo cáo.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Nguồn vốn phản ánh số hiện có và tình hình tăng, giảm nguồn vốn đầu tư XDCB của Công ty và các công ty con.

4.18 Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

4.19 Doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu tiền, ước tính hợp lý của giá vốn hoặc khả năng hàng hóa bị trả lại.

Dịch vụ gia công

Doanh thu từ dịch vụ gia công được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hoá được gia công và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Thu nhập cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và các công ty con được xác lập.

Lãi tiền gửi

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi các khoản tiền gửi đáo hạn mà khi đó Công ty và các công ty con không thực hiện đáo hạn các khoản tiền gửi trước hạn.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo trong khoản mục các khoản giảm trừ doanh thu.

4.20 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Nghĩa vụ/Tài sản về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành bao gồm các nghĩa vụ, các khoản phải thu thuế đối với cơ quan thuế liên quan đến giai đoạn báo cáo hiện tại và các giai đoạn trước mà vẫn chưa thanh toán tại ngày cuối giai đoạn báo cáo. Nghĩa vụ về thuế thu nhập hiện hành được tính trên cơ sở thuế suất và quy định về thuế áp dụng cho giai đoạn báo cáo dựa trên mức lợi nhuận chịu thuế trong năm. Toàn bộ thay đổi về nghĩa vụ hay tài sản thuế hiện tại được ghi nhận là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp nghĩa vụ thuế trên các khoản chênh lệch tạm thời. Phương pháp này so sánh giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ trên bảng cân đối kế toán với các cơ sở tính thuế thu nhập

của các khoản tài sản và công nợ đó. Ngoài ra, các khoản lỗ có thể mang sang năm kế tiếp cũng như các khoản thuế thu nhập phải trả khác được ghi nhận là tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Nợ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả luôn được ghi nhận đầy đủ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có thể được sử dụng bởi lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được tính, không chiết khấu, bằng thuế suất dự kiến áp dụng cho giai đoạn ghi nhận tương ứng, với điều kiện những tài sản và nợ thuế thu nhập này được thực hiện hoặc được thực hiện chắc chắn tại ngày bảng cân đối kế toán. Hầu hết những thay đổi của tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận như một phần của chi phí thuế trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Chỉ những thay đổi của tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến thay đổi giá trị những tài sản và nợ mà được tính trực tiếp vào nguồn vốn thì mới được ghi thẳng vào nguồn vốn.

4.21 Lãi trên mỗi cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu

Lãi cơ bản được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân phối cho các cổ đông phổ thông sau khi đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi trên số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

4.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể, đối với bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng chịu một sự kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể.

4.23 Công cụ tài chính

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng các Chuẩn mực Lập và trình bày Báo cáo tài chính Quốc tế ("IFRS") về trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Do Thông tư 210 chỉ yêu cầu trình bày và thuyết minh đối với các công cụ tài chính theo IFRS, do vậy việc ghi nhận và đánh giá các tài sản và khoản nợ thể hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vẫn tuân theo quy định của Chuẩn mực và Chế độ Kế toán của Việt Nam.

Phân loại

Theo Thông tư 210, Công ty và các công ty con phân loại tài sản tài chính và nợ tài chính thành các nhóm sau đây:

Đối với tài sản tài chính:

- Tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi lỗ
- Tài sản tài chính được giữ đến ngày đáo hạn
- Tài sản tài chính sẵn sàng để bán
- Các khoản cho vay và các khoản phải thu

Đối với các khoản nợ tài chính:

- Nợ tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi lỗ
- Nợ tài chính khác ghi nhận theo giá trị phân bổ

4.24 Báo cáo theo bộ phận

Mỗi bộ phận là một hợp phần riêng biệt tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế đặc trưng (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với bộ phận khác.

Công ty và các công ty con chủ yếu hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất, gia công hàng may mặc và sản xuất bông, thảm, chăn đệm và trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty và các công ty con không lập báo cáo theo bộ phận.

4.25 Các sự kiện tiềm tàng

Các khoản nợ tiềm tàng không được ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng được công bố trừ khi không xác định được khả năng phát sinh một khoản chi dẫn đến suy giảm lợi ích kinh tế.

Tài sản tiềm tàng không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất nhưng được công bố khi nó có thể mang lại lợi ích kinh tế.

4.26 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình của Công ty và các công ty con tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được công bố trên thuyết minh nếu trọng yếu.

4.27 Phân loại tài sản và nợ phải trả thành ngắn hạn hoặc dài hạn

Tài sản và nợ phải trả được phân loại thành ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo kỳ hạn còn lại của tài sản và nợ phải trả đó tại ngày của bảng cân đối kế toán, ngoại trừ cách thức phân loại đặc thù và/hoặc đã được định trước trong Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

4.28 Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất, như được định nghĩa trong Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, được công bố ở các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính hợp nhất này.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31 tháng 12 năm 2022 VNĐ	31 tháng 12 năm 2021 VNĐ
Tiền		
Tiền mặt tại quỹ	58.246.436.536	1.785.348.618
Tiền gửi ngân hàng	345.791.074.174	151.900.978.093
	404.037.510.710	153.686.326.711
Các khoản tương đương tiền		
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	20.000.000.000	224.915.090.411
	424.037.510.710	378.601.417.122

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn nắm giữ không quá 3 tháng với lãi suất 6,6%/năm.

6. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31 tháng 12 năm 2022		31 tháng 12 năm 2021	
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	530.600.000.000	-	35.000.000.000	-
Trái phiếu (ii)	425.000.000.000	-	433.000.000.000	-
	955.600.000.000	-	468.000.000.000	-

(i) Các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm với lãi suất từ 6,5% tới 10,6%/năm. Trong đó, khoản tiền gửi trị giá 35 tỷ VNĐ tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Định được sử dụng làm tài sản đảm bảo khoản vay ngắn hạn của Công ty từ ngân hàng này (Thuyết minh 23).

(ii) Các khoản trái phiếu, có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và không quá 1 năm với lãi suất từ 8,9%/năm đến 9,05%/năm.

7. Phải thu của khách hàng

	31 tháng 12 năm 2022 VNĐ	31 tháng 12 năm 2021 VNĐ
Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
Công ty TNHH Columbia Sportwear	28.410.760.178	52.501.618.330
Công ty TNHH G-III Apparel Group (G- III Leather Fashions, Inc)	86.630.753.504	54.621.266.332
Công ty TNHH Haddad Apparel Group	31.300.267.505	72.384.800.019
Lifung (Trading) Company Ltd - Express LLC	11.437.110.594	84.760.299.073
Công ty TNHH Products Development Partners - Walmart, INC	110.944.087.231	275.708.409.172
Phải thu khách hàng khác	77.390.371.068	83.251.292.241
	346.113.350.080	623.227.685.167

8. Trả trước cho người bán

	31 tháng 12 năm 2022 VNĐ	31 tháng 12 năm 2021 VNĐ
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Năm Sao	10.000.000.000	10.000.000.000
WORLD FASHION EXCHANGE (I) PVT., LTD	6.371.087.074	5.660.512.079
Công ty Cổ phần Xây dựng Hợp Lực	-	28.569.665.488
Kai Cherng Enterprise Co., Ltd.	2.207.956.006	2.336.818.817
Khác	8.753.762.437	27.961.877.164
	27.332.805.517	74.528.873.548

9. Các khoản phải thu khác

	31 tháng 12 năm 2022 VNĐ	31 tháng 12 năm 2021 VNĐ
Ngắn hạn		
Tạm ứng cho nhân viên	425.494.660	170.372.850
Ký quỹ, ký cược	326.809.000	440.825.500
Khác	5.599.696.068	5.074.359.289
	6.351.999.728	5.685.557.639
Dài hạn		
Tiền đền bù giải phóng mặt bằng	21.374.768.500	21.374.768.500
	27.726.768.228	27.060.326.139

10. Dự phòng các phải thu ngắn hạn khó đòi

	31 tháng 12 năm 2022			31 tháng 12 năm 2021		
	Giá gốc VNĐ	Giá trị có thể thu hồi VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Giá trị có thể thu hồi VNĐ	Dự phòng VNĐ
Phải thu thương mại quá hạn						
Tập đoàn Prime Apparel	27.761.439.507	-	27.761.439.507	27.761.439.507	-	27.761.439.507
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Năm Sao	10.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Các khách hàng khác	2.388.935.248	984.529.978	1.404.405.270	2.388.935.248	984.529.978	1.404.405.270
	40.150.374.755	984.529.978	39.165.844.777	40.150.374.755	984.529.978	39.165.844.777

11. Hàng tồn kho

	31 tháng 12 năm 2022		31 tháng 12 năm 2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	20.933.110.644	-	38.079.160.871	-
Nguyên liệu, vật liệu	163.140.004.246	(959.911.053)	280.041.094.934	(1.529.290.054)
Công cụ, dụng cụ	1.185.022.416	-	24.060.657.162	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	134.025.231.734	-	111.522.392.879	-
Thành phẩm	293.700.084.301	(8.908.181.401)	464.011.846.965	(11.793.192.482)
Hàng hóa	-	-	2.577.596.918	-
Hàng gửi bán	-	-	31.461.190.825	-
	612.983.453.341	(9.868.092.454)	951.753.940.554	(13.322.482.536)

Bao gồm trong thành phẩm và nguyên vật liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 lần lượt là 7.421.905.002 VND và 970.116.509 VND (31 tháng 12 năm 2021: 7.907.989.291 VND và 1.479.290.038 VND) đã được lập dự phòng cho hàng tồn kho chậm luân chuyển.

Bao gồm trong giá trị thành phẩm tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 khoảng 1.640.078.807 VND (31 tháng 12 năm 2021: 4.316.894.490 VND) đã được phản ánh theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày	Năm kết thúc ngày
	31 tháng 12 năm 2022	31 tháng 12 năm 2021
	VND	VND
Số dư đầu năm	13.322.482.536	40.855.300.716
Biến động thuần dự phòng trong năm	(3.454.390.082)	(27.532.818.180)
Số dư cuối năm	9.868.092.454	13.322.482.536

12. Chi phí trả trước

	31 tháng 12 năm 2022	31 tháng 12 năm 2021
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	4.680.791.443	2.314.566.892
Chi phí khác	3.146.084.478	5.260.256.937
	7.826.875.921	7.574.823.829
Dài hạn		
Tiền thuê đất	16.779.291.548	17.383.898.042
Công cụ, dụng cụ	50.792.548.176	15.561.572.843
	67.571.839.724	32.945.470.885
	75.398.715.645	40.520.294.714

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
	Nguyên giá				
1 tháng 1 năm 2022	975.975.303.771	526.345.705.849	39.521.714.517	31.840.540.048	1.573.683.264.185
Mua trong năm	12.141.992.322	109.676.901.786	19.386.049.797	22.229.624.351	163.434.568.256
Chuyển từ XDCB hoàn thành	288.229.580.142	-	-	-	288.229.580.142
Chuyển từ hàng tồn kho	586.060.000	13.648.900.492	-	3.278.839.500	17.513.799.992
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.668.179.142)	(5.247.687.182)	-	(6.915.866.324)
Xóa sổ	(700.000.000)	(1.294.073.571)	(439.552.760)	(398.818.000)	(2.832.444.331)
31 tháng 12 năm 2022	1.276.232.936.235	646.709.255.414	53.220.524.372	56.950.185.899	2.033.112.901.920

Giá trị hao mòn lũy kế

1 tháng 1 năm 2022	(635.203.741.778)	(392.534.303.012)	(27.549.145.101)	(27.830.456.577)	(1.083.117.646.468)
Khấu hao trong năm	(68.158.560.899)	(51.091.723.230)	(5.217.994.758)	(3.877.722.663)	(128.346.001.550)
Thanh lý, nhượng bán	-	1.668.179.142	5.247.687.182	-	6.915.866.324
Xóa sổ	700.000.000	1.294.073.571	439.552.760	282.052.966	2.715.679.297
31 tháng 12 năm 2022	(702.662.302.677)	(440.663.773.529)	(27.079.899.917)	(31.426.126.274)	(1.201.832.102.397)

Giá trị còn lại

1 tháng 1 năm 2022	340.771.561.993	133.811.402.837	11.972.569.416	4.010.083.471	490.565.617.717
31 tháng 12 năm 2022	573.570.633.558	206.045.481.885	26.140.624.455	25.524.059.625	831.280.799.523

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình có các tài sản hình thành từ các khoản vay của Công ty đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng (xem Thuyết minh số 23).

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là khoảng 672 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 571 tỷ VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 tài sản cố định của Công ty và các công ty con với tổng giá trị còn lại là khoảng 552,5 tỷ VND (31 tháng 12 năm 2021: 154,9 tỷ VND) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản Công ty vay ngân hàng (xem Thuyết minh số 23).

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm kết thúc ngày	Năm kết thúc ngày
	31 tháng 12 năm 2022	31 tháng 12 năm 2021
	VND	VND
Số dư đầu năm	159.091.304.266	14.286.046.630
Tăng trong năm	150.843.166.627	165.003.830.806
Chuyển sang TSCĐ vô hình	-	(836.397.503)
Chuyển sang TSCĐ hữu hình	(288.229.580.142)	(19.362.175.667)
Số dư cuối năm	21.704.890.751	159.091.304.266
Trong đó:		
Dự án xây dựng nhà máy Sông Hồng - Nghĩa Hưng	21.704.890.751	159.034.562.448
Khác	-	56.741.818
	21.704.890.751	159.091.304.266

15. Phải trả người bán

	31 tháng 12 năm 2022		31 tháng 12 năm 2021	
	Số có khả năng		Số có khả năng	
	Giá trị VND	trả nợ VND	Giá trị VND	trả nợ VND
Phải trả người bán ngắn hạn là các bên thứ ba				
Soochow Reliance International Trading Co.,Ltd	15.653.704.526	15.653.704.526	180.770.897	180.770.897
Công ty TNHH Formosa Taffeta	1.592.408.418	1.592.408.418	12.286.914.228	12.286.914.228
Công ty TNHH Tín Trục	20.591.111.401	20.591.111.401	21.973.827.641	21.973.827.641
Shang Hai Sunway International Ltd.	26.663.006.288	26.663.006.288	8.200.644.122	8.200.644.122
Công ty Cổ phần Xây dựng Hợp Lực	42.490.557.227	42.490.557.227	-	-
Suzhou Xinyuanheng Textile Technology Co.,Ltd	32.592.714	32.592.714	21.518.602.649	21.518.602.649
Phải trả cho các đối tượng khác	130.021.137.935	130.021.137.935	149.579.247.241	149.579.247.241
	237.044.518.509	237.044.518.509	213.740.006.778	213.740.006.778
Phải trả người bán là các bên liên quan (Thuyết minh 37)				
Công ty TNHH May mặc Sông Hồng	2.942.007.930	2.942.007.930	6.582.006.115	6.582.006.115
	239.986.526.439	239.986.526.439	220.322.012.893	220.322.012.893

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2022		31 tháng 12 năm 2021	
	VND		VND	
SAE-A TRADING CO., LTD	2.106.789.803	2.106.789.803	2.948.004.586	2.948.004.586
Công ty TNHH Sông Hồng Beddings	512.034.641	512.034.641	2.682.222.797	2.682.222.797
HANSOLL TEXTILE LTD	-	-	1.791.221.419	1.791.221.419
Phải trả cho các đối tượng khác	12.386.685.926	12.386.685.926	12.695.017.941	12.695.017.941
	15.005.510.370	15.005.510.370	20.116.466.743	20.116.466.743

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31 tháng 12 năm 2021		Trong năm		31 tháng 12 năm 2022	
	Giá trị VND	Tăng VND	Thanh toán/Bù trừ VND	Giá trị VND	Tăng VND	Giá trị VND
	Thuế giá trị gia tăng	40.825.130	27.314.237.716	(27.355.062.846)	-	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	1.031.565.276	17.251.916.503	(17.460.182.638)	823.299.141	823.299.141	823.299.141
Thuế nhập khẩu	5.743.080	4.259.285.007	(4.074.584.530)	190.443.557	190.443.557	190.443.557
Thuế thu nhập cá nhân	7.248.563.869	6.235.478.516	(13.459.992.765)	24.049.620	24.049.620	24.049.620
Thuế thu nhập doanh nghiệp	25.434.571.754	101.367.330.149	(94.000.000.000)	32.801.901.903	32.801.901.903	32.801.901.903
Các loại thuế khác	5.089.383	17.147.868.394	(14.444.267.439)	2.708.690.338	2.708.690.338	2.708.690.338
	33.766.358.492	173.576.116.285	(170.794.090.218)	36.548.384.559	36.548.384.559	36.548.384.559

18. Phải trả người lao động

	31 tháng 12 năm 2022		31 tháng 12 năm 2021	
	VND		VND	
Lương phải trả người lao động	127.768.255.264	127.768.255.264	97.734.178.014	97.734.178.014
Dự phòng quỹ tiền lương phải trả	194.454.007.300	194.454.007.300	194.781.127.489	194.781.127.489
Tiền thưởng phải trả người lao động	171.020.784.919	171.020.784.919	168.233.202.943	168.233.202.943
	493.243.047.483	493.243.047.483	460.748.508.446	460.748.508.446

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2022		31 tháng 12 năm 2021	
	VND		VND	
Chi phí tiền lương phép	-	-	36.927.277.278	36.927.277.278
Chi phí bảo hộ lao động	596.083.277	596.083.277	56.396.248.139	56.396.248.139
Chi phí cơm ca	9.231.610.057	9.231.610.057	46.179.087.241	46.179.087.241
Trích trước thường hoa hồng, doanh số	20.164.792.706	20.164.792.706	20.628.454.536	20.628.454.536
Khác	5.724.537.630	5.724.537.630	579.917.948	579.917.948
	35.717.023.670	35.717.023.670	160.710.985.142	160.710.985.142

20. Phải trả ngắn hạn khác

	31 tháng 12 năm 2022		31 tháng 12 năm 2021	
	VND		VND	
Kinh phí công đoàn	1.897.818.680	1.897.818.680	799.612.300	799.612.300
Bảo hiểm xã hội	317.894.656	317.894.656	-	-
Công ty TNHH May mặc Sông Hồng (i)	182.977.183	182.977.183	5.812.991.185	5.812.991.185
Hợp tác kinh doanh với Hãng Multiwaw	1.697.700.000	1.697.700.000	1.697.700.000	1.697.700.000
Phải trả cổ tức	472.407.800	472.407.800	383.487.800	383.487.800
Phải trả ốm đau thai sản cho nhân viên	-	-	211.523.726	211.523.726
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.863.781.107	1.863.781.107	2.916.599.730	2.916.599.730
	6.432.579.426	6.432.579.426	11.821.914.741	11.821.914.741

(i) Khoản phải trả Công ty TNHH May mặc Sông Hồng về phí kiểm tra hàng mẫu và chi phí hoạt động theo quy chế hoạt động của Công ty TNHH May mặc Sông Hồng (Thuyết minh số 36).

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm kết thúc ngày		Năm kết thúc ngày	
	31 tháng 12 năm 2022		31 tháng 12 năm 2021	
	VND		VND	
Số dư đầu năm	49.275.927.134	49.275.927.134	35.319.033.047	35.319.033.047
Trích trong năm	-	-	13.978.894.087	13.978.894.087
Sử dụng trong năm	(13.502.305.505)	(13.502.305.505)	(22.000.000)	(22.000.000)
Số dư cuối năm	35.773.621.629	35.773.621.629	49.275.927.134	49.275.927.134

22. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Biến động dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày		Năm kết thúc ngày	
	31 tháng 12 năm 2022		31 tháng 12 năm 2021	
	VND		VND	
Số dư đầu năm	20.000.000.000	20.000.000.000	19.924.845.652	19.924.845.652
Trích trong năm	30.000.000.000	30.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Sử dụng trong năm	(19.952.837.695)	(19.952.837.695)	(19.924.845.652)	(19.924.845.652)
Số dư cuối năm	30.047.162.305	30.047.162.305	20.000.000.000	20.000.000.000

23. Vay và nợ thuê tài chính

	31 tháng 12 năm 2022		Trong năm		31 tháng 12 năm 2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn						
Vay VND và USD - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Định (i)	-	-	465.209.530.680	(573.682.450.885)	108.472.920.205	108.472.920.205
Vay USD - Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Nam Định (ii)	-	-	318.174.441.449	(318.174.441.449)	-	-
Vay USD - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Nam Định (iii)	376.478.196.291	376.478.196.291	1.820.993.399.920	(1.888.102.346.616)	443.587.142.987	443.587.142.987
	376.478.196.291	376.478.196.291	2.604.377.372.049	(2.779.959.238.950)	552.060.063.192	552.060.063.192
Vay dài hạn						
Vay VND và USD - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Nam Định (iv)	305.913.036.728	305.913.036.728	129.499.554.451	(2.000.000.000)	178.413.482.277	178.413.482.277
	682.391.233.019	682.391.233.019	2.733.876.926.500	(2.781.959.238.950)	730.473.545.469	730.473.545.469

- (i) Các khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Định theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2022/232413/HĐTĐ có hạn mức tín dụng tối đa là 270 tỷ VNĐ, với mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời gian cấp hạn mức đến ngày 25 tháng 5 năm 2023. Các khoản vay này chịu lãi suất 2,2%/năm. Tài sản đảm bảo là toàn bộ các tài sản Bên vay, bên thứ ba đã, đang và sẽ thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp ký kết với Ngân hàng tại mọi thời điểm (nếu có), hiện gồm: trụ sở và các công trình trên đất khu sản xuất Sông Hồng 1; máy móc thiết bị HD01/2004; máy móc thiết bị dây chuyền may xuất khẩu Sông Hồng 3; nhà xưởng và các công trình trên đất khu sản xuất Sông Hồng 3; nhà xưởng và các công trình trên đất khu sản xuất Sông Hồng Nghĩa Hưng. Khoản vay đã được thanh toán toàn bộ trong năm 2022.
- (ii) Các khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Nam Định theo Hợp đồng cấp tín dụng mới nhất số 112464.23.775.2224835.TD ngày 1 tháng 2 năm 2023 có hạn mức tín dụng là 10 triệu USD (bao gồm toàn bộ giá trị hạn mức cho vay, hạn mức phát hành L/C, hạn mức bảo lãnh và hạn mức chiết khấu). Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất, gia công hàng dệt may xuất khẩu. Đây là các khoản vay tín chấp, chịu lãi suất từ 1,8%/năm đến 2,9%/năm.
- (iii) Các khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Định theo Hợp đồng cấp tín dụng mới nhất số 01/2023/VCB.NDI/8653913/CTD ngày 4 tháng 1 năm 2023 có hạn mức tín dụng là 600 tỷ VNĐ. Với mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn sử dụng hạn mức không vượt quá 12 tháng kể từ ngày cấp hạn mức tín dụng, tức ngày 30 tháng 12 năm 2023. Các khoản vay này giải ngân bằng USD và chịu lãi suất 1,8%/năm đến 2%/năm. Biện pháp đảm bảo được quy định tại Điều 4 Hợp đồng Cấp tín dụng, gồm: Quyền sử dụng đất khu vực Sông Hồng 8 tại khu công nghiệp Mỹ Trung, Mỹ Lộc, Nam Định; tài sản gắn liền với đất khu vực Sông Hồng 8; máy móc thiết bị khu vực Sông Hồng 8; hợp đồng tiền gửi 35 tỷ VNĐ (Thuyết minh 6); hàng tồn kho luân chuyển tại Sông Hồng 7, Sông Hồng 8; tài sản gắn liền với đất nhà máy Sông Hồng 7, xã Hải Phương, huyện Hải Hậu, Nam Định; tài sản gắn liền với đất nhà máy Sông Hồng 4, Xuân Trường, Nam Định; Quyền sử dụng đất tại số 228 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Nam Định.
- (iv) Các khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Định theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 01/2021/VCB.NDI/16750081/CTD ngày 26 tháng 7 năm 2021 có hạn mức tín dụng là 400 tỷ VNĐ. Với mục đích sử dụng vốn vay để phục vụ cho các hạng mục của dự án xây dựng nhà máy Nghĩa Phong của Công ty con. Thời hạn sử dụng hạn mức tín dụng là không vượt quá 12 tháng kể từ ngày hợp đồng tín dụng, đến ngày 26 tháng 7 năm 2022. Biện pháp đảm bảo được quy định tại Điều 3 Hợp đồng Cấp tín dụng. Các khoản vay này được giải ngân bằng VNĐ và USD, chịu lãi suất cố định 7,5%/năm trong 2 năm đầu và lãi suất thả nổi cho các năm tiếp theo (kể từ 26

tháng 7 năm 2023). Khoản vay được bảo đảm bởi toàn bộ công trình xây dựng, máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, phương tiện vận tải, hệ thống thiết bị nhà xưởng và tài sản khác gắn liền với đất hình thành trong tương lai thuộc dự án "Xây dựng Khu sản xuất may xuất khẩu" của Công ty Cổ phần May Sông Hồng – Nghĩa Hưng.

24. Nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND		Quý đầu tư phát triển VND		Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu VND		Nguồn vốn đầu tư XDCB VND		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND		Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND		Tổng VND		
	Số dư, 1 tháng 1 năm 2021	Lãi trong năm nay	Trả cổ tức	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	Số dư, 31 tháng 12 năm 2021	Số dư, 1 tháng 1 năm 2022	Chia cổ tức bằng cổ phiếu (i)	Trả cổ tức bằng tiền (ii)	Lãi/(lỗ) trong năm nay	Tăng do góp vốn vào công ty con	Số dư, 31 tháng 12 năm 2022	Số dư, 1 tháng 1 năm 2022	Chia cổ tức bằng cổ phiếu (i)	Trả cổ tức bằng tiền (ii)	Lãi/(lỗ) trong năm nay
Số dư, 1 tháng 1 năm 2021	500.094.000.000	-	-	-	500.094.000.000	500.094.000.000	500.094.000.000	250.047.000.000	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	500.094.000.000	-	-	500.094.000.000	500.094.000.000	500.094.000.000	250.047.000.000	-	-	-	-	-	-	-
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư, 31 tháng 12 năm 2021	500.094.000.000	-	-	-	500.094.000.000	500.094.000.000	500.094.000.000	250.047.000.000	-	-	-	-	-	-	-
Số dư, 1 tháng 1 năm 2022	500.094.000.000	500.094.000.000	-	-	1.000.188.000.000	1.000.188.000.000	1.000.188.000.000	500.094.000.000	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (i)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trả cổ tức bằng tiền (ii)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng do góp vốn vào công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư, 31 tháng 12 năm 2022	750.141.000.000	750.141.000.000	-	-	1.500.282.000.000	1.500.282.000.000	1.500.282.000.000	750.141.000.000	-	-	-	-	-	-	-

- (i) Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 cho các cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 24/2022/NQ-ĐHĐCĐ/MSH ngày 29 tháng 4 năm 2022, với tỷ lệ phát hành 2:1 (Cổ đông sở hữu 2 cổ phần tại ngày chốt danh sách cổ đông để phát hành cổ phiếu trả cổ tức sẽ được nhận thêm 1 cổ phần mới).
- (ii) Tạm ứng cổ tức bằng tiền cho các cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 77/2022/NQ/HĐQT/MSH ngày 14 tháng 11 năm 2022.

25. Vốn góp chủ sở hữu

Chi tiết góp vốn của chủ sở hữu

	31 tháng 12 năm 2022		31 tháng 12 năm 2021	
	VND	% Sở hữu	VND	% Sở hữu
Ông Bùi Đức Thịnh	179.341.200.000	23,91%	119.560.800.000	23,91%
Ông Bùi Việt Quang	85.125.600.000	11,35%	51.987.600.000	11,35%
Bà Bùi Thu Hà	57.947.400.000	7,72%	10.941.600.000	2,19%
Bà Phạm Thị Sông Ngân	55.502.250.000	7,40%	37.001.500.000	7,40%
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	95.920.700.000	12,79%	64.800.000.000	12,96%
Các cổ đông khác	276.303.850.000	36,83%	215.802.500.000	42,20%
	750.141.000.000	100%	500.094.000.000	100%

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm kết thúc ngày		Năm kết thúc ngày	
	31 tháng 12 năm 2022	VND	31 tháng 12 năm 2022	VND
Vốn góp của chủ sở hữu				
Vốn góp đầu kỳ		500.094.000.000		500.094.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ		250.047.000.000		-
Vốn góp cuối kỳ		750.141.000.000		500.094.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		187.535.250.000		375.070.950.000

Cổ phiếu phát hành:

	31 tháng 12 năm 2022		31 tháng 12 năm 2021	
	Số lượng cổ phiếu		Số lượng cổ phiếu	
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	75.014.100		50.009.400	
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	75.014.100		50.009.400	
- Cổ phiếu phổ thông	75.014.100		50.009.400	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	75.014.100		50.009.400	
- Cổ phiếu phổ thông	75.014.100		50.009.400	

Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng cho một phiếu biểu quyết tại cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức theo công bố tại từng thời điểm. Tất cả các cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Trong trường hợp các cổ phiếu được Công ty mua lại, tất cả các quyền sẽ bị tạm dừng cho đến khi chúng được phát hành lại.

26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Năm kết thúc ngày		Năm kết thúc ngày	
	31 tháng 12 năm 2022	VND	31 tháng 12 năm 2021	VND
Lợi nhuận sau thuế	374.889.816.121		442.381.430.996	
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	374.889.816.121		442.381.430.996	
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm (*)	75.014.100		75.014.100	
Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	4.998		5.897	

(*) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm của kỳ hiện tại và kỳ so sánh đã được điều chỉnh cho việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức trong năm.

27. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm các khoản gốc ngoại tệ khác VND, như sau:

	31 tháng 12 năm 2022	31 tháng 12 năm 2021
Gốc ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ ("USD")	6.301.530	5.478.098

28. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm kết thúc ngày		Năm kết thúc ngày	
	31 tháng 12 năm 2022	VND	31 tháng 12 năm 2021	VND
Doanh thu bán hàng hóa	4.732.705.394.350		3.967.796.692.982	
Doanh thu dịch vụ gia công	789.623.796.238		781.300.856.107	
Khác	585.336.045		-	
	5.522.914.526.633		4.749.097.549.089	

29. Giá vốn hàng bán

	Năm kết thúc ngày		Năm kết thúc ngày	
	31 tháng 12 năm 2022	VND	31 tháng 12 năm 2021	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.959.100.578.415		3.180.472.963.597	
Giá vốn dịch vụ gia công	733.190.081.500		636.564.742.686	
	4.692.290.659.915		3.817.037.706.283	

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm kết thúc ngày		Năm kết thúc ngày	
	31 tháng 12 năm 2022	VND	31 tháng 12 năm 2021	VND
Lãi tiền gửi	72.442.553.204		53.235.878.100	
Lãi chênh lệch tỷ giá	79.689.694.764		24.581.902.164	
	152.132.247.968		77.817.780.264	

31. Chi phí tài chính

	Năm kết thúc ngày		Năm kết thúc ngày	
	31 tháng 12 năm 2022	VND	31 tháng 12 năm 2021	VND
Chi phí lãi vay	33.904.594.116		10.033.194.841	
Lỗ chênh lệch tỷ giá	31.211.226.485		8.850.089.080	
	65.115.820.601		18.883.283.921	

32. Chi phí bán hàng

	Năm kết thúc ngày		Năm kết thúc ngày	
	31 tháng 12 năm 2022	VND	31 tháng 12 năm 2021	VND
Chi phí nguyên vật liệu	5.522.732.651		7.596.121.944	
Chi phí khấu hao	4.027.065.021		3.994.675.495	
Chi phí nhân công	6.583.288.472		2.095.576.075	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	143.477.352.658		120.184.660.784	
Chi phí bằng tiền khác	13.752.333.685		11.012.641.124	
	173.362.772.487		144.883.675.422	

33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	5.874.417.192	4.948.445.448
Chi phí khấu hao	16.453.527.996	21.508.839.002
Chi phí nhân công	157.878.590.180	179.004.923.781
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(9.395.732.686)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.239.992.556	51.157.365.223
Chi phí bằng tiền khác	64.316.400.939	51.532.985.928
	296.762.928.863	298.756.826.696

34. Chi phí sản xuất và hoạt động theo yếu tố

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	2.504.381.318.824	2.462.780.816.545
Chi phí nhân công	1.718.040.962.966	1.628.325.797.752
Chi phí khấu hao	133.657.062.505	133.123.478.907
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(9.395.732.686)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	342.968.178.472	261.365.680.296
Chi phí bằng tiền khác	201.843.299.844	137.629.964.340
	4.900.890.822.611	4.613.830.005.154

35. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty mẹ

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") theo thuế suất phổ thông trên thu nhập chịu thuế.

Các công ty con

Công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") theo thuế suất 17% trên thu nhập chịu thuế trong 10 năm kể từ năm bắt đầu hoạt động kinh doanh và thuế suất phổ thông cho các năm tiếp theo. Công ty con được miễn thuế TNDN trong 2 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 4 năm tiếp theo.

Theo Luật Thuế TNDN sửa đổi số 32/2013/QH13 ban hành ngày 19 tháng 6 năm 2013 và các quy định thuế hiện hành, mức thuế suất phổ thông là 20%.

Chi phí thuế TNDN trong năm được ước tính như sau:

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	439.052.546.576	542.658.357.951
Các khoản điều chỉnh cho:		
Các chi phí không được trừ	1.621.836.552	1.319.476.117
Điều chỉnh hợp nhất	(3.493.590.622)	1.705.479.452
Thu nhập tính thuế cho các đơn hàng đã hoàn thiện thủ tục hải quan nhưng chưa đủ điều kiện ghi nhận doanh thu	-	4.522.261.343
Thu nhập tính thuế cho các đơn hàng đã hoàn thiện thủ tục hải quan từ năm trước	(4.522.261.343)	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(11.359.093.512)	11.359.093.512
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện năm trước thực hiện trong năm nay	9.609.458.618	(3.003.934.281)
Thu nhập tính thuế hiện hành ước tính	430.908.896.269	558.560.734.094

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
	VND	VND
<i>Trong đó:</i>		
Lỗ của công ty con	(75.927.754.477)	(31.730.362)
Thu nhập tính thuế từ dự án đầu tư mở rộng được giảm 50% thuế suất (10%) (*)	-	114.260.180.593
Thu nhập tính thuế theo thuế suất 20%	506.836.650.746	444.332.283.863
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất 10%	-	11.426.018.059
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất 20%	101.367.330.149	88.866.456.773
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	101.367.330.149	100.292.474.832

(*) Trong năm 2016, Công ty đã hoàn thành việc thực hiện đầu tư bổ sung và mở rộng quy mô hoạt động sản xuất ("dự án đầu tư mở rộng") tại nhà máy Sông Hồng 9. Theo đó, Công ty được miễn thuế trong hai (2) năm (từ năm 2016 đến năm 2017) và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong bốn (4) năm tiếp theo (từ năm 2018 đến năm 2021) đối với thu nhập tăng thêm từ dự án đầu tư mở rộng này theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2013, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật thuế TNDN.

Việc tính thuế TNDN còn phụ thuộc vào việc kiểm tra và phê duyệt của cơ quan thuế.

Thuế hoãn lại không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 vì Công ty và các công ty con không phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời đáng kể tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

36. Thuyết minh về các giao dịch không bằng tiền bổ sung cho báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
	VND	VND
Mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán	30.041.902.951	48.584.433.297

37. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan của Công ty và các công ty con trong kỳ như sau:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty
1	Công ty TNHH May Mặc Sông Hồng	Công ty liên quan
2	Ông Bùi Đức Thịnh	Chủ tịch HĐQT
3	Ông Bùi Việt Quang	Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc
4	Ông Nguyễn Mạnh Tường	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc
5	Bà Lê Hồng Yến	Thành viên HĐQT
6	Ông Bernard Szeto W.K	Thành viên HĐQT
7	Ông Đinh Tráng Thi	Thành viên HĐQT
8	Bà Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên HĐQT
9	Bà Bùi Thu Hà	Thành viên HĐQT
10	Ông Trần Chí Dũng	Phó Tổng Giám đốc

Trong kỳ, Công ty và các công ty con đã thực hiện giao dịch với các bên liên quan như sau:

Các bên có liên quan	Quan hệ	Bản chất giao dịch	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
			VND	VND
Công ty TNHH May mặc Sông Hồng	Công ty liên quan	Mua nguyên vật liệu và chi phí dịch vụ	27.168.830.094	50.782.125.241

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư với các bên liên quan như sau:

Các bên có liên quan	Quan hệ	31 tháng 12 năm 2022	
		Phải trả người bán VNĐ	Phải trả khác VNĐ
Công ty TNHH May Mặc Sông Hồng	Công ty liên quan	2.942.007.930	182.977.183

Các bên có liên quan	Quan hệ	31 tháng 12 năm 2021	
		Phải trả người bán VNĐ	Phải trả khác VNĐ
Công ty TNHH May Mặc Sông Hồng	Công ty liên quan	6.582.006.115	5.812.991.185

38. Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Trong năm, thù lao nhận được của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc như sau:

Họ và tên	Chức danh	Năm kết thúc ngày	
		31 tháng 12 năm 2022 VNĐ	31 tháng 12 năm 2021 VNĐ
Bùi Đức Thịnh	Chủ tịch HĐQT	1.152.976.241	1.303.184.923
Bùi Việt Quang	Tổng Giám đốc/Thành viên HĐQT	1.343.107.093	1.480.526.543
Lê Hồng Yến	Thành viên HĐQT	1.128.839.869	1.170.539.664
Nguyễn Mạnh Tường	Phó Tổng Giám đốc/Thành viên HĐQT	1.151.451.858	1.309.985.722
Trần Chí Dũng	Phó Tổng Giám đốc	168.475.254	770.108.929
		4.944.850.315	6.034.345.781

39. Cam kết

Thuê hoạt động

Tại ngày 31 tháng 12, Công ty và các công ty con cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang cho phí thuê đất như sau:

	31 tháng 12 năm 2022 VNĐ	31 tháng 12 năm 2021 VNĐ
Trong năm tới	4.145.224.535	4.145.224.535
Từ 2 đến 5 năm	16.580.898.140	16.580.898.140
Sau 5 năm	84.171.783.465	89.924.781.000
	104.897.906.140	110.650.903.675

Cam kết chi phí vốn

Trong năm, Công ty Cổ phần May Sông Hồng – Nghĩa Hưng (Nghĩa Hưng), công ty con, đã ký hợp đồng với các nhà thầu để thực hiện các công việc xây dựng của Dự án Xây dựng nhà xưởng của Nghĩa Hưng, với tổng giá trị hợp đồng còn đang thực hiện là khoảng 372 tỷ VNĐ (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng). Các công việc xây dựng dự kiến sẽ hoàn thành trong năm nay. Tại ngày của báo cáo này, Nghĩa Hưng đã trả cho các nhà thầu xây dựng liên quan đến các hợp đồng này số tiền là khoảng 335 tỷ VNĐ.

Cam kết góp vào công ty con

Theo Nghị quyết số 77/2022/NQ/HĐQT/MSH ngày 14 tháng 11 năm 2022, Hội đồng Quản trị đã thông qua kế hoạch góp vốn vào Công ty BSS Logistics Việt Nam ("Công ty BSS"). Theo đó, Công ty sẽ góp 4,08 tỷ VNĐ vào Công ty BSS để sở hữu 51% vốn điều lệ của Công ty BSS sau khi góp. Công ty BSS là một công ty thành lập ở Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ vận tải và hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Tại ngày của báo cáo này, Công ty đang hoàn thiện các thủ tục cần thiết để thực hiện việc góp vốn nêu trên.

40. Mục tiêu và chính sách quản trị rủi ro

Công ty và các công ty con chịu các rủi ro khác nhau liên quan đến sử dụng các công cụ tài chính. Các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả của Công ty và các công ty con đã được phân loại theo khoản mục trên Thuyết minh số 4.23. Các rủi ro chính của Công ty và các công ty con là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Các chính sách quản trị rủi ro của Công ty và các công ty con tập trung chủ yếu vào việc đảm bảo dòng tiền ngắn đến trung hạn của Công ty và các công ty con bằng cách giảm thiểu các tác động từ thị trường tài chính.

Các rủi ro tài chính trọng yếu tác động đến hoạt động của Công ty và các công ty con được mô tả dưới đây.

40.1 Rủi ro thị trường

Công ty và các công ty con chịu tác động của rủi ro thị trường thông qua việc sử dụng các công cụ tài chính, đặc biệt là rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá do đặc thù hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty và các công ty con.

Biến động tỷ giá hối đoái

Hầu hết các giao dịch của Công ty và các công ty con được thực hiện bằng Đồng Việt Nam. Tác động của rủi ro tiền tệ phát sinh từ hoạt động mua bán với nước ngoài của Công ty và các công ty con, ngoài ra Công ty và các công ty con cũng có các khoản vay thực hiện bằng ngoại tệ chủ yếu bằng Đô la Mỹ ("USD").

Tài sản và nợ phải trả tài chính phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra VNĐ tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất như sau:

	31 tháng 12 năm 2022 Tương đương VNĐ USD	31 tháng 12 năm 2021 Tương đương VNĐ USD
Tài sản tài chính	664.979.637.486	767.113.731.449
Nợ tài chính	(484.192.905.663)	(647.621.947.771)
Ảnh hưởng ngắn hạn	180.786.731.823	119.491.783.678
Tài sản tài chính dài hạn	-	-
Nợ tài chính dài hạn	-	(7.311.597.923)
Ảnh hưởng dài hạn	-	(7.311.597.923)

Bảng sau đây biểu thị sự nhạy cảm của kết quả hoạt động thuần trong năm và vốn liên quan đến tài sản và nợ phải trả tài chính dưới sự thay đổi của tỷ giá USD/VNĐ.

Giả sử có một sự thay đổi +/- 3,5% tỷ giá USD/VNĐ cho Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021: +/-1,4%). Cả hai tỷ lệ này được xác định dựa vào sự biến động của thị trường tỷ giá bình quân trong 12 tháng trước đó. Việc phân tích sự nhạy cảm dựa vào các công cụ tài chính phát sinh bằng ngoại tệ mà Công ty và các công ty con nắm giữ tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất và đánh giá tác động của hợp đồng kỳ hạn và tác động của thay đổi tỷ giá ngoại tệ.

Nếu USD tăng so với VNĐ tương ứng là 3,5% (năm 2021: 1,4%) thì điều này sẽ có những tác động sau đây:

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 VNĐ
Kết quả thuần trong năm	5.080.812.338	1.256.418.080
Vốn chủ sở hữu	5.080.812.338	1.256.418.080

Nếu USD giảm so với VNĐ tương ứng là 3,5% (năm 2021: 1,4%) thì điều này sẽ có những tác động sau đây:

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 VNĐ
Kết quả thuần trong năm	(5.080.812.338)	(1.256.418.080)
Vốn chủ sở hữu	(5.080.812.338)	(1.256.418.080)

Tác động tỷ giá ngoại tệ biến động giữa các năm phụ thuộc vào lượng giao dịch ngoại tệ. Tuy nhiên, phân tích ở trên được coi là đại diện cho rủi ro ngoại tệ của Công ty và các công ty con.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý (rủi ro giá trị hợp lý lãi suất) hoặc dòng tiền tương lai (rủi ro dòng tiền lãi suất) của một công cụ tài chính sẽ biến động do tác động của thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro giá trị hợp lý lãi suất từ báo cáo tài chính hợp nhất với lãi suất cố định được ghi nhận bằng giá trị hợp lý. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty và các công ty con có các khoản vay lãi suất cố định là 376.478.196.291 VNĐ và các khoản vay với lãi suất điều chỉnh định kỳ là 305.913.036.728 VNĐ. Tuy nhiên, sự điều chỉnh lãi suất cho các khoản vay này trong năm không đáng kể. Ngoài ra, Công ty và các công ty con không có bất cứ công cụ tài chính nào cần phải được ghi nhận bằng giá trị hợp lý. Do đó, thay đổi rủi ro lãi suất không ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con.

40.2 Rủi ro tín dụng

Công ty và các công ty con đối mặt với rủi ro tín dụng trong giới hạn giá trị ghi sổ của tài sản tài chính ghi nhận tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, được tóm tắt như sau:

	31 tháng 12 năm 2022 VNĐ	31 tháng 12 năm 2021 VNĐ
Các nhóm tài sản tài chính – giá trị ghi sổ		
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	955.600.000.000	468.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	424.037.510.710	378.601.417.122
Phải thu thương mại và phải thu khác – Thuần	363.047.157.604	611.122.166.529
	1.742.684.668.314	1.457.723.583.651

Công ty và các công ty con liên tục theo dõi khả năng không trả được nợ của khách hàng và các đối tác khác, được xác định riêng lẻ hoặc bởi Công ty, và kết hợp thông tin này để kiểm soát rủi ro tín dụng. Chính sách của Công ty và các công ty con chỉ dùng cho các đối tác đáng tin cậy.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng tất cả các tài sản tài chính ở trên không bị suy giảm giá trị tại mỗi ngày báo cáo sau khi xem xét chất lượng tín dụng tốt ngoại trừ các khoản đã được lập dự phòng phải thu khó đòi.

40.3 Rủi ro thanh khoản

Công ty và các công ty con quản lý nhu cầu thanh khoản bằng cách theo dõi sát sao lịch trả nợ phục vụ cho việc thanh toán các khoản nợ phải trả tài chính dài hạn cũng như dòng tiền ra hàng ngày. Nhu cầu thanh khoản được theo dõi trong các dải thời gian khác nhau.

Công ty và các công ty con duy trì một mức tiền và chứng khoán có thể bán được để đáp ứng yêu cầu thanh khoản cho giai đoạn lên đến 30 ngày.

Tại ngày 31 tháng 12, các khoản nợ của Công ty và các công ty con có thời gian đáo hạn được tóm tắt như sau:

	Ngắn hạn		Dài hạn
	Trong vòng 1 năm VNĐ	1 đến 5 năm VNĐ	Trên 5 năm VNĐ
31 tháng 12 năm 2022			
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	376.478.196.291	305.913.036.728	-
Phải trả người bán	239.986.526.439	-	-
Nợ phải trả tài chính ngắn hạn khác	601.213.434.513	-	-
	1.217.678.157.243	305.913.036.728	-
31 tháng 12 năm 2021			
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	552.060.063.192	178.413.482.277	-
Phải trả người bán	220.322.012.893	-	-
Nợ phải trả tài chính ngắn hạn khác	702.557.335.463	-	-
	1.474.939.411.548	178.413.482.277	-

41. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, so với giá trị sổ sách được trình bày dưới đây:

	31 tháng 12 năm 2022 VNĐ	31 tháng 12 năm 2021 VNĐ
Tài sản tài chính		
Các khoản cho vay và phải thu		
Tiền và các khoản tương đương tiền	424.037.510.710	378.601.417.122
Các khoản phải thu – Thuần	363.047.157.604	611.122.166.529
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	955.600.000.000	468.000.000.000
	1.742.684.668.314	1.457.723.583.651

Nợ phải trả tài chính

Nợ tài chính khác		
Phải trả người bán	239.986.526.439	220.322.012.893
Nợ phải trả tài chính khác	601.213.434.513	702.557.335.463
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	682.391.233.019	730.473.545.469
	1.523.591.193.971	1.653.352.893.825

Công ty và các công ty con chưa đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán bởi vì không có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính vào ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

42. Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại được lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm kết thúc cùng ngày. Các số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được mang sang từ báo cáo tài chính hợp nhất được lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được kiểm toán.

43. Sự kiện sau ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất


Không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày báo cáo có ảnh hưởng tới tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 hoặc kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn chín tháng kết thúc cùng ngày.


44. Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc phê duyệt để phát hành.

Nam Định, Việt Nam
Ngày 15 tháng 3 năm 2023


Bùi Đức Thịnh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị


Lê Văn Quang
Kế toán trưởng


Lê Văn Quang
Người lập biểu



۱۳۸۲

Công ty Cổ phần May Sông Hồng



Địa chỉ: Số 105 đường Nguyễn Đức Thuận, Phường Thống Nhất, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Số điện thoại: +84 2283 649365 Số fax: +84 2283 646737

Website: <https://www.songhong.vn/>